

LSD

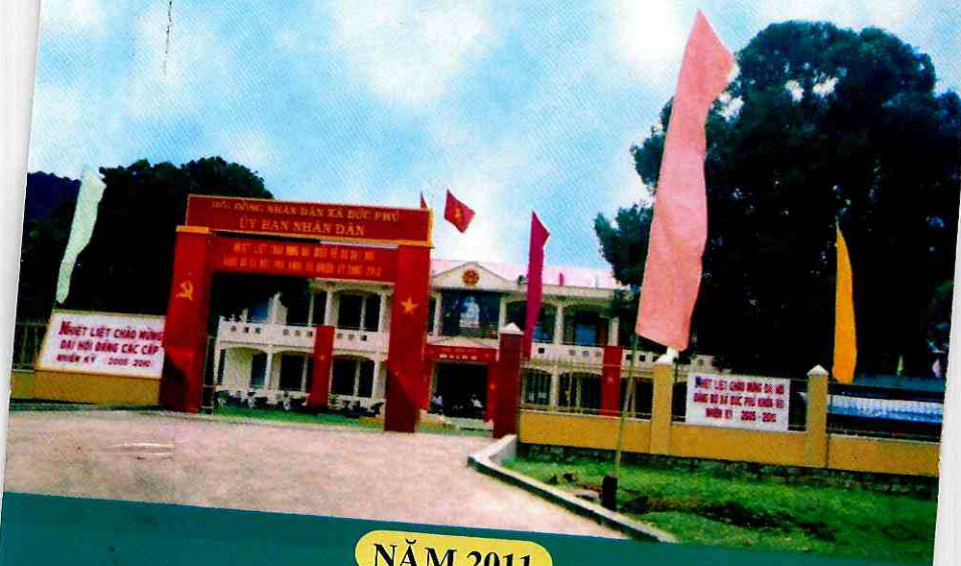
033

ĐẢNG BỘ HUYỆN TÁNH LINH
ĐẢNG BỘ XÃ ĐỨC PHÚ

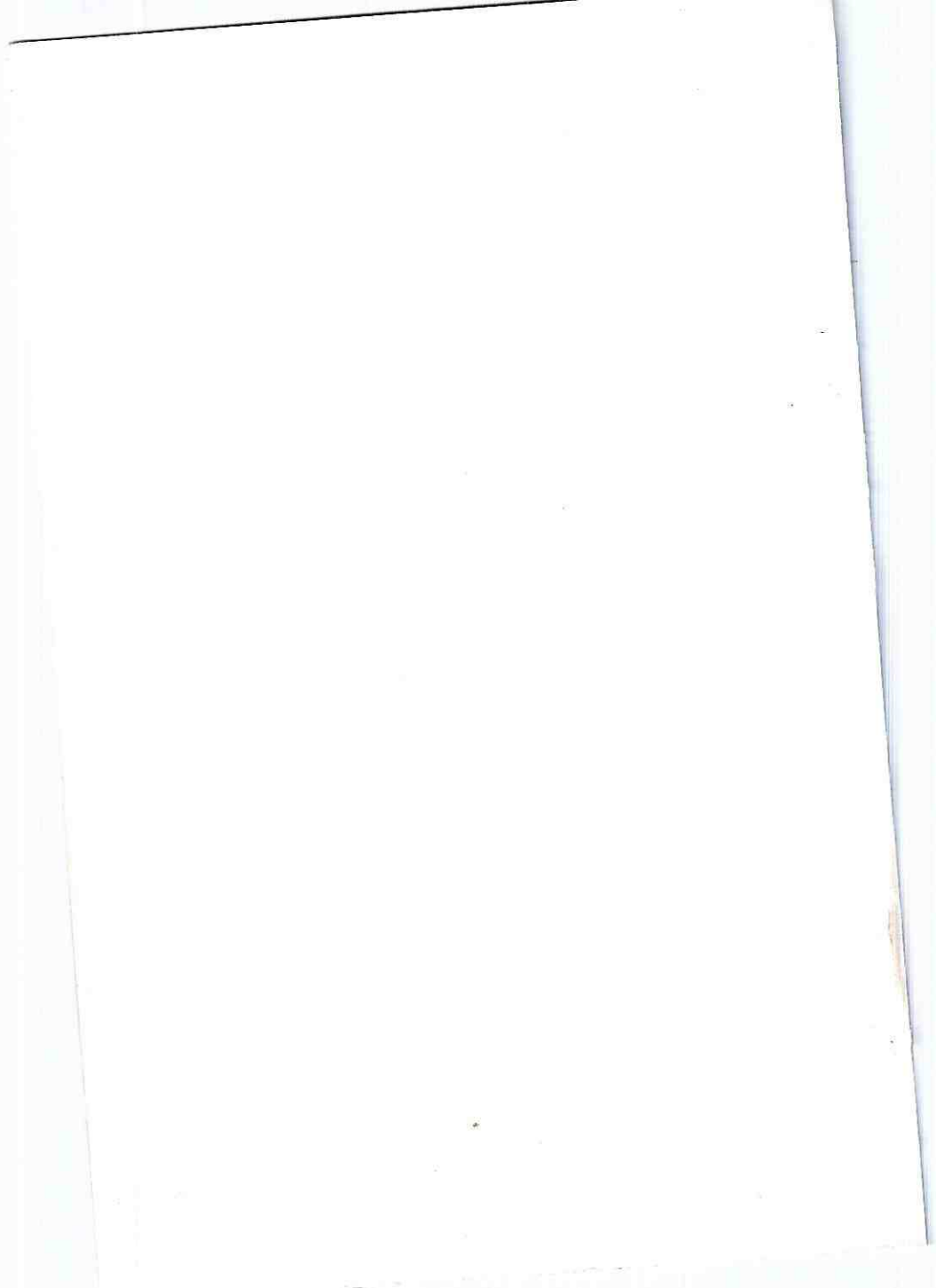
ĐỨC PHÚ

35 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(1975 - 2010)



NĂM 2011



ĐỨC PHÚ
35 NĂM HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN
(1975 - 2010)

UNITED STATES

DEPARTMENT OF THE INTERIOR

BUREAU OF LAND MANAGEMENT

WASDC - 2100

Lời nói đầu

Đức Phú là một xã mới hình thành trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau ngày giải phóng thuộc huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đây là địa phương, nhân dân từ nhiều nơi trong cả nước đến lập nghiệp vào cuối thập niên 70 của thế kỷ XX. Với gian khổ ban đầu, những người dân đã đoàn kết xây dựng quê hương Đức Phú ngày càng phát triển. Từ đó, chúng ta càng tự hào về quê hương Đức Phú hôm nay.

Tập sách *"Đức Phú - 35 năm hình thành và phát triển (1975 - 2010)"* được thực hiện trong khuôn khổ chương trình biên soạn lịch sử truyền thống các xã - thị trấn ở huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Tập lịch sử khái quát quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của địa phương để ghi dấu một chặng đường, làm một nhịp cầu thông tin quan trọng nối liền quá khứ với hiện tại và tương lai. Qua đó, tập lịch sử chuyển tải những sự kiện đầy ý nghĩa của ông cha tới

các thể hệ con cháu mai sau về cội nguồn xã Đức Phú ngày nay.

Ban Thường vụ Đảng ủy xã (khóa VIII) xin trân trọng giới thiệu với đồng bào, đồng chí, cùng quý độc giả gần xa tập sách lịch sử này. Trong biên soạn không tránh khỏi thiếu sót, rất mong được sự tham gia góp ý của đồng bào, đồng chí và quý độc giả để giúp tập sách hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Xin chân thành cảm ơn !

TM. Ban Thường vụ Đảng ủy xã

Bí thư

TRẦN QUANG VINH

Chương I

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI ĐỨC PHÚ

1. Thiên nhiên:

Nhìn vào bản đồ huyện Tánh Linh, dải đất Đức Phú có hình dáng như bàn tay úp vào mạn Bắc sông La Ngà. Đức Phú là xã miền núi có địa hình phức tạp, và có diện tích tự nhiên 3.820 ha; là một xã nằm nơi địa đầu phía Bắc của huyện Tánh Linh, một huyện trung du miền núi ở cuối dãy Trường Sơn. Phía Đông xã giáp xã Nghị Đức và Đức Tân; phía Tây giáp xã Mê Pu, huyện Đức Linh; phía Nam giáp xã Nghị Đức và Gia An và phía Bắc giáp xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Xét về diện tích, Đức Phú là một xã nhỏ của huyện, trong đó vùng núi cao trung bình từ 1.000m trở lên có 1.940 ha, chiếm 50,79%; vùng núi thấp ở độ cao 130m – 170m có 1.314 ha, chiếm 34,40%; và vùng đồng bằng ở độ cao 111m – 125m có 566 ha, chiếm 14,81%.

Địa hình nghiêng từ Bắc xuống Nam. Đồi bờ Đông - Tây thoải thoải kết nối bằng trục lộ giao thông DT

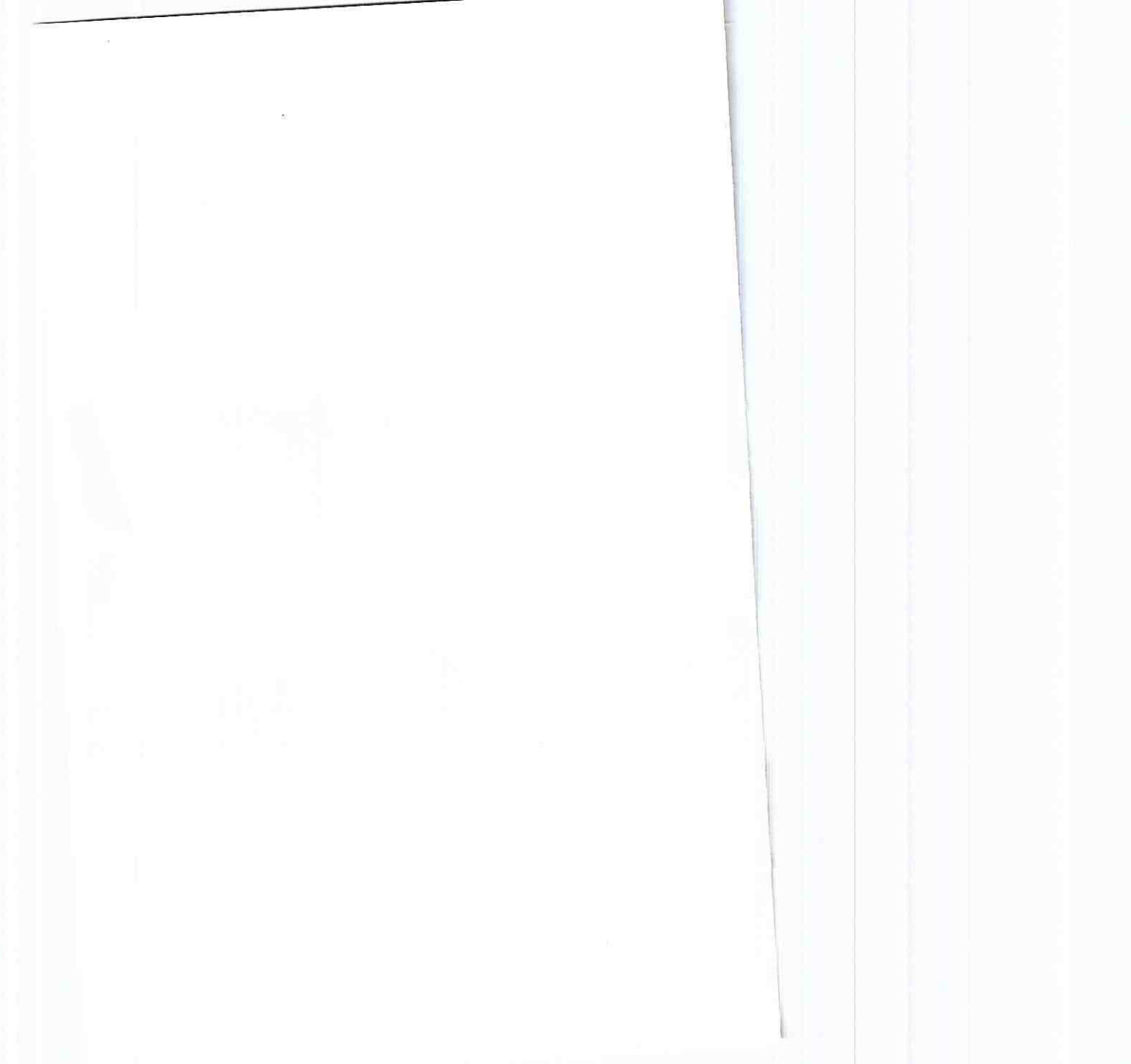
717, theo hướng Nam qua Đức Tân đến Đồng Kho gặp Quốc lộ 55 về trung tâm huyện, cách thị trấn Lạc Tánh 35 km, rồi đi Phan Thiết với khoảng cách 150 km, hoặc đi Thành phố Hồ Chí Minh với khoảng cách 200 km. Ngược lại, theo hướng Bắc, qua thị trấn Võ Xu thuộc huyện Đức Linh, với khoảng cách 30 km để đi Tân Phú hoặc Đạ Huoai rồi lên Đà Lạt với khoảng cách 120 km; cũng có thể đi Thành phố Hồ Chí Minh (gần hơn) hoặc đi Phan Thiết (xa hơn) theo hướng này.

Đức Phú còn là giao điểm của cực Nam Trung bộ (Bình Thuận) với Tây Nguyên (Lâm Đồng). Cũng chính vì thế mà Đức Phú có điều kiện tự nhiên, khí hậu mang dấu ấn của cả hai vùng. Nhưng điển hình là khí hậu chuyển tiếp giữa chế độ mưa của vùng duyên hải cực Nam Trung bộ và vùng đồng bằng Nam bộ, tạo thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa nắng (khô). Thường thì mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mưa nhiều nhất vào các tháng 7 - 8 - 9, nước tích tụ dưới các ao bàu, nước trong nguồn rừng núi chảy qua các khe suối⁽¹⁾, cây cối xanh tươi. Mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, làm cho cây trồng kém phát triển và khô héo vì thiếu nước.

(1) Có hai bàu nước lớn: Bàu Thành và Bàu Láng; có 4 con suối chính, trong đó lớn nhất là Suối Dầu, chảy qua xã Nghị Đức rồi ra sông La Ngà.



Bản đồ địa giới hành chính xã Đức Phú



Nếu như khí hậu Tánh Linh là vùng đệm giữa trung tâm mưa lớn của Miền Nam và đồng bằng ven biển, thì Đức Phú càng thể hiện rõ đặc trưng này. Với lượng mưa trung bình hàng năm ở Đức Phú là 2.185 mm, độ ẩm không khí bình quân hàng năm 83,5%, nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 23,2^oC - 25,4^oC và tổng số giờ nắng bình quân trong năm là 2.124 giờ. Hàng năm chịu ảnh hưởng tương đối ổn định của gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc.

Tài nguyên đất ở Đức Phú được chia thành 5 nhóm: Một là, *nhóm đất đỏ vàng tầng đá nông* (Epilithi Acri Ferrasols) chiếm 45,14% (1.724,18 ha), nó phản ánh rõ đặc điểm của xứ nhiệt đới ẩm. Hai là, *nhóm đất nâu vàng* (Xanthic Ferrasols) chiếm 27,65% (1.056,28 ha), mang tính chất điển hình của vỏ phong hóa feralit. Ba là, *nhóm đất gley chua* (Dystric Gleysols) chiếm 9,58% (366,1 ha), thuộc nhóm đất gley có một đơn vị gley chua. Bốn là, *nhóm phù sa có tầng dóm rỉ* (cambic Ferrasols) chiếm 7,7% (294,08 ha) phân bố ở khu vực Tây Nam, thích hợp cho sản xuất lúa và cây hàng năm khác. Năm là, *nhóm đất nâu đỏ trên dacite* (Rhodie Ferrasols) chiếm 7,23% (276,36 ha), với thành phần đất thịt nhẹ và trung bình, có kết cấu ion gley mang chất chua, chứa lượng lân trung bình nhưng nghèo kali.

Về tài nguyên nước ở Đức Phú, tuy chưa có số liệu điều tra cụ thể nhưng theo thống kê mực nước giếng đào tại các khu vực dân cư, thì nơi có mức độ sâu ít nhất là 4m và mức độ sâu nhiều nhất là 12m. Đồng thời, căn cứ vào 4 con suối chính chảy qua địa bàn xã có nước bình quân 9/12 tháng trong năm, thì vào mùa mưa nước chảy mạnh thường gây ra lũ quét và ngập úng, trong khi sang mùa nắng lại khô cạn. Nhìn tổng thể thì điều kiện thủy văn và nguồn nước không thuận lợi cho cả sản xuất lẫn sinh hoạt, nhất là vào mùa nắng.

Tài nguyên rừng ở Đức Phú đến tận những năm đầu thế kỷ XXI, vẫn còn diện tích đất lâm nghiệp 1.985 ha, tất cả đều thuộc diện rừng phòng hộ, với trên 70% rừng giàu và rừng trung bình, là nơi sinh sống của nhiều loài động - thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, trong đó có những loài nằm trong Sách Đỏ của Việt Nam và quốc tế. Thế giới động vật từng có các loài hổ, báo, trâu rừng, bò rừng, lợn rừng, hươu, nai, sơn dương, vượn, khỉ, v.v... và đến nay nhiều loài trong số đó vẫn còn. Thế giới thực vật có nhiều loại gỗ cho giá trị kinh tế cao như: Cẩm lai, gỗ, trắc mật, trầm hương, căm xe, giáng hương, hương đào, thông tre Trung Bộ, v.v... Cùng nhiều loại thảo mộc có giá trị

được tính cao như: Đỗ trọng, vàng đắng, thiên niên kiện, hà thủ ô, mã tiền, sâm nam, v.v...(1)

Đặc biệt, rừng có tác dụng to lớn trong việc điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường và nguồn nước, tạo dựng cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và thân thiện. Đây cũng là một phần của rừng đầu nguồn sông La Nga⁽²⁾, con sông lớn nhất chảy qua nhiều xã - thị trấn trong huyện. Rừng còn mang đến cho Đức Phú một hệ thống thác nước đa dạng và kỳ thú bậc nhất huyện Tánh Linh. Tuy nhiên, tài nguyên rừng đang đứng trước nguy cơ bị xâm hại, bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng do áp lực của sự gia tăng dân số, sự di dân tự do, cùng các nhu cầu kinh tế - xã hội tự phát và ngắn hạn khác của một bộ phận không nhỏ trong nhân dân, kể cả những người ngoài địa phương đến khai thác trái phép.

Do địa hình đồi núi phức tạp, chiều ngang hẹp và trải dài, đồi núi cao và hiểm trở ở phía Bắc và phía Tây, nên công tác quản lý lãnh thổ nói chung và công tác quản lý và bảo vệ rừng nói riêng gặp rất nhiều trở ngại. Bên cạnh đó, do nằm ở vị trí xa các nguồn nước lớn, vì vậy nhân dân trong xã không chủ động được

(1) Theo : Tánh Linh - Truyền thống đấu tranh cách mạng (1945 - 1975), 2001, tr.8 - 10.

(2) Một phụ lưu của sông Đồng Nai.

nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, nhất là vào mùa nắng. Còn mùa mưa lại khó khăn trong việc phòng tránh lũ và ngập úng. Mưa và lũ quét, nắng và khô hạn, cùng với địa hình đồi núi dốc, tài nguyên rừng bị suy giảm... tất cả khiến đất đai dễ bị xói mòn, hoang hóa. Những điều kiện tự nhiên nêu trên vừa tạo cho Đức Phú những thuận lợi to lớn vừa gây ra những khó khăn không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là trong việc bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng tài nguyên đất, khai thác nguồn nước, phát triển giao thông, v.v...

Mặc dù vậy, với khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo và một bộ phận diện tích đất đai còn khá màu mỡ, cho phép Đức Phú phát triển một nền nông nghiệp đa dạng, toàn diện, với nhiều loại cây trồng, vật nuôi trên quy mô lớn và tập trung. Đặc biệt, khi nhân tố quyết định là nguồn lực con người, thì Đức Phú có những cộng đồng người di cư từ nhiều miền Tổ quốc, mang theo những truyền thống tốt đẹp cùng những giá trị mới tiến bộ giao thoa, bồi đắp, hình thành và phát triển. Tất cả đã và đang tổng hòa, tạo dựng nên những nền tảng vật chất và tinh thần quý báu để đưa Đức Phú vươn lên mạnh mẽ trong thời gian tới.

2. Con người:

Trước ngày giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, địa bàn Đức Phú ngày nay vẫn chỉ là một vùng rừng núi hoang vu nằm trong địa phận rừng già thuộc Chiến khu Đ, nơi giáp ranh giữa 2 xã Nghị Đức và Mê Pu, chưa có người sinh sống. Trước năm 1975, nơi đây chỉ có một con đường đi qua gọi là 336, đoạn đi từ Chi khu Tánh Linh qua xã Nghị Đức đến xã Mê Pu, dài khoảng 15 km (đoạn từ xã Nghị Đức đến xã Mê Pu)⁽¹⁾. Trên con đường này, ở điểm đầu xã Mê Pu, có ngã rẽ băng qua đèo Tà Pứa, còn gọi là ngã ba B' Lao (còn gọi là Bà Sa), sang xã Đoàn Kết rồi qua thị trấn Nậm Ri và ra quốc lộ 20 đi Bảo Lộc rồi lên Đà Lạt, Lâm Đồng. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đức Phú được miêu tả như một khu rừng vừa là nơi đóng quân, nơi ta và địch thường diễn ra các trận đánh⁽²⁾.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Thuận Hải (cũ)⁽³⁾ thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về di dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Theo đó, cho phép tổ chức "khai hoang trắng" một phần diện tích rừng để tiếp nhận những người dân đi kinh tế mới từ những nơi khác đến.

(1) Sau này, đường 336 được đổi tên thành đường DT 717.

(2) Theo: Tánh Linh - Truyền thống đấu tranh cách mạng (1945 - 1975), 2001, tr.57, 86, 96, 151, 198.

(3) Về sau xin viết là Thuận Hải.

Năm 1977, tỉnh Thuận Hải có chủ trương đưa những người dân ở Thị xã Phan Thiết và đảo Phú Quý đến Tánh Linh (khi ấy chưa tách khỏi huyện Đức Linh) để xây dựng điểm kinh tế mới. Tuy nhiên, trên thực tế, ngoài số người được đi theo kế hoạch, còn có một số dân di cư tự do từ các vùng miền khác về đây lập nghiệp.

Đầu tháng 4/1978, Đức Phú hình thành 2 điểm dân cư kinh tế mới: Điểm thứ nhất là cộng đồng dân cư đến từ đảo Phú Quý, có khoảng 60 hộ với trên 200 nhân khẩu; điểm thứ hai là cộng đồng dân cư đến từ thị xã Phan Thiết, có khoảng 800 hộ với 4.000 nhân khẩu. Cuối tháng 4/1978, có thêm khoảng 300 hộ với 1.500 người dân ở huyện Mộc Hóa tỉnh Long An, chủ yếu là nhân dân hai xã Thái Trị và xã Thái Bình Trung ra làm ăn ở khu vực từ Dốc Sỏi (cầu ông Đề) nay là phía trên khu chợ lên tới xã Mê Pu 2 (Đức Linh). Như vậy, chỉ trong vòng một tháng, đã hình thành 3 điểm dân cư kinh tế mới, với tổng số 1.160 hộ / 5.700 khẩu.

Đến cuối năm 1983, Đức Phú tiếp tục đón nhận những người dân đi kinh tế mới từ Ngư Hóa (Tuyên Hóa, Quảng Bình) và một số nơi khác vào lập nghiệp. Cùng với quá trình gia tăng dân số tự nhiên và sự tăng

giảm dân số cơ học, sát nhập và chia tách dân cư với xã Nghị Đức, tính đến ngày 24/11/1985, trên địa bàn Đức Phú có 599 hộ / 3.171 khẩu, trong đó có 1.585 nam và 1.586 nữ.

Năm 1995, có thêm 34 hộ / 162 khẩu đồng bào dân tộc K'Ho thuộc thôn 7 xã Đạ P'Loa⁽¹⁾ gia nhập vào cộng đồng các dân tộc trên địa bàn Đức Phú theo Nghị Định 364/NĐ-CP của Chính phủ về phân chia ranh giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bước sang thế kỷ XXI cho đến năm 2010, sau 35 năm mở đất và xây dựng toàn diện dân sinh, kinh tế - xã hội trên địa bàn, Đức Phú trở thành ngôi nhà chung của 02 thành phần dân tộc anh em, đến từ nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước; tổng dân số 1.639 hộ / 7.649 khẩu. Trong đó, đồng bào Kinh có 1.572 hộ / 7.340 khẩu, chiếm 96% dân số, đại bộ phận có nguồn gốc từ các tỉnh Quảng Bình, Quảng Nam, Long An, Bình Thuận đến lập nghiệp và đồng bào dân tộc K'Ho ở Tà Pú có 67 hộ / 309 khẩu, chiếm 4% dân số.

Đặc điểm chung của các nhóm dân cư khi đến Đức Phú là vừa theo nguyên quán và thành phần dân tộc vẫn giữ được tiếng nói và thuần phong mỹ tục của quê

(1) Nay là xã Đoàn kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

hương xứ sở và cộng đồng dân tộc, vừa tiếp nối tinh thần “bán anh em xa mua láng giềng gần” để xác lập các mối quan hệ đồng bào thân ái, chan hoà, đoàn kết và tương trợ nhau, vượt qua mọi khó khăn thử thách, cùng chinh phục vùng đất mới, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, ra sức xây dựng quê hương mới tiến bộ, văn minh...

Thiên nhiên và con người Đức Phú, với tính cách là một vùng đất và những chủ thể làm nên lịch sử vùng đất ấy, đã hòa quyện và thống nhất với nhau, mang ý nghĩa sâu sắc của triết lý thiên thời – địa lợi – nhân hòa kể từ năm 1977 trở lại đây. Thiên nhiên vừa có những ưu đãi tạo thuận lợi, vừa có những khắc nghiệt gây khó khăn đối với con người trong quá trình định cư, lập nghiệp, xây dựng quê hương mới. Con người vừa dựa vào thiên nhiên, vừa chinh phục thiên nhiên và cải tạo nó theo mục đích phục vụ cuộc sống của mình. Nhân dân xã Đức Phú đã biết vận dụng và phát huy tích cực những truyền thống tốt đẹp nơi chôn nhau cắt rốn để vươn lên cải tạo vùng đất mới, không ngừng bồi đắp và chất lọc tinh hoa cho đời sau.

Chương II

TẠO DỰNG MỘT VÙNG ĐẤT MỚI

(1975 – 1981)

1. Hình thành các điểm kinh tế mới:

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ tỉnh triển khai xây dựng các vùng kinh tế mới, nhằm sử dụng hết mọi lực lượng lao động xã hội; tổ chức và quản lý tốt lao động, phân bố lại lao động giữa các vùng và các ngành nhằm tăng rõ rệt năng suất lao động xã hội. Trong đó, huyện Đức Linh (cũ) là nơi đất đai rộng lớn, phì nhiêu, dân cư còn thưa thớt.

Thực hiện chủ trương trên, năm 1976, tỉnh Thuận Hải⁽¹⁾ thành lập Ban Kinh tế mới đóng ở xã Đoàn Kết, lấy địa bàn huyện Đức Linh cũ (gồm huyện Đức Linh và Tánh Linh ngày nay) làm trọng điểm. Đến cuối

(1) Tỉnh Thuận Hải được thành lập tháng 2 năm 1976 do việc hợp nhất ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy. Đến 26 tháng 12 năm 1991, Thuận Hải lại chia ra thành hai tỉnh là Bình Thuận và Ninh Thuận. Các tỉnh mới đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 1992.

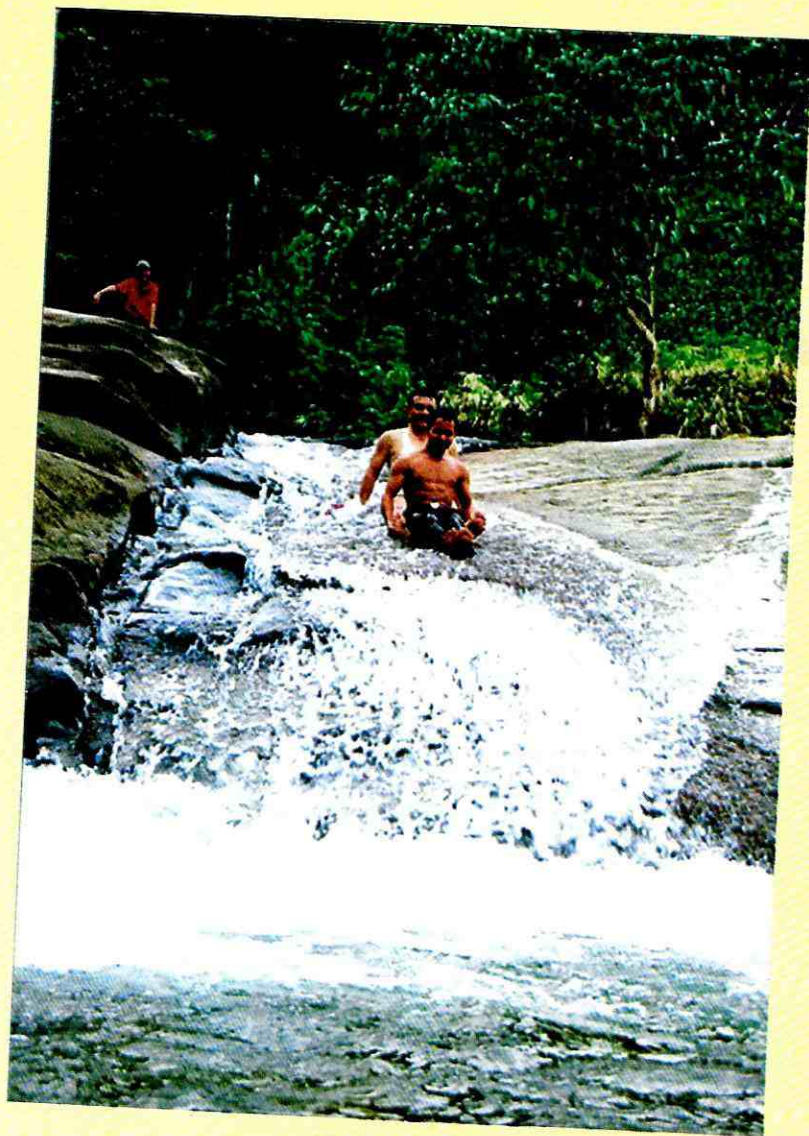
năm 1976, những cư dân kinh tế mới đầu tiên đã đến ở Tánh Linh⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tại thời điểm đó, Đức Phú vẫn chưa có tên trên bản đồ, chỉ một vùng rừng nguyên sinh kết nối giữa xã Nghị Đức với xã Mê Pu, chưa có người ở, càng chưa thành một đơn vị hành chính cấp cơ sở. Cho đến đầu tháng 2 năm 1978, dấu ấn quan trọng nhất mà con người để lại nơi đây không có gì hơn ngoài con đường mòn trông giống như một sợi chỉ giữa bạt ngàn rừng nguyên sinh mang tên những con số - đường 336.

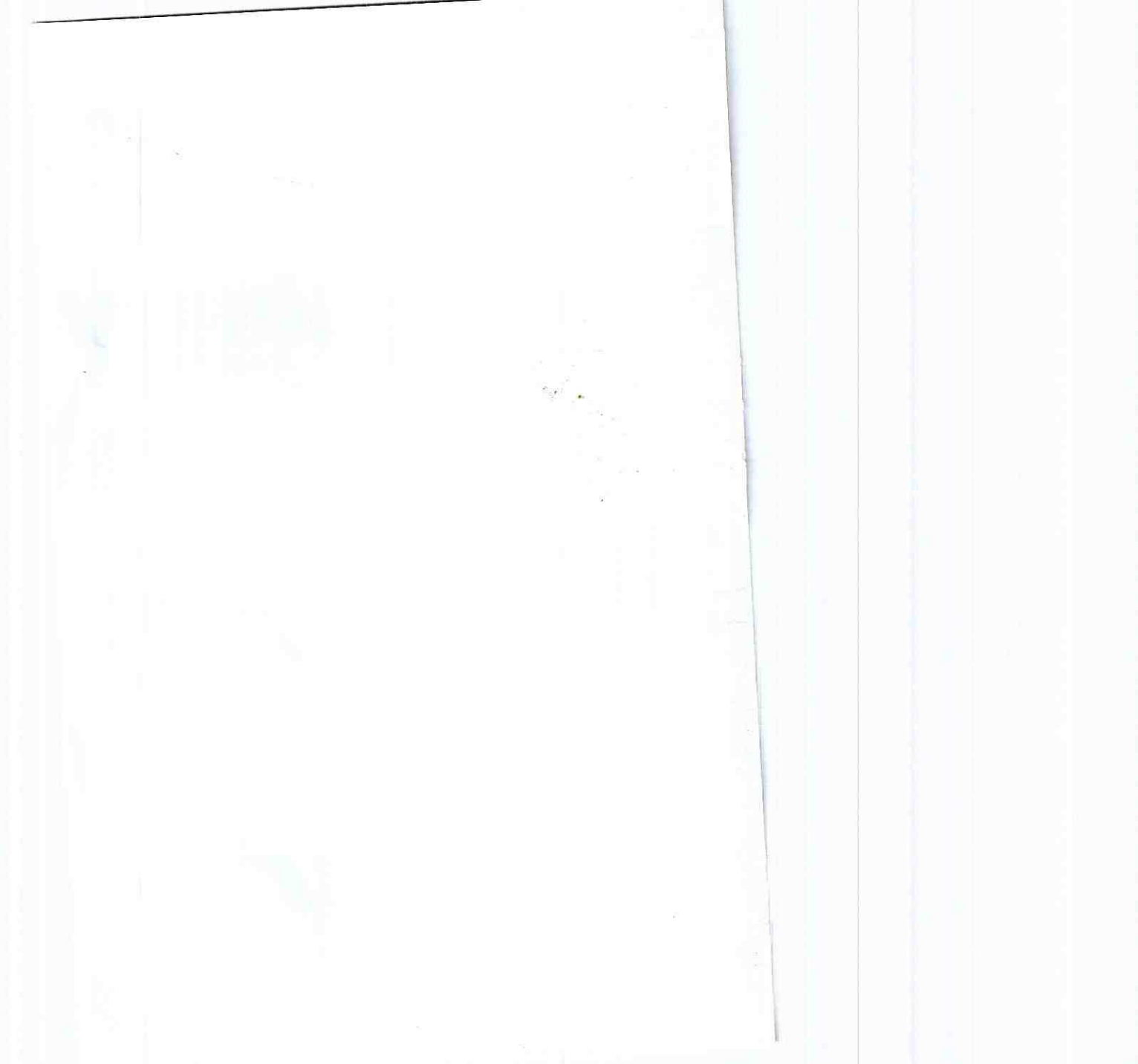
Ngày 4/2/1978, Ban Thường vụ Huyện uỷ Đức Linh đã ban hành Chỉ thị số 02 để triển khai Chỉ thị số 08 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thuận Hải về chủ trương mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực để phục vụ công cuộc xây dựng vùng kinh tế mới. Diện tích khai hoang được căn cứ trên số nhân khẩu đi kinh tế mới chuyển đến. Địa bàn khai hoang được xác định là từ cổng thôn 2 xã Mê Pu đến rừng thôn 4 xã Nghị Đức, theo trục lộ 336.

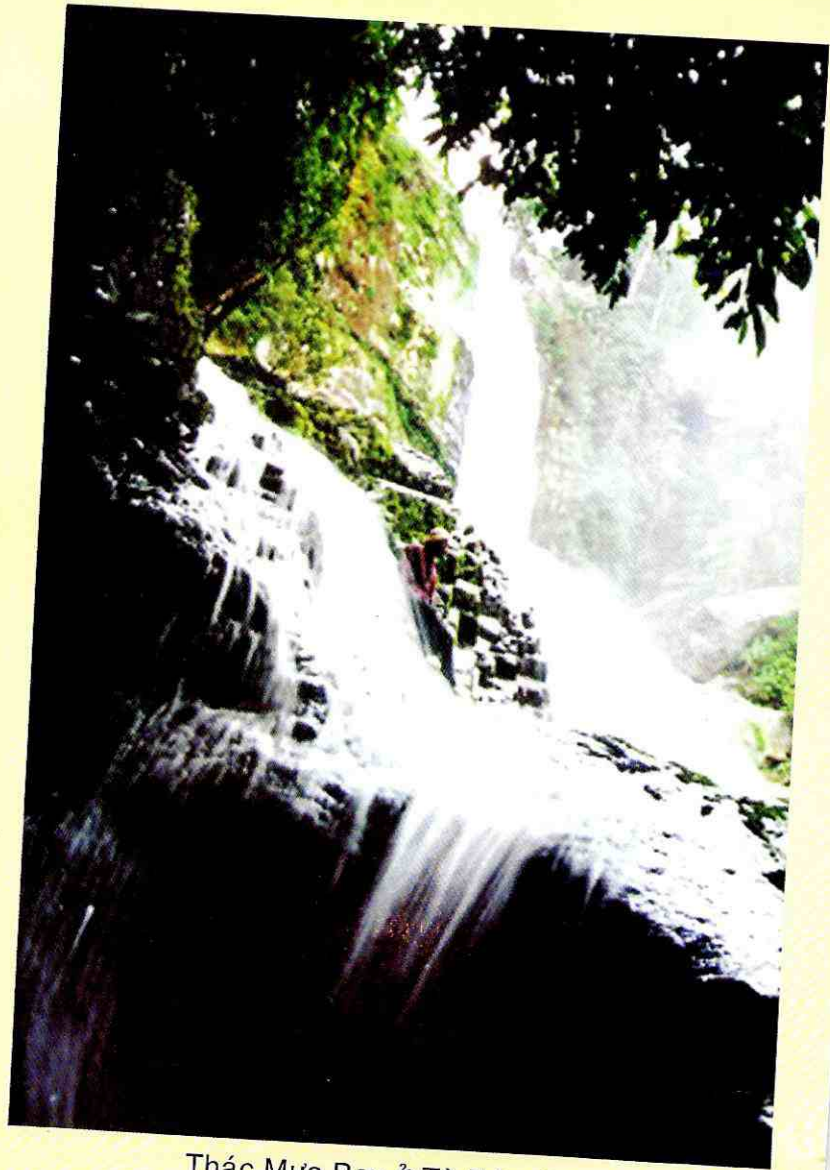
Thực hiện chủ trương trên, huyện Đức Linh đã thành lập Ban chỉ đạo, phối hợp cùng với tỉnh và 5 xã

(1) Theo: Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2000), tập II, 2007, tr.64.



Thác trọt





Thác Mưa Bay ở Tà Pú, Đức Phú

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

khu vực Bắc sông La Ngà huy động nhân dân tham gia, thành lập các tiểu đoàn và ban chỉ huy tiểu đoàn mỗi xã 7 người, gồm đại diện cấp uỷ, uỷ ban nhân dân, một số đoàn thể, công an, xã đội. Chiến dịch khai hoang thực hiện từ ngày 12/2/1978 đến ngày 10/4/1978. Nội dung của chiến dịch có thể được tóm tắt bằng các động từ: *Phát, đốt, dọn, dựng*. Có rất nhiều việc phải làm, phương châm làm mỗi việc là "Ra quân một lúc, kết thúc một ngày". Kết quả, trong vòng 2 tháng trời, đã tiến hành "khai hoang trắng" (phát, đốt, dọn) gần 700 ha và mở rộng thêm gần 2.000 ha nữa; dựng mới 1.260 căn nhà, mỗi căn có chiều dài 6m và chiều rộng 5m. Bình quân chi phí khai hoang 1 ha đất là 550 đồng và mỗi "căn nhà" là 350 đồng theo thời giá bấy giờ⁽¹⁾.

Trong năm 1978, toàn huyện Đức Linh đón nhận 20.000 dân di cư từ các nơi đến, chủ yếu là từ Long An, Bình Trị Thiên (cũ), Thái Bình, Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác trong tỉnh (Phan Thiết, Hàm Tân, Hàm Thuận, Phú Quý)⁽²⁾. Riêng ở Đức Phú, ngay sau khi chiến dịch khai hoang vừa xong, trong tháng 4/1978, huyện đã tạo điều kiện cho 860 hộ / 4.200 khẩu đi kinh tế mới

(1) Theo : Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2000), tập II, 2007, tr.66.

(2) T Sđd, tr.65.

từ đảo Phú Quý và thị xã Phan Thiết vào. Rồi đến nửa cuối tháng 4/1978, có 300 hộ / 1.500 khẩu đồng bào ở huyện Mộc Hóa⁽¹⁾ và một số đồng bào Bình Trị Thiên cũng quy tụ về đây. Và tất cả họ, đã trở thành những cư dân đầu tiên khai phá vùng đất này. Họ là những người “khai sơn phá thạch”, để mở mang tên đất, tên làng ở Đức Phú. Tổng số gồm 1.160 hộ/5.700 khẩu, đã hội tụ như những dòng suối nhỏ hợp lại để thành sông, cùng bắt tay tạo dựng một vùng đất mới, xây dựng một quê hương mới. Đó là những cư dân đầu tiên của Đức Phú ngày nay.

Họ vốn là những người dân, luôn mưu cầu cuộc sống tốt đẹp hơn, vì những lẽ nhân sinh khác nhau mà đến dừng chân tại Đức Phú, và cũng bởi một lẽ thường tình “đất lành chim đậu”. Trong đó, đồng bào Phan Thiết và Phú Quý thực hiện kế hoạch của Đảng và Nhà nước đi xây dựng vùng kinh tế mới; còn đồng bào ở huyện Mộc Hóa (tỉnh Long An) do chiến tranh biên giới Tây Nam đến đây và bên cạnh đó, một số hộ từ Bình Trị Thiên (hầu hết là các hộ dân có nguồn gốc từ tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị bây giờ) đến sinh cơ lập nghiệp.

(1) Những năm 1960, những người dân từ Quảng Nam vào sinh sống ở huyện Mộc Hóa (nay tách ra thêm huyện Vĩnh Hưng) tỉnh Long An.

Chính quyền huyện Đức Linh lúc bấy giờ tổ chức những người có chung nguồn gốc địa phương đến đây thành một điểm kinh tế mới. Điểm của đồng bào Phú Quý và Phan Thiết thuộc địa phận xã Nghị Đức lúc bấy giờ, trải dài từ Dốc Sỏi đến giáp ranh xã Mê Pu và xã Nghị Đức ngày nay. Còn điểm kinh tế mới của đồng bào đến từ Mộc Hóa (Long An) và đồng bào Bình Trị Thiên trải dài từ ngã ba B' Lao đến Dốc Sỏi, lúc bấy giờ thuộc địa phận xã Mê Pu. Ba điểm kinh tế mới trên được thành lập vào tháng 9 năm 1978. Lúc này ông Huỳnh Quang Hòa là Trưởng ban Kinh tế mới của huyện Đức Linh, trực tiếp chỉ đạo các điểm kinh tế mới ổn định nơi ăn chốn ở và bắt tay vào sản xuất nông nghiệp. Về sau, điểm kinh tế mới Phan Thiết - Phú Quý tách riêng ra⁽¹⁾.

Điểm kinh tế mới Phan Thiết có khoảng 800 hộ với trên 4.000 khẩu, được chia thành 18 đội sản xuất. Địa bàn từ cầu Dốc Sỏi (còn gọi là cầu Ông Đê, giáp với điểm kinh tế mới Mộc Hóa) đến cầu Cây Xoài (giáp với xã Đức Tân). Tỉnh phân công một số cán bộ ở thị xã Phan Thiết cùng đi kinh tế với nhân dân để quản lý, điều hành và ổn định cho nhân dân đến lập nghiệp. Ban lãnh đạo điểm có 7 người, gồm các ông/bà: Lê Văn Châu - Trưởng ban; Trần Văn Thành,

(1) lấy tên gọi nơi đến của các cộng đồng dân cư thành tên gọi của điểm kinh tế mới để tiện theo dõi.

Phó Trưởng ban; Nguyễn Tấn Y - Thư ký; Nguyễn Thị Mai, phụ trách công tác Văn xã; Lâm Thanh Bi, phụ trách công tác An ninh; Ngô Văn Bích, phụ trách công tác Thanh niên; Phạm Thị Phước, phụ trách công tác Phụ nữ. Ban lãnh đạo hoạt động dưới sự chỉ đạo của Phòng Kinh tế mới huyện Đức Linh.

Điểm kinh tế mới Phú Quý có 60 hộ với 200 nhân khẩu, được chia thành 4 đội sản xuất, dưới sự quản lý trực tiếp của Phòng Kinh tế mới huyện Đức Linh. Địa bàn của điểm Phú Quý nằm giữa điểm Phan Thiết với xã Nghị Đức.

Điểm kinh tế mới Mộc Hóa có 300 hộ với 1.500 nhân khẩu, gồm đa số đồng bào đến từ Mộc Hóa (Long An) và một số đồng bào đến từ Bình Trị Thiên. Lúc mới đến, đồng bào cư trú tại xã Mê Pu, sau đó Phòng Kinh tế mới huyện Đức Linh sắp xếp định cư từ ngã ba B' Lao đến Dốc Sỏi (giáp với điểm Phan Thiết), thuộc địa phận xã Mê Pu, gọi là khu vực 6. Điểm được chia thành 7 đội sản xuất. Ban lãnh đạo điểm có 2 người, gồm bà Nguyễn Thị Dư (Tư Dư) làm Trưởng ban và ông Phạm Viết Hùng làm Thư ký.

Nhìn rộng ra trên địa bàn huyện Đức Linh ngày ấy, có tổng cộng 4 khu vực tập trung đồng bào đi kinh tế mới⁽¹⁾, nằm dọc theo trục lộ 336 (nay là DT 717),

(1) Sau này lập thành 4 xã kinh tế mới: Đức Thuận, Đức Bình, Đức Tân, Đức Phú.

kéo dài khoảng 50 km, từ địa bàn Đức Thuận đến xã Đức Phú ngày nay. Theo “Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, chiến dịch khai hoang nêu trên “có quy mô lớn nhất, là đại công trường và huy động lực lượng lao động cũng như chi phí cho lao động lớn nhất của tỉnh và huyện”. Tính đến tháng 10/1978, số đồng bào đến Đức Phú chỉ là con số nhỏ so với tổng số 40.000 đồng bào kinh tế mới trên địa bàn toàn huyện Đức Linh ngày ấy. Chỉ riêng năm 1978, huyện đã tiếp nhận 20.000 đồng bào đi kinh tế mới đến từ nhiều nơi trong cả nước⁽¹⁾.

2. Tình hình đời sống và sản xuất của nhân dân những năm đầu lập nghiệp:

Tháng 9 năm 1978, sau khi hình thành 3 điểm kinh tế mới, với tổng số 1.160 hộ và 5.700 nhân khẩu, được bố trí thành 29 đội sản xuất (Phan Thiết 18, Phú Quý 4, Mộc Hóa 7), việc đầu tiên phải nói đến là tình hình “an cư lạc nghiệp”. Tại mỗi điểm kinh tế có xây dựng một lán trại làm việc, một kho chứa lương thực và dụng cụ sản xuất, một trạm xá khám chữa bệnh... Trẻ em tại điểm kinh tế mới Mộc Hóa đi học thì đến trường học ở Mê Pu, trẻ em thuộc hai điểm kinh tế mới Phan Thiết và Phú Quý đi học thì đến trường học ở Nghị Đức. Nhà của đồng bào đi kinh tế mới được

(1) Sách đã dẫn, tr.37, tr.65 - 67.

Nhà nước hỗ trợ làm tạm bằng gỗ, tre, nứa, tranh... Thực ra đó là những căn lều không vách. Đến giường ngủ cũng làm bằng nứa hoặc ván bìa. Trị giá mỗi căn nhà không bằng chi phí khai hoang 1 ha đất.

Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào mới đến vô cùng khó khăn, thiếu thốn. Thời gian đầu, đồng bào sống chủ yếu nhờ vào lương thực trợ cấp hàng tháng của Nhà nước, gồm gạo, mì khô, muối... Cán bộ của điểm cũng được hưởng khẩu phần như đồng bào, không có thêm phụ cấp nào khác, tham gia công tác vì tinh thần phục vụ chung. Hoạt động quần chúng và các hình thức sinh hoạt cộng đồng còn chưa được hình thành rõ nét. Thông tin liên lạc không có. Xung quanh toàn là rừng rú hoang vu, hiu quạnh. Đêm đêm thanh vắng, tĩnh mịch nghe rõ tiếng vượn hú, hổ gầm, tiếng côn trùng kêu râm rân, rả rích đến não lòng. Đã thế, còn xảy ra dịch bệnh, nhất là bệnh sốt rét ác tính, gây tử vong không ít người. Mùa mưa không tránh khỏi đột ứot, mưa đập, gió vùi. Mùa khô nóng bức hanh hao, luôn tiềm ẩn nguy cơ hỏa hoạn, dễ bị cháy nhà, v.v...

Nhân dân sản xuất trong điều kiện 4 không: Không có máy móc, không trâu bò cày kéo, không có đường giao thông nội đồng, không có công trình thủy lợi. Công cụ hết sức thô sơ, chỉ bằng cuốc và rựa, rồi

lấy sức người mà khai khẩn đất hoang lăm gốc cây, nhiều ụ mối... Đặc biệt, ở hai điểm kinh tế mới Phan Thiết và Phú Quý, hầu hết là ngư dân vùng biển, không biết canh tác nơi địa hình miền núi, càng thêm trở ngại. Mọi người cố gắng động viên nhau học hỏi, gom góp chia sẻ từng chút kiến thức và kinh nghiệm để tập trung trồng mỳ, tía bắp, tía đậu... Khó khăn nối tiếp khó khăn, sản phẩm làm ra đã ít lại còn bị thú rừng phá hoại. Những thửa đậu, vạt mỳ xanh tốt bị lợn rừng ủi ngã hàng loạt; những vạt bắp sắp đến ngày thu hoạch cũng bị lợn rừng quật xuống, bị chuột, sóc gặm nhấm nham nhở...

Đồng bào còn có phần bất an về tình hình an ninh trật tự, khi tin tức truyền tai về các đợt tấn công bất ngờ và giã man của quân Khmer Đỏ ở bên kia biên giới cách đó không xa, rồi sau này là tàn quân FULRO, thường thoát ẩn thoát hiện tại các khu vực miền núi, trong đó có khu vực rừng ở Đức Phú⁽¹⁾.

(1) Từ năm 1978, lợi dụng chiến tranh biên giới Tây Nam, một số phần động đội lốt tôn giáo, số nguy quân, nguy quyền ngoan cố ở địa phương nổi lên chống phá ta trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội. Bọn FULRO ở giáp ranh với tỉnh bạn về móc nối số phần động ở miền núi trong huyện. Trước tình hình đó, huyện đã triển khai các bước đối phó, huy động các lực lượng vũ trang và quần chúng tham gia truy quét bên ngoài, trấn áp bên trong, bắt giữ và tru y nã nhiều tên phần động, giữ bình yên trong địa phương (Theo: Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2000), tập II, 2007).

Từ đó, tư tưởng định cư của nhân dân ít nhiều bị giao động, thậm chí một bộ phận đồng bào đến từ Phan Thiết và Phú Quý đã tìm cách hồi hương hoặc bỏ điếm đi lập nghiệp nơi khác⁽¹⁾.

3. Quyết tâm bám trụ và cải tạo vùng đất mới

Bối cảnh đất nước trong những năm 1978 – 1981 cũng hết sức khó khăn. Nền hoà bình thống nhất vừa được xác lập đã bị gián đoạn trước sự xâm lăng của kẻ thù từ hai phía biên giới Tây Nam (1975 – 1978) và Tây Bắc (1979). Vết thương chiến tranh từ hai cuộc kháng chiến “thần thánh” chưa kịp hàn gắn, thì sức người, sức của lại phải tiếp tục dồn cho công cuộc chống ngoại xâm, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh và kiến thiết, vừa đứng lên bảo vệ Tổ quốc thân yêu, rồi làm nhiệm vụ quốc tế ở nước bạn Campuchia.

Ý thức được vận mệnh của dân tộc và của cuộc đời, đồng bào tại các điếm ra sức khắc phục khó khăn, chinh phục vùng đất mới nhằm sớm ổn định nơi ăn chốn ở, không trông chờ ỷ lại vào sự trợ cấp của Nhà nước, tiến tới tự lực tự cường, làm chủ toàn diện đời sống và sản xuất. Đồng bào ta xưa nay ai cũng hiểu rằng muốn cứu nước trước hết phải tự cứu lấy mình,

(1) Toàn huyện có 141 hộ với 1.030 khẩu tự bỏ đi nơi khác hoặc về quê cũ (Theo: Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 2000), tập II, 2007).

không làm gánh nặng thêm cho Tổ quốc, rồi dần dần vươn lên đóng góp và gánh vác phần trách nhiệm của mình. Điều này càng chí lý chí tình hơn bao giờ hết khi nhìn lại những năm đầu của đồng bào đi kinh tế mới ở Đức Phú. Đó là tinh hoa kinh nghiệm bao đời tổ tiên ta truyền lại. Đa số đồng bào ý thức được điều đó nên quyết tâm bám đất, bám điểm, bắt tay tạo dựng cuộc đời mới tại đây, xây dựng quê hương mới tại đây, với hy vọng ngày mai tốt đẹp hơn. Đồng bào thấm thía sâu sắc chân lý giản đơn mà vĩ đại của cuộc đời, đó là lao động. Đồng bào động viên nhau như tinh thần của “Bài ca vỡ đất” được nhà thơ Hoàng Trung Thông khắc họa hết sức chân thật và sinh động trong những năm đầu của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, giống hệt như hoàn cảnh của đồng bào đi mở đất:

“...Đường xa ta tới đây

... Bàn tay lao động

Ta gieo sự sống

... Khoai trồng thắm rẫy

Lúa cấy xanh rừng.

... Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm...” (1)

(1) Tác giả viết bài thơ này vào năm 1948, ca ngợi lao động, sản xuất và chiến đấu dưới chế độ xã hội mới.

Ngoài nỗ lực to lớn của mỗi người, mỗi gia đình, thì công lao tiếp theo tất nhiên phải kể đến những người trong ban lãnh đạo điểm. Họ đã đóng góp trí lực cho tập thể, cộng đồng mà không một chút toan tính thiệt hơn, không màng danh lợi. Sớm tối, họ đến từng lán trại, từng hộ gia đình hỏi thăm tình hình và truyền tin tức, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ khó khăn và ngọt bùi, động viên mọi người bám trụ, quyết chí làm ăn, sinh cơ lập nghiệp. Người không phụ đất nên đất cũng chẳng phụ người.

Đến đầu năm 1981, đồng bào tại các điểm kinh tế mới đã bắt đầu “an cư lạc nghiệp”. Những căn nhà bán kiên cố mọc lên thay thế dần những căn nhà tạm bợ ngày trước. Tình hình đời sống và sản xuất của đồng bào, trên đại thể, đã ổn định, an ninh trật tự lành mạnh. Người lớn có kế sinh nhai chân chính, tuy vất vả nhưng đủ sống, nếu cần cù, sáng tạo và tiết kiệm thì cũng có cái ăn cái để, từng bước tích lũy của cải lâu dài. Trẻ em có chỗ học hành, nẩy mầm phát triển tài năng. Tương lai tươi sáng dần từ đây.

Như vậy, từ năm 1975 đến năm 1981⁽¹⁾ là 02 thời kỳ nhỏ, đó là thời kỳ 1975 – 1978 khi Đức Phú vẫn

(1) Từ 1975 – 1985, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện là tập trung cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Riêng ở Đức Phú, vốn là các điểm kinh tế mới, ngay từ ban đầu đã đi theo định hướng xây dựng quan hệ sản xuất mới.

còn chưa có người định cư, mới có chủ trương hình thành vùng kinh tế mới; và thời kỳ 1978 - 1981, khi Đức Phú đã có 1.160 hộ / 5.700 khẩu tại 03 điểm kinh tế mới, song chưa phải là một đơn vị hành chính cấp cơ sở. Trong những năm ấy, mặc dù giữa muôn vàn khó khăn gian khổ, nhưng bằng ý thức tự lực tự cường, tinh thần đoàn kết, tình yêu cuộc sống và yêu lao động của đồng bào, kết quả là những gì cần thiết phải tạo dựng thì đã được tạo dựng, cuộc sống mới đang bắt đầu. Các điểm kinh tế mới từng bước ổn định và phát triển, đã hội tụ đủ điều kiện để hình thành nên một đơn vị hành chính mới ở cơ sở.

Chương III
THÀNH LẬP XÃ ĐỨC PHÚ
ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG
(1981 - 1986)

1. Một đơn vị hành chính mới ở cơ sở, bước đầu xây dựng hệ thống chính trị:

Ngày 01/7/1981, đồng chí Trương Khương (Ủy viên Thư ký) dẫn đầu đoàn công tác của Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh về công bố quyết định thành lập xã Đức Phú. Theo quyết định của cấp có thẩm quyền, một đơn vị hành chính cấp cơ sở mới được cấu thành từ các điểm kinh tế mới Mộc Hóa, Phan Thiết, Phú Quý, vốn thuộc hai xã Mê Pu và Nghị Đức, giờ đây có chung một mái nhà lớn mang tên gọi xã Đức Phú. Từ đây, vùng đất hoang vu năm xưa, xen ghép vào hai xã lân cận, qua lao động của những người đi mở đất, đã có tên đất tên người, chính thức tạo dấu ấn riêng và có vị trí độc lập trên bản đồ địa lý - lãnh thổ Việt Nam. Đó là kết quả của sự quan tâm lãnh đạo

của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phấn đấu vươn lên, ổn định toàn diện của đồng bào đi kinh tế mới. Một trang sử mới vừa được viết ra bằng hoạt động thực tiễn của hàng nghìn đồng bào trong những năm qua.

Khi thành lập xã lấy tên Đức Phú là lấy chữ "Đức" đầu tiên của tên huyện Đức Linh làm đầu, còn chữ sau thì chọn một từ phù hợp theo tên quê hương cũ của đồng bào đi kinh tế mới chuyển đến, đồng thời gửi gắm những ước vọng cao đẹp. Riêng tên gọi Đức Phú, bao gồm cả đồng bào Phan Thiết, Mộc Hóa và Phú Quý đi kinh tế mới đến; sở dĩ không chọn các từ như Phan - Thiết - Mộc - Hóa - Quý, mà chọn từ Phú, bởi các đồng chí lãnh đạo xét thấy phù hợp với hiện thực và khát vọng tương lai về sự trù phú, thịnh vượng... đến với đồng bào.

Thời điểm thành lập xã, Đức Phú có 750 hộ/ 3.500 khẩu⁽¹⁾, diện tích đất tự nhiên gần 3.000 ha, diện tích đất canh tác trên 600 ha (gồm cả đất ruộng và đất rẫy, không tính đất rừng và đất hoang hóa). Phía Đông giáp xã Nghị Đức và Đức Tân; phía Tây giáp xã Mê Pu, huyện Đức Linh; phía Nam giáp xã Nghị Đức và

(1) Giảm 410 hộ / 2.200 khẩu so với thời điểm hình thành 3 điểm kinh tế mới (1.160 hộ / 5.700 khẩu).

Gia An; phía Bắc giáp xã Đạ P'Loa, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Cùng với quá trình chuẩn bị thành lập xã, việc chọn lựa nhân sự giữ các chức danh trong chính quyền và đoàn thể đã được chuẩn bị chu đáo, đúng quy trình, đảm bảo dân chủ và được công bố ngay sau khi công bố quyết định thành lập xã.

Ủy ban nhân dân xã lâm thời nhiệm kỳ 1981 - 1982 gồm 07 ủy viên, được phân công cụ thể như sau: ông Lê Văn Châu làm Chủ tịch; ông Trần Đại Lực làm Phó Chủ tịch, kiêm Trưởng Công an; ông Nguyễn Vĩnh Thọ làm Ủy viên Thư ký; ông Nguyễn Tấn Quân làm Xã đội trưởng; ông Nguyễn Tấn Phong làm Ủy viên Văn hóa xã hội; ông Đặng Long làm Ủy viên phụ trách Nông nghiệp; ông Nguyễn Thanh Xuân làm Ủy viên Tài chính. Ngoài ra còn cử một số ông bà tham gia công tác, đó là: ông Cao Văn Mạnh làm Phó trưởng Công an; ông Lâm Thành Bi làm Xã đội phó; ông Huỳnh Văn Chánh làm cán bộ Văn thư, đánh máy; ông Ngô Văn Bích phụ trách công tác thanh niên (lúc này chưa Xã Đoàn). Các tổ chức đoàn thể bấy giờ có: Hội Nông dân, có 160 hội viên, do ông Trương Đăng Vân Hoàng làm Chủ tịch, ông Hoàng Công Xích làm Phó Chủ tịch; Hội Phụ nữ, do bà Nguyễn Thị Dư phụ trách, tiếp theo sau là bà Phạm Thị Phước. Tất cả cán bộ xã đều là quần chúng,

cả xã chưa có ai là đảng viên. Huyện ủy phân công đồng chí Hồ Ca (Bí thư Đảng ủy xã Nghị Đức), với tư cách là Huyện ủy viên tham gia phụ trách địa bàn xã Đức Phú.

Tháng 5/1982, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện Đức Linh (cũ), Đức Phú tiến hành tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã khóa đầu tiên, nhiệm kỳ 1982 - 1984. Kết quả đã bầu ra 17 đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Sau đó, Hội đồng nhân dân xã họp và bầu ra Ủy ban nhân dân xã gồm 7 thành viên, về cơ bản giữ nguyên thành phần của Ủy ban nhân dân xã lâm thời, trong đó bầu ông Lê Văn Châu làm Chủ tịch, ông Trần Đại Lực làm Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Vĩnh Thọ làm Ủy viên Thư ký...

Tổ chức chính quyền và các đoàn thể xã ngay sau khi thành lập đã sớm ổn định tổ chức và bộ máy hoạt động, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, luôn chú trọng phát huy quyền làm chủ tập thể, làm chủ trong lao động sản xuất của đồng bào, từng bước nâng cao đời sống và kiến thiết xã nhà.

2. Thành lập các tập đoàn sản xuất và phát triển kinh tế:

Những năm đầu thành lập xã, từ tháng 7/1981 - 12/1983, Đức Phú có 03 tập đoàn sản xuất và 01 hợp tác

xã mua bán, nhằm thực hiện chủ trương "làm cho sản xuất bung ra"⁽¹⁾ và thực hiện "khoán 100"⁽²⁾, v.v...

Tập đoàn I, có từ tháng 7/1981, được bố trí địa bàn từ ngã ba B' Lao đến cầu Dốc Sỏi (cầu Ông Đề), phân ra thành 07 đội sản xuất, gồm 300 hộ với 1.500 khẩu, hầu hết là đồng bào Mộc Hóa. Ban quản lý tập đoàn có 03 người, do ông Nguyễn Văn Được làm Tập đoàn trưởng. Đến cuối năm 1981, tập đoàn được phân chia ra 12 đội sản xuất, làm ăn theo hướng đổi công, lập quỹ, trả thù lao cho cán bộ quản lý. Lúc này chưa có chủ trương cấp đất cho người lao động...

Tập đoàn II ra đời cùng thời điểm với Tập đoàn I, được bố trí địa bàn từ cầu Ông Đề đến suối cầu Đỏ (giáp Nghị Đức hiện nay), gồm 200 hộ với 900 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào đến từ Phú Quý và một phần đồng bào đến từ Phan Thiết. Tập đoàn được phân chia thành 6 đội sản xuất, ban quản lý tập đoàn

-
- (1) Tuy nhiên, đây vẫn là một giai đoạn đặc biệt khó khăn không chỉ đối với đồng bào đi kinh tế mới ở Đức Phú, mà còn là khó khăn chung của cả nước. Mặc dù tại Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8/1979), Đảng ta đã tạo bước đột phá đầu tiên trong phát triển kinh tế, với chủ trương làm cho sản xuất "bung ra", song tình hình sản xuất và tiêu dùng vẫn chưa được thông thoáng.
- (2) Chỉ thị 100 ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, hay còn gọi là "Khoán 100", bước đầu tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp, gắn với thực hiện "3 khoán": khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản lượng.

có 3 người, do ông Nguyễn Thanh Xuân làm Tập đoàn trưởng, ông Lê Đức Thành làm Tập đoàn phó và ông Đỗ Minh Thất làm Thư ký.

Tập đoàn III gồm 250 hộ với 1.100 khẩu, chủ yếu là đồng bào đến từ Phan Thiết và một số đồng bào từ Bình Trị Thiên đến. Tập đoàn được phân chia thành 7 đội sản xuất, địa bàn từ cầu Đỏ đến cầu Cây Xoài (giáp ranh xã Đức Tân). Ban quản lý tập đoàn do ông Nguyễn Xuân Châu làm Tập đoàn trưởng và ông Nguyễn Lê Dung làm Thư ký.

Hợp tác xã Mua bán được thành lập vào năm 1982, Ban Quản lý gồm các ông/bà: Võ Văn Đắc, Chủ nhiệm; Phan Gia Đính, Phó Chủ nhiệm; Lê Đáp, Kế toán; Mai Thị Thuận và Võ Tuấn là nhân viên.

Như vậy, nhìn chung mỗi hộ gia đình, mỗi người đều có cuộc sống gắn liền với một tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Kể từ năm 1982, thực hiện KHóan sản phẩm trong nông nghiệp, đồng bào vừa tập trung tăng gia sản xuất, phát triển vùng kinh tế mới và mở rộng diện tích canh tác, vừa ổn định nơi ăn chốn ở, từng bước an cư lạc nghiệp.

Riêng tại Tập đoàn II, vì đa số đồng bào đến từ vùng biển, là ngư dân nên không quen gieo trồng ngũ cốc, cộng thêm điều kiện khí hậu và sinh hoạt miền

núi khác xa với miền biển, nên nhiều người chưa kịp thích nghi, hay bị ốm đau, lương thực không đủ ăn, cuộc sống đắp đổi qua ngày. Không ít người đã bỏ đi nơi khác làm ăn hoặc về lại thị xã Phan Thiết, diện tích bị bỏ hoang nhiều... Do đó, một số đồng bào Bình Trị Thiên di dân tự do đến xin định cư và được Ủy ban nhân dân xã bố trí định cư xen ghép tại khu vực này.

Để tạo thuận lợi trong sản xuất và đời sống, ban quản lý các tập đoàn đã vận động nhân dân tiếp tục mở rộng diện tích canh tác, chăm lo sản xuất, làm đường giao thông, đào đắp những công trình thủy lợi nhỏ, gieo cấy lúa nước, trồng bắp, trồng mỳ, tía đậu... Nhờ cần cù lao động sáng tạo, đồng bào đã tạo ra được nhiều nông sản, cơ bản tự túc đủ lương thực sau khi Nhà nước không còn cấp phát.

Bên cạnh đó, cấp trên còn tạo điều kiện thuận lợi cho Hợp tác xã Mua bán vay vốn kinh doanh kết hợp với cổ phần của xã viên đóng góp, nên đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu cần thiết trong nhân dân. Hợp tác xã mua bán của xã còn làm tốt dịch vụ mua bán nông sản, cung cấp hàng Hóa tiêu dùng phục vụ đời sống hàng ngày, đồng thời hỗ trợ một số công cụ sản xuất ban đầu cho đồng bào đi kinh tế mới. Trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa, theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thì Hợp tác xã mua bán có vai trò đặc biệt quan trọng.

3. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu và từng bước phát triển văn hóa – xã hội trên địa bàn:

Nhà làm việc của Ủy ban nhân dân xã được xây dựng năm 1982 – 1983. Lực lượng Công an, Xã đội có phòng trực riêng gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Các tập đoàn sản xuất cũng xây dựng được nhà hội trường để Ban quản lý làm việc và hội họp nhân dân.

Cơ sở trường học và trạm y tế tuy chưa được khang trang nhưng đã cơ bản đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho công tác giảng dạy, học tập, làm việc và khám chữa bệnh ban đầu của nhân dân.

Đường giao thông liên xã được cấp trên đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng thuận lợi hơn. Mạng lưới giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, các công trình thuỷ lợi nhỏ... được cấp uỷ, chính quyền và ban quản lý các tập đoàn vận động nhân dân tôn tạo, đào đắp, xây dựng. Tuy nhiên, hầu hết những công trình chỉ mang tính tạm bợ hoặc bán kiên cố, giải quyết nhu cầu trước mắt.

Về phương tiện và công cụ sản xuất chủ yếu vẫn còn hết sức thô sơ như cuốc, xẻng, rựa... Việc sử dụng sức kéo bằng trâu, bò còn ít. Phương tiện máy móc chưa có.

Tương tự như vậy, nhà cửa và các công trình dân sinh của đồng bào chủ yếu làm tạm bợ và bán kiên cố. Tổng số có 600 căn nhà / 750 hộ (đạt tỷ lệ 80% hộ gia đình có nhà ở, tuy vẫn còn tạm bợ và bán kiên cố). Nguồn nước sinh hoạt bằng giếng đào và trực tiếp từ các khe suối. Nhìn chung, cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu còn hết sức nhỏ bé, thô sơ, manh mún.

Ngoài lương thực và nơi ăn chốn ở, vấn đề quan tâm hàng đầu của đồng bào đi kinh tế mới là sức khỏe, vì đa số đồng bào chuyển đến trong điều kiện thời tiết khí hậu thay đổi đột ngột, rừng thiêng nước độc, nơi ăn chốn ở tạm bợ, dịch bệnh dễ phát sinh, nhất là bệnh sốt rét. Khi mới thành lập, Ủy ban nhân dân xã đã xin chủ trương xây dựng trạm y tế nhằm phục vụ việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Cán bộ y tế của trạm có 3 người, do y sĩ Nguyễn Văn Xí làm Trưởng trạm, y tá Mai Thị Thanh Thuý làm Phó Trưởng trạm và y sĩ Võ Văn Lộc làm Nhân viên. Về sau, đồng chí Mai Trọng Tiến là đảng viên, y sĩ từ Ngư Hóa chuyển vào được phân công làm Trưởng trạm; có thêm 2 nữ y sĩ Lương Thị Tường và Võ Thị Thu Thảo. Bên cạnh đó, Phòng thuốc Nam có các lương y Trần Văn Công, Trần Tứ Quý, Đỗ Ngọc Thành.

Mặc dù cơ sở vật chất - kỹ thuật và thuốc men ban đầu hết sức thiếu thốn, nhưng các cán bộ y tế của trạm đã tích cực hoạt động, với tinh thần tận tụy phục

vụ và chăm sóc sức khỏe, kịp thời khám chữa bệnh cho nhân dân, đồng thời cố gắng làm tốt công tác phòng ngừa, không để xảy ra dịch bệnh gây tử vong.

Bên cạnh đó, công tác giáo dục cũng được chăm lo thực hiện cho con em đồng bào, vì tương lai phát triển sau này. Ngay từ ngày bắt đầu thành lập các điểm kinh tế mới (1979 - 1980), đã có hàng trăm con em của đồng bào đi học cấp I, II tại xã Nghị Đức và Mê Pu.

Sau khi thành lập xã, trên địa bàn Đức Phú chỉ có một trường phổ thông chung cho cả cấp I và cấp II, vị trí đặt tại trường Tiểu học Đức Phú 1 ngày nay, với tổng số 225 học sinh trong 9 lớp với 8 giáo viên. Trường do thầy Thái Huy Sỹ làm Hiệu trưởng, thầy Nguyễn Hoạch làm Hiệu phó kiêm Chủ tịch Công đoàn. Từ khi thành lập cho đến năm học 1985 - 1986, trường chỉ tổ chức dạy đến lớp 8, lên lớp 9 do ít học sinh nên con em đồng bào ở Đức Phú phải sang học tại Nghị Đức.

Những hoạt động văn Hóa - xã hội khác từng bước được quan tâm xây dựng và phát triển.

4. Đón nhận đồng bào Ngư Hóa:

Ngư Hóa là một xã nằm ở cuối huyện miền núi Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình. Vào năm 1983, Ngư Hóa thuộc huyện Quảng Trạch, ở phía Tây Bắc tỉnh Quảng

Bình. Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, do giao thông không thuận lợi, người dân phải đi bộ trên 30 km đường rừng núi mới đến chợ gần nhất để mua lương thực, thực phẩm. Đời sống nhân dân những năm ấy vốn đã khó khăn, hàng năm lại bị bão lũ làm tổn thất lớn. Một trong những cơn bão lịch sử phải kể đến là cơn bão số 11 giạt cấp 12 đổ bộ vào khu vực từ Nghệ An đến Quảng Bình ngày 21/10/1983, gây thiệt hại nặng nề về người và của, trong đó đồng bào xã Ngư Hóa chịu tổn thất to lớn nhất. Theo thống kê, đây là một trong 8 cơn bão mạnh nhất trong lịch sử nước ta kể từ 1945 cho đến thời điểm lúc bấy giờ.

Trước đó không lâu, cũng trong năm 1983, ở tỉnh Thuận Hải đã bị cơn bão Kim tàn phá và làm chết 200 người. Do nhận thức được những khó khăn mất mát khôn lường bởi thiên tai mà đồng bào cả nước nói chung phải gánh chịu, trong đó có đồng bào ở Quảng Bình và Thuận Hải nói riêng, nên Tỉnh ủy Thuận Hải đã đến thăm hỏi và chia sẻ thiệt hại với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Bình. Đồng thời, các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Thuận Hải lúc bấy giờ còn bày tỏ mong muốn tiếp nhận đồng bào tỉnh Quảng Bình đi kinh tế mới vào theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước ta.

Ghi nhận sự quan tâm và tạo điều kiện của Tỉnh ủy Thuận Hải, Tỉnh ủy Quảng Bình đã có chủ trương

vận động nhân dân ở những vùng khó khăn, thường xuyên bị bão lũ chủ động đăng ký đi kinh tế mới, nhằm tránh những tổn thất nặng nề do thiên tai hàng năm cứ lặp đi lặp lại, làm cho cuộc sống của đồng bào vốn đã khó khăn lại càng trở nên bi đát. Nhận được chủ trương trên, ngày 3/12/1983, Huyện uỷ Quảng Trạch đã ra văn bản chỉ đạo trực tiếp Đảng uỷ xã Ngư Hóa có kế hoạch tuyên truyền, vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế mới. Đây cũng là trần trở của các đồng chí cán bộ lãnh đạo ở địa phương. Sau nhiều lần trao đổi giữa các đồng chí lãnh đạo xã và bước đầu tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của một số đồng bào, Ban Thường vụ Đảng uỷ xã Ngư Hóa gồm 3 đồng chí (1) đã họp và thống nhất cao chủ trương này. Ngày 9/12/1983, tiếp tục đưa nội dung ấy ra tập thể Đảng uỷ gồm 9 đồng chí (2) để họp bàn và cuối cùng đã ra Nghị quyết với số phiếu tán thành tuyệt đối về chủ trương đi kinh tế mới, đồng thời thông qua kế hoạch tuyên truyền, vận động toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Ngư Hóa đi xây dựng kinh tế mới ở Thuận Hải.

(1) Gồm các đồng chí: Hồ Thanh Sâm (Bí thư), Trần Đức Thuận (Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Nguyễn Văn Hoa (Phó Bí thư Thường trực).

(2) Gồm các đồng chí: Hồ Thanh Sâm, Trần Đức Thuận, Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Viết Lượng, Nguyễn Minh Hương, Trần Dũng, Nguyễn Văn Bút, Nguyễn Thanh Bình, Trần Đức Sỹ.

Đồng bào Ngự Hóa đứng trước sự lựa chọn mang tính bước ngoặt của cuộc đời: Ra đi hay ở lại mảnh đất này? Đất là phần tự nhiên của quê hương, mà “khi ta ở chỉ là nơi đất ở, khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”⁽¹⁾. Cuối cùng chủ trương ra đi vẫn được nhiều người đồng tình. Chủ trương trên đã được sự đồng tình hưởng ứng với ý chí quyết tâm cao của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã. Khi ý Đảng đã hợp với lòng dân, Đảng ủy liền quyết định thành lập 2 đoàn công tác: đoàn thứ nhất, do đồng chí Trần Đức Thuận (Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân) làm trưởng đoàn, thực hiện nhiệm vụ tổ chức đưa nhân dân đi kinh tế mới, ổn định nơi ăn, chốn ở tại nơi đến; đoàn thứ hai, do đồng chí Hồ Thanh Sâm (Bí thư Đảng ủy) làm trưởng đoàn, thực hiện nhiệm vụ thanh lý tài sản của hợp tác xã để thu hồi vốn, tạo quỹ để vào xây hợp tác xã khi chuyển đến nơi mới.

Được sự quan tâm giúp đỡ của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch, trong vòng 9 ngày, Đảng bộ và chính quyền xã đã hoàn thành mọi nhiệm vụ đặt ra, chuẩn bị đủ các điều kiện, sẵn sàng đưa cả hệ thống chính trị và nhân dân đi xây dựng kinh tế mới.

Ngày 22/12/1983, nhằm ngày 19 tháng 11 năm Quý Hợi, một chút nắng ấm áp trong mùa đông giá lạnh như muốn khích lệ lòng người trước cuộc đi

(1) Hai câu thơ trong bài “Tiếng hát con tàu” của nhà thơ Chế Lan Viên.

chuyển mang tính lịch sử đang bắt đầu. Đoàn hành trình đi trên 30 xe khách và xe tải của Công ty vận tải Quảng Bình xuất phát từ bến phà Minh Cẩm xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa, đưa toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Ngư Hóa (gồm 540 người, trong đó có 42 đảng viên) cùng tài sản đến ga Lệ Kỳ thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình để lên tàu vào Thuận Hải⁽¹⁾.

Trưa 29/12/1983, sau 07 ngày hành trình, đoàn xuống ga Suối Kiết thuộc huyện Tánh Linh, tỉnh Thuận Hải. Tại đây, các phương tiện của Công ty vận tải Thuận Hải đã chờ sẵn để tiếp tục đưa đoàn đi đến vùng kinh tế mới. Điểm đến cuối cùng khi mặt trời đang xuống dưới bạt ngàn cây cối, bỏ lại đằng sau cái lạnh lẽo của mùa đông miền Bắc, đoàn đặt chân tới Tập đoàn II xã Đức Phú trong nắng nhạt chiều tà.

Chính quyền và nhân dân xã Đức Phú do đồng chí Lê Văn Châu (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) dẫn đầu ra đón nhận đoàn. Đoàn người vừa bước xuống xe đã được cán bộ và nhân dân xã Đức Phú đón tiếp nồng nhiệt, với nước uống, quà bánh, trái cây... và tập trung tại nhà ông Võ Minh Tất. Mọi người gặp gỡ, tay bắt

(1) Đồng bào Ngư Hóa đã nhận được sự giúp đỡ chí tình chí nghĩa của đồng bào xã Mai Hóa, đặc biệt là đồng bào xóm Tân Hóa, đã huy động hết phương tiện thuyền - dờ để chở người và tài sản đến tập kết tại bến phà.

mặt mừng, hỏi han như thể những người trong đại gia đình xa cách bấy lâu nay đoàn tụ, rồi cùng nhau sắp xếp nơi ăn chốn nghỉ. Có lẽ trong tâm thức sâu xa của mỗi người đều hiểu rằng, từ nay trở đi, họ sẽ trở thành hàng xóm láng giềng của nhau, sẽ gắn bó keo sơn mật thiết với nhau, sẽ cùng vun đắp số phận chung trên quê hương mới này.

Kể từ giờ phút ấy, toàn thể đồng bào Ngư Hóa và đồng bào Đức Phú đã hoà thành một khối thống nhất, xây dựng ngôi nhà chung mang tên Đức Phú, với niềm mong ước phúc đức đẹp giàu như chính tên gọi ấy.

Sau đó, đồng bào Ngư Hóa được bố trí ở tại Tập đoàn 2, từ cầu Ông Đề đến cầu Đỏ. Tuy điều kiện bấy giờ, mỗi hộ cư trú trong một căn nhà tranh tre vách nứa, nhưng vẫn cảm thấy ấm áp tình người, tình đồng bào, đồng chí, đồng cảnh ngộ...

Đêm đầu tiên ấy, mỗi người một dòng cảm xúc riêng hoà chung tình cảm lớn trước những đổi thay trọng đại của cuộc đời. Ai cũng trăn trở, đón đợi bình minh...

5. Thành lập Chi bộ Đảng ở Đức Phú:

Sự kiện toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân xã Ngư Hóa di kinh tế mới là một bước đột phá lớn, có ý nghĩa toàn diện không chỉ đối với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân hai xã (nơi đi và nơi đến), mà còn



Đc. HỒ THANH SÂM (1932 - 2008)
Bí thư Chi bộ lâm thời (1983 - 1985)



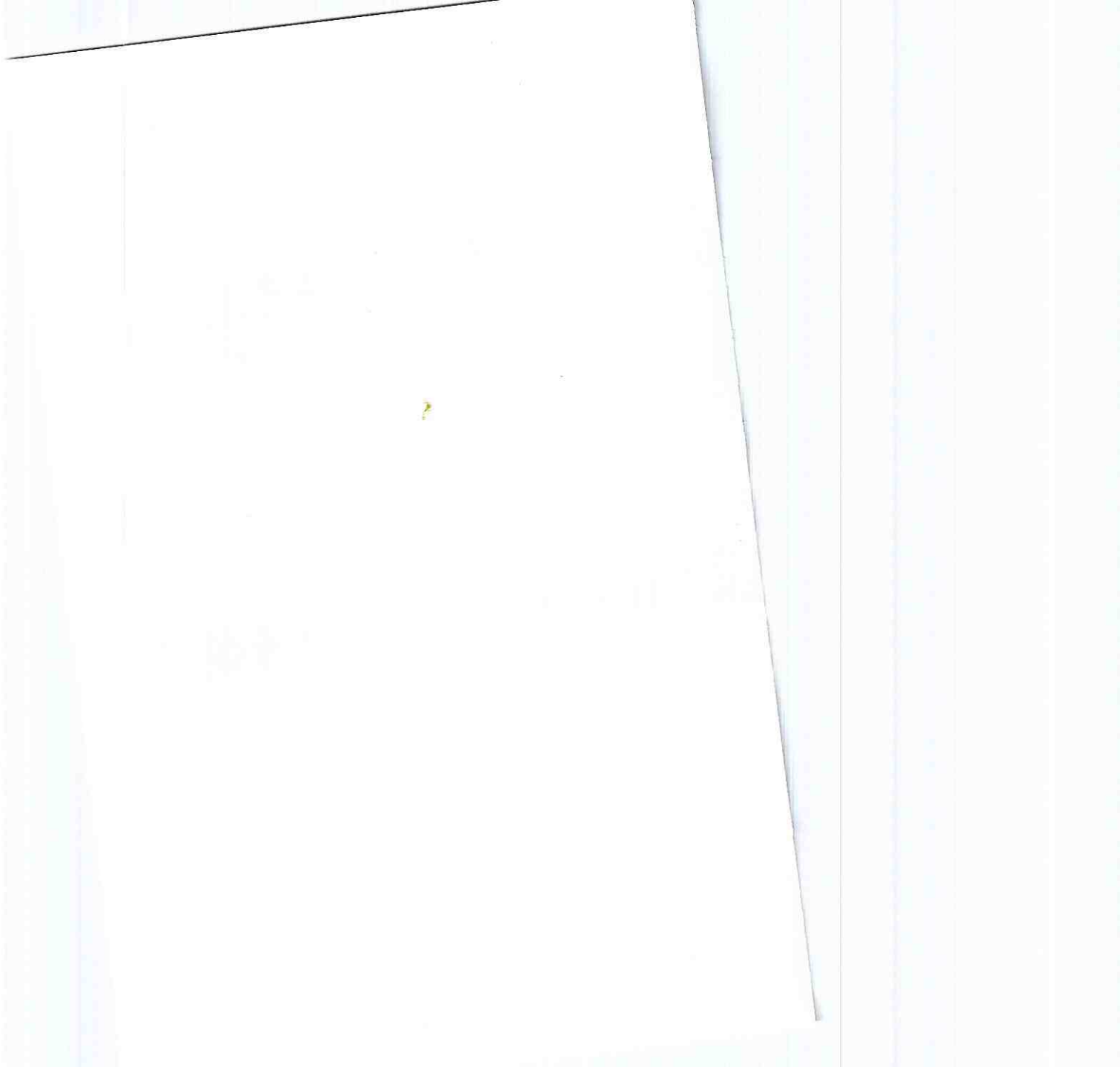
Đc. NGUYỄN VĂN HOA (1942)
Bí thư Chi bộ (1985 - 1987)
Bí thư Đảng ủy (1987 - 1988)



Đc. NGUYỄN MINH HƯỞNG (1950)
Bí thư Đảng ủy (1988 - 2005)



Đc. TRẦN QUANG VINH (1959)
Bí thư Đảng ủy (2005 - 2010)



có ý nghĩa nhất định đối với cả hai huyện và hai tỉnh có liên quan. Trên bình diện rộng hơn, một mặt, nó là thực hiện chủ trương đi kinh tế mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; mặt khác, nó nói lên phần nào nỗ lực phấn đấu của đồng bào nhiều nơi trong thời kỳ đất nước đang trải qua những khó khăn thử thách to lớn trong những năm cuối cùng vận hành cơ chế tập trung quan liêu bao cấp bao cấp đã không còn phù hợp, làm cho đời sống của một bộ phận không nhỏ nhân dân vô cùng khó khăn. Đồng thời, sự kiện đó cũng cho chúng ta thấy rằng chủ trương xây dựng vùng kinh tế mới của Đảng và Nhà nước ta lúc bấy giờ vừa hợp quy luật vừa hợp lòng dân. Qua đó, còn cho chúng ta nhận ra những phẩm chất cách mạng tốt đẹp và bản lĩnh chính trị vững vàng, tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên xã Ngư Hóa, cùng sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân xã Ngư Hóa vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền xã, với quyết tâm tạo dựng tương lai tốt đẹp hơn.

Đối với Đức Phú nói riêng, đó là một sự kiện trọng đại mang tính bước ngoặt, có ý nghĩa quyết định trong việc xây dựng hệ thống chính trị ở xã. Bởi vì từ ngày thành lập đến nay, Đức Phú vẫn là *xã chưa có đảng viên*, mới chỉ có hai đồng chí được học qua lớp cảm tình đảng, đó là đồng chí Lê Văn Châu (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) và đồng chí Nguyễn Hoạch (Hiệu trưởng

Trường cấp I). Vậy mà trong cùng một thời điểm, Đức Phú được tiếp nhận cả một Đảng bộ gồm 42 đảng viên đến từ vùng đất giàu truyền thống cách mạng.

Ngày 30/12/1983, chỉ sau 05 ngày tiếp nhận đồng bào Ngư Hóa, Ban Thường Vụ Huyện ủy Tánh Linh đã có quyết định thành lập Chi bộ xã Đức Phú gồm 42 đảng viên nói trên, cấp uỷ gồm 05 đồng chí: Hồ Thanh Sâm, Nguyễn Văn Hoa, Trần Đức Thuận, Nguyễn Minh Hương, Trần Văn Dũng; cử đồng chí Hồ Thanh Sâm làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Văn Hoa làm Phó Bí thư Chi bộ.

Nhằm kiện toàn bộ máy chính quyền của xã, ngày 27/01/1984, Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh có quyết định bổ nhiệm đồng Trần Đức Thuận, nguyên là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngư Hóa, làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đức Phú. Trước đó, vào cuối năm 1983, đã bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Minh Hương làm Phó trưởng Công an xã.

Như vậy, sau 03 năm thành lập xã, bằng việc tiếp nhận 42 đảng viên chuyển đến từ Ngư Hóa, Đức Phú đã hình thành nên tổ chức Đảng cấp cơ sở có quy mô lớn thứ 3 trong toàn huyện lúc bấy giờ, chỉ đứng sau Lạc Tánh và Nghị Đức. Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ, vốn có truyền thống cách mạng kiên cường đến từ tỉnh Quảng Bình, đây sẽ là một trong những nhân tố thuận lợi cơ bản và then chốt để xây

dựng hệ thống chính trị vững mạnh, lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội ở Đức Phú về sau.

Nhiệm vụ chính trị đặt ra trước tiên đối với Chi bộ là tập trung lãnh đạo nhân dân thông suốt về tư tưởng, đoàn kết cộng đồng, ổn định dân sinh, quy hoạch và phát triển sản xuất, xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, thủy lợi, cải tạo ruộng rẫy, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp... Bên cạnh tập đoàn sản xuất 1 và 2 vốn đã có từ trước, hình thành thêm Hợp tác xã nông nghiệp Ngư Hóa bao gồm toàn thể đồng bào xã viên Ngư Hóa vừa chuyển đến, về cơ bản giữ nguyên ban quản lý trước đây.

Ngày 22/11/1985, Đại hội Chi bộ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 1985 - 1987, bầu ra cấp ủy gồm 5 đồng chí: Nguyễn Văn Hoa (Bí thư), Nguyễn Minh Hương (Phó Bí thư), Nguyễn Văn Hóa, Nguyễn Chí Thức và Trần Đức Thuận. Ngày 4/12/1985, Huyện ủy Tánh Linh đã có quyết định chuẩn y Ban chấp hành Chi bộ xã.

6. Đức Phú những năm đầu tái lập huyện Tánh Linh và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp:

Ngày 1/5/1983, huyện Đức Linh được chia thành huyện Đức Linh (mới) và huyện Tánh Linh⁽¹⁾. Xã Đức

(1) Theo Quyết định số 204 ngày 30/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Huyện Tánh Linh ban đầu có 11 xã: Đức Phú, Nghi Đức, Đức Tân, Bắc Ruộng, Măng Tố, Huy Khiêm, La Ngâu, Lạc Tánh, Gia An, Gia Huynh, Suối Kiết. Đến năm 1989 chia tách thêm 3 xã mới: Đồng Kho, Đức Bình, Đức Thuận.

Phú trở thành nơi địa đầu miền núi phía Bắc của huyện Tánh Linh. Tập đoàn III tách khỏi Đức Phú và trở thành một bộ phận của xã Nghị Đức. Đức Phú chỉ còn Tập đoàn I và Tập đoàn II, ranh giới từ ngã ba B' Lao đến cầu Đổ.

Diện tích tự nhiên còn 2.777 ha, trong đó đất sản xuất 600 ha, chủ yếu là đất rẫy, đất ruộng mới khai hoang được 27 ha ở vùng đồng Kè khu vực 2 và vùng Suối Chùa khu vực 1. Dân số còn lại 500 hộ / 2.400 khẩu, cộng thêm 540 khẩu sau khi đón nhận đồng bào Ngự Hóa vào cuối năm 1983, thành 2.940 khẩu. Theo số liệu điều tra đến ngày 30/6/1984, toàn xã có 599 hộ/3.171 khẩu, trong đó có 1.585 Nam và 1.586 nữ.

Hệ thống chính trị về cơ bản không thay đổi. Đến năm 1984, nhân dân tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ III (1984 - 1987). Kết quả đã bầu ra 17 đại biểu, gồm các ông/bà: Trần Đức Thuận⁽¹⁾, Lê Văn Châu, Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Minh Hương, Nguyễn Văn Hóa, Trần Hữu Trung, Nguyễn Văn Bút, Nguyễn Thanh Xuân, Nguyễn Văn Được, Lê Đức Thành, Trần Đức Sỹ, Nguyễn Thị Bưởi, Phạm Viết Hùng, Mai Phú, Hà Được, Trần Diên, Nguyễn Nhiều.

(1) Là đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

Hội đồng nhân dân xã bầu ra Ủy ban nhân dân xã gồm 7 thành viên, gồm các ông: Lê Văn Châu (Chủ tịch), Trần Đức Thuận (Phó Chủ tịch), Nguyễn Minh Hường (Phó Chủ tịch kiêm trưởng Công an), Trần Hữu Trung (Ủy viên Thư ký), Nguyễn Văn Hóa (Xã đội trưởng), Phạm Việt Hùng (Kế toán ngân sách), Nguyễn Chín (Ủy viên).

Tổ chức Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ngày càng được củng cố và phát triển, tăng cường nhiều mặt công tác, chăm lo sinh hoạt, kết nạp đoàn viên và hội viên, tích cực triển khai các chương trình hành động cách mạng, các phong trào quần chúng. Chủ tịch Mặt trận là ông Nguyễn Thanh Xuân. Đến năm 1985 - 1986, Đoàn thanh niên có 46 đoàn viên; Hội Nông dân có 310 hội viên, do ông Phan Kháng làm Chủ tịch; Hội Phụ nữ có 350 hội viên, do bà Nguyễn Thị Bưởi làm Chủ tịch và bà Mai Thị Xứng làm Phó Chủ tịch.

Nhiệm vụ trọng tâm đặt ra cho hệ thống chính trị lúc này là quy hoạch nông thôn, vùng sản xuất, xây dựng hợp tác xã, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Thời kỳ này, việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta về cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, đóng vị trí và vai trò quyết định ở

nông thôn. Vì vậy, đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu trong phát triển kinh tế ở địa phương, được Đảng bộ và chính quyền xã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, trong đó có việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Chi bộ xã Đức Phú đã lãnh đạo công tác chuẩn bị hình thành 02 hợp tác xã nông nghiệp trên cơ sở chuyển đổi các tập đoàn sản xuất cũ.

Ban vận động xây dựng Hợp tác xã Nông nghiệp I gồm các ông/bà: Trần Quốc Khanh (Trưởng ban), Nguyễn Văn Bút (Phó ban) và các thành viên gồm: Lê Đức Thành, Nguyễn Văn Tuy, Trương Châu, Trần Bá Quế, Nguyễn Thanh Xuân, Trần Hồng Sơn, Nguyễn Thị Bé, Dương Châu, Nguyễn Khắc Tường. Ban vận động phân thành 2 tổ, một tổ xây dựng kế hoạch, do đồng chí Nguyễn Văn Bút làm Tổ trưởng; một tổ làm công tác chuẩn bị đại hội, do đồng chí Trần Quốc Khanh làm Tổ trưởng.

Sau khi Ban vận động chuẩn bị đủ điều kiện, được cấp trên chấp thuận, ngày 20/3/1984, tổ chức Đại hội thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp I. Đại hội đã thông qua nội quy hợp tác xã, kết nạp xã viên và bầu ra Ban quản lý gồm các ông: Nguyễn Văn Bút - Chủ nhiệm,

Lê Đức Thành – Phó Chủ nhiệm, Nguyễn Vĩnh Tuy -
Ủy viên nông nghiệp, Trần Bá Quế - Ủy viên ngành
nghề, Trương Châu - Ủy viên cung ứng vật tư; Ban
Kiểm soát gồm các ông: Trần Quốc Khanh - Trưởng
ban, Nguyễn Thanh Xuân, Ngô Văn Đạm; Ban Tài vụ
gồm các ông/bà: Trần Bá Sơn - Trưởng ban kiêm Kế
toán trưởng, Nguyễn Thị Bé - Kế toán phân phối,
Dương Châu - Kế toán công điểm, Nguyễn Thanh
Chương - Kế toán công điểm.

Hợp tác xã Nông nghiệp I được xây dựng trên cơ
sở Hợp tác xã Ngư Hóa và Tập đoàn II, địa bàn từ cầu
Đổ (giáp xã Nghi Đức) lên đến suối ông Đề, có 530
xã viên đại diện cho 220 hộ với 1.163 khẩu, được chia
làm 5 đội sản xuất và 1 đội ngành nghề. Diện tích
được phân chia là 138 ha, trong đó có 81 ha đang sản
xuất lúa, 50 ha trồng hoa màu, còn lại là đất ao bầu và
đất hoang hóa cần cải tạo. Cơ sở vật chất – kỹ thuật
khi mới thành lập chưa có gì. Tài sản kế thừa từ Hợp
tác xã Ngư Hóa (gồm 9 con bò và 4 con trâu kết tinh
từ cổ phần của xã viên Ngư Hóa) và Tập đoàn 2 (1
máy đánh chữ). Còn lại phải huy động xã viên đóng
cổ phần hàng năm.

Đại hội xác định phương hướng nhiệm vụ trọng
tâm trong thời gian tới là xây dựng cơ sở vật chất, quy
hoạch lại khu dân cư, phát triển sản xuất, làm giao

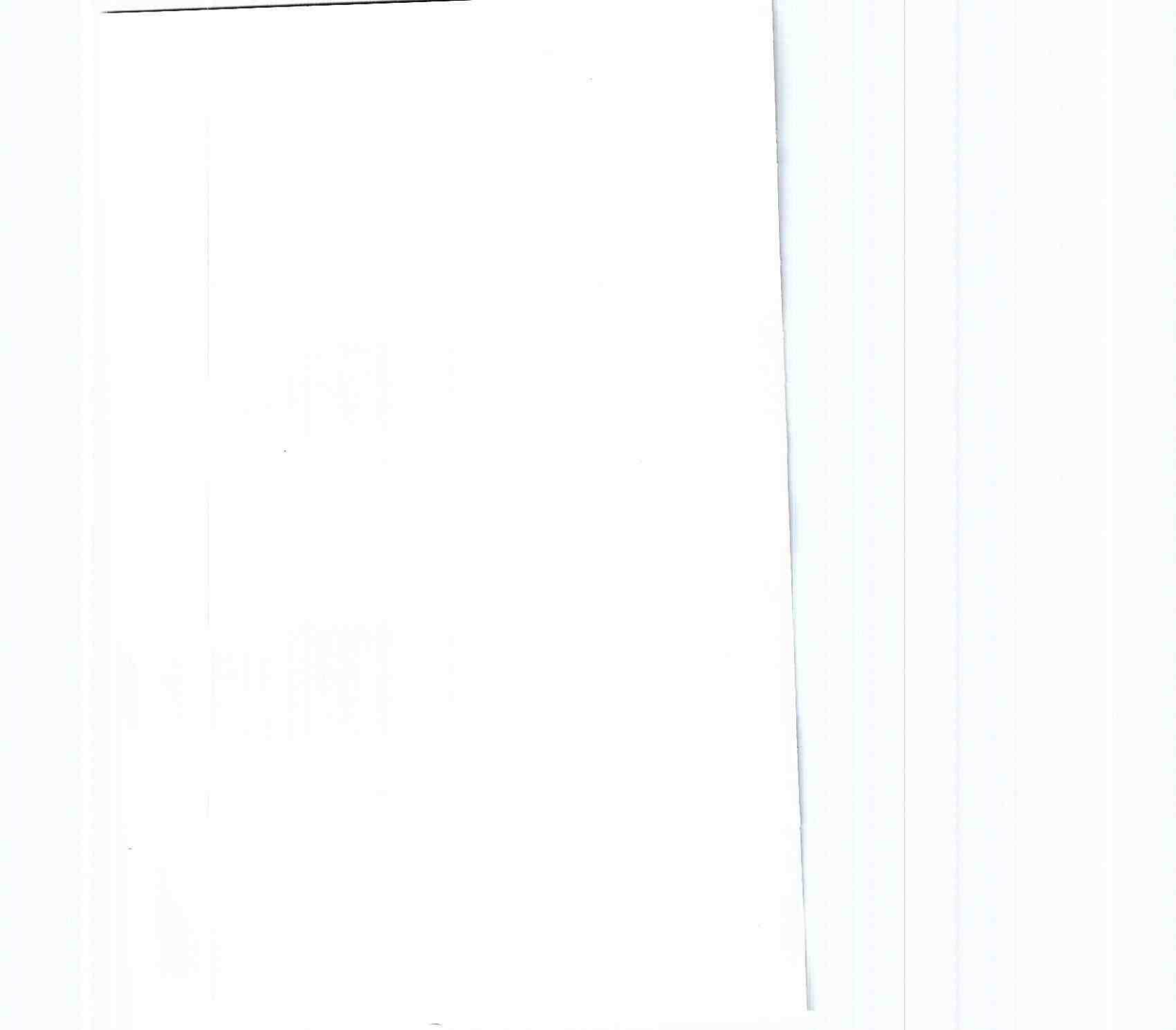
thông, thuỷ lợi... Kết quả thực hiện năm 1985 - 1986 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Về xây dựng cơ sở vật chất và quy hoạch lại khu dân cư: Xây dựng 1 lò gạch ngói của hợp tác xã nhằm đáp ứng nhu cầu kiến thiết phục vụ nhân dân; xây dựng 1 kho lương thực với sức chứa 100 tấn lúa và 1 kho vật tư nông nghiệp; làm tạm nhà làm việc hợp tác xã; liên doanh với xã viên xây dựng 01 nhà máy xát gạo... Đồng thời tiến hành quy hoạch lại khu dân cư theo ô bàn cờ nhằm tạo thuận lợi trong việc xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 1986, khoảng 60% số hộ xã viên đã làm nhà gỗ vách ván, ổn định nơi ăn chốn ở, yên tâm tham gia sản xuất.

Về sản xuất nông nghiệp, giao thông, thuỷ lợi: Đã chuyển được 25 ha đất ruộng Bầu Thành từ 1 vụ lúa sang làm được 2 vụ lúa và 42 ha đất rẫy vùng suối Đá thành đất sản xuất lúa 1 vụ lúa nước cho năng suất cao. Tổng sản lượng lương thực thu hoạch hàng năm đạt 268,5 tấn (nộp thuế 56 tấn, để lại làm quỹ Hợp tác xã 31 tấn, chia cho xã viên 181,5 tấn), giá trị một ngày công được 3 kg lúa. Huy động được 12.196 ngày công của xã viên phục vụ xây dựng, đào đắp đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng và các công trình thuỷ lợi nhỏ phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, còn huy động xã viên đóng góp cho Nhà



Cánh đồng lúa Hợp tác xã nông nghiệp II – Đức Phú



nước 4.638 ngày công (1.326 công phục vụ khai hoang thành lập Nông trường đào của huyện, 590 công phục vụ xây dựng bệnh viện Đa Khoa, 2.535 công tham gia tu sửa tỉnh lộ 336).

Từ những kết quả trên, đại bộ phận nhân dân rất tin tưởng và tích cực tham gia vào hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 90% tổng số hộ. Lúc này hợp tác xã bao cấp mọi hoạt động sản xuất và chi phối đời sống của xã viên, đảm nhận toàn bộ các khâu từ làm đất đến phân, giống, phòng trừ sâu bệnh. Hộ xã viên chỉ nhận một phần diện tích đất ruộng chăm sóc, nộp sản lượng cho hợp tác xã theo định mức và được chia sản phẩm theo công điểm.

Hợp tác xã Nông nghiệp II cũng thực quá trình thành lập đúng trình tự như đối với Hợp tác xã Nông nghiệp I. Tuy nhiên, việc thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp II có nhiều thuận lợi và nhanh hơn, vì chỉ phải chuyển đổi mô hình hoạt động từ Tập đoàn I. Đầu năm 1985, toàn huyện Tánh Linh có 44 đơn vị kinh tế tập thể, gồm 17 tập đoàn và 27 hợp tác xã, thì Tập đoàn I xã Đức Phú được đánh giá là 1 trong 3 tập đoàn làm ăn tập thể khá nhất huyện⁽¹⁾.

(1) Theo Huyện Tánh Linh 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2000), tập II, 2007, tr.102.

Ban vận động xây dựng Hợp tác xã Nông nghiệp II do ông Nguyễn Văn Được làm Trưởng ban và tiến hành Đại hội thành lập vào ngày 17/3/1985. Đại hội đã thông qua phương hướng nhiệm kỳ 1985 – 1986, nội quy hợp tác xã, kết nạp xã viên và bầu ra Ban quản lý gồm: ông Nguyễn Văn Được làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Văn Hà làm Phó Chủ nhiệm, ông Nguyễn Vĩnh Thọ, ông Lê Văn Châu, ông Hà Văn Sáu; Ban Kiểm soát gồm ông Mai Phú làm Trưởng ban, ông Lê Văn Dũng và ông Trần Tú làm thành viên; Ban Tài vụ gồm ông Lê Thành Nhật làm Kế toán trưởng, ông Trương Văn Trung và ông Hứa Tấn Đạt làm Kế toán viên. Bộ phận giúp việc gồm ông Võ Văn Bán phụ trách kế hoạch, ông Nguyễn Tuyển Văn, ông Văn Công Dũng làm cung ứng vật tư, ông Nguyễn Hát làm văn thư, ông Lê Tuân làm bảo vệ.

Phạm vi địa bàn của Hợp tác xã Nông nghiệp II được xác định từ suối ông Đề lên đến giáp xã Mê Pu, tổng diện tích là 395 ha, trong đó có 275 ha rừng, 95 ha trồng hoa màu, 25 ha trồng lúa. Dân số gồm 407 hộ với 2.043 khẩu, trong đó có 866 lao động. Tất cả được phân chia thành 8 đội sản xuất và 6 đội hành nghề (thủ nông 12 lao động, gạch ngói 15 lao động, xay xát 2 lao động, cửa 8 lao động, mộc 5 lao động, bảo vệ thực vật 8 lao động).

Vì Hợp tác xã Nông nghiệp II có tiền thân là Tập đoàn I, một đơn vị kinh tế tập thể làm ăn khá, đội ngũ cán bộ hoạt động tốt, cơ sở vật chất tạm ổn, có quỹ tích lũy... nên ban đầu đã có trên 95% hộ dân tham gia xây dựng hợp tác xã. Sau một năm thực hiện kế hoạch, hợp tác xã tiếp tục củng cố xây dựng cơ sở vật chất, quy hoạch và tăng cường ổn định khu dân cư, mở mang phát triển các ngành nghề... Tổng sản lượng lương thực cuối năm đạt 1.820 tấn. Hợp tác xã đã kế thừa và phát huy được những lợi thế của Tập đoàn I trước đây, tiếp tục giữ vững truyền thống là một trong những đơn vị làm ăn tập thể khá nhất của huyện.

Nhìn chung, quá trình chuyển đổi từ tập đoàn sản xuất sang hợp tác xã ở Đức Phú diễn ra tương đối thuận lợi. Nguyên nhân, một phần do 100% đồng bào đều đi kinh tế mới, đời sống chưa thật sự ổn định, của cải tích lũy ít... Nhưng yếu tố quyết định vẫn là sự lãnh đạo đúng đắn của Chi bộ và sự điều hành quản lý hiệu quả của chính quyền xã, cùng sự quan tâm giúp đỡ của cấp trên trong việc thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tạo sự đồng thuận cao của nhân dân trước chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Ngoài 02 hợp tác xã nông nghiệp nêu trên, Đức Phú còn có Hợp tác xã Mua bán, đã được thành lập từ

năm 1982. Hàng năm, Hợp tác xã Mua bán đều thực hiện tốt kế hoạch phân phối, kinh doanh có lãi, đồng thời thực hiện tốt khâu làm đại lý thu mua nông sản cho công ty lương thực và công ty vật tư nông sản ở cấp trên.

Sau khi xây dựng thành công 2 hợp tác xã nông nghiệp, gắn với thực hiện tốt Chỉ thị 100 ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IV về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp, đã tạo ra không khí hồ hởi ở nông thôn và tạo bước phát triển mới về nông nghiệp. Trên 90% hộ gia đình tích cực tham gia vào làm ăn tập thể, đời sống nhân dân tương đối ổn định, tự túc đủ lương thực và đóng góp một phần cho Nhà nước. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vững chắc. Tuyến đường từ Đức Phú về trung tâm huyện được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tạo thuận lợi cho giao thông và các hoạt động của nhân dân. Đồng bào thật sự chí thú vào con đường an cư lạc nghiệp, không còn tư tưởng bỏ vùng như những năm trước.

Như vậy, ngày 1/7/1981, xã Đức Phú được thành lập trên cơ sở 3 điểm kinh tế mới, đánh dấu bước trưởng thành tương đối toàn diện trên các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội... của đồng bào đi kinh tế

mới về đây. Sau khi huyện Tánh Linh được tái lập, tập đoàn III đã tách ra khỏi xã Đức Phú để gia nhập vào xã Nghị Đức. Nhưng đặc biệt, đến ngày 25/12/1983, Đức Phú lại được bổ sung 540 người đến từ xã Ngư Hóa, trong đó có 42 đảng viên. Qua đó, hệ thống chính trị của xã cũng được củng cố và kiện toàn, tăng thêm sức mạnh. Trên cơ sở còn lại tập đoàn I và tập đoàn II, cùng với xã viên hợp tác xã Ngư Hóa vừa chuyển đến, Đức Phú bắt tay vào xây dựng 2 hợp tác xã nông nghiệp và 1 hợp tác xã mua bán, đồng thời từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu ở địa phương. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào tuy vẫn chưa hết khó khăn thiếu thốn nhưng đã dần dần ổn định vững chắc, từng bước hiện thực hóa quyết tâm kiến thiết Đức Phú là quê hương thứ hai ngày càng khởi sắc.

Chương IV

ĐỨC PHÚ NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI

(1986 – 1990)

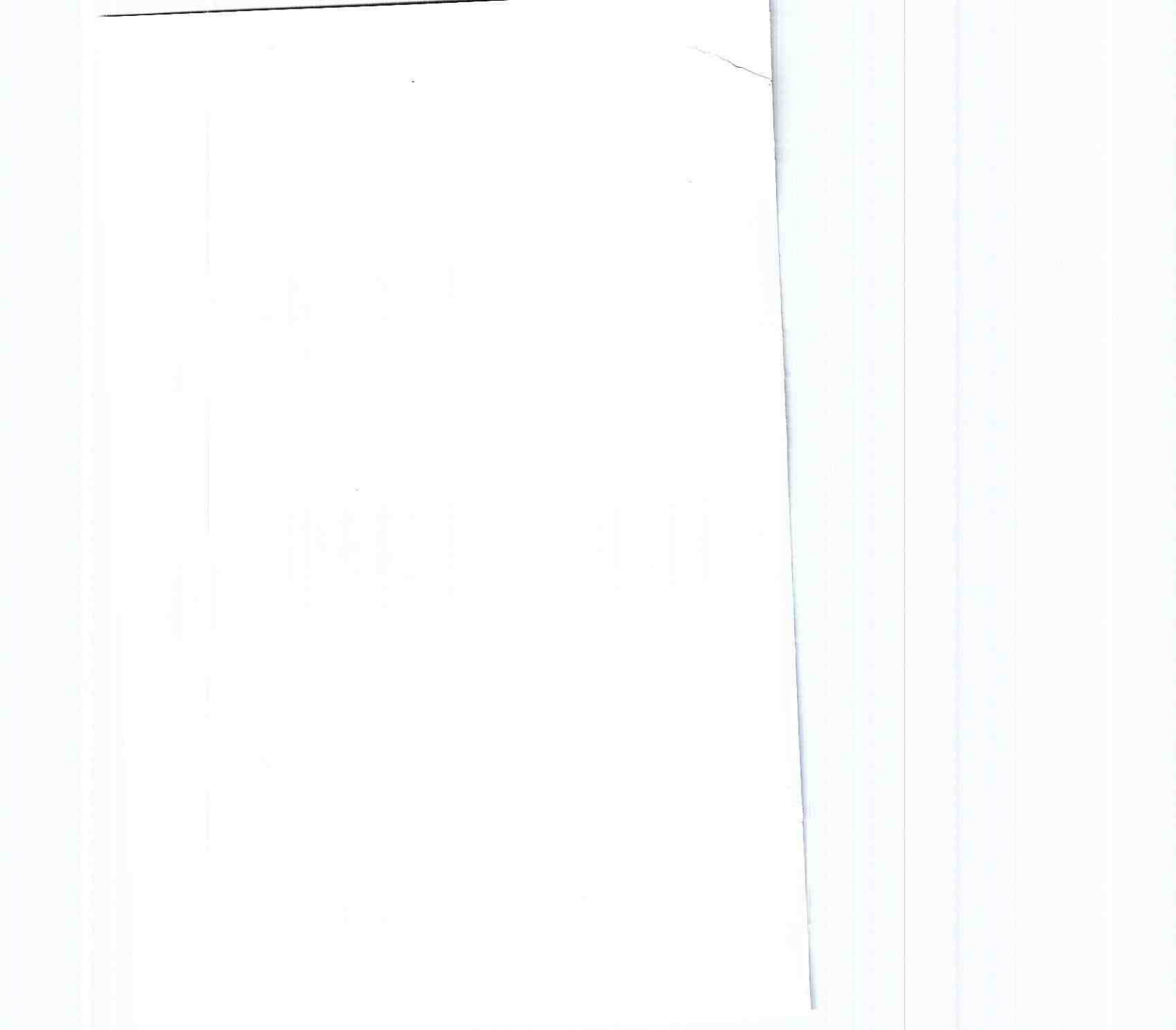
1. Đức Phú dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng:

Đại hội VI (15 – 18/12/1986) là sự kiện trọng đại của Đảng và của toàn thể dân tộc ta, đánh dấu bước chuyển lịch sử của đất nước từ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp sang thời kỳ đổi mới. Đổi mới chính là phương án tối ưu để thoát khỏi những khó khăn, đặt nền tảng cho việc tìm ra con đường thích hợp đi lên ở Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. Những chủ trương, chính sách mới đã cởi mở, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, giải phóng các nguồn lực của xã hội, mở đường cho phát triển sản xuất, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Chủ trương đổi mới được nhân dân cả nước vui mừng đón nhận với niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh



Vườn tiêu ông Trần Khắc Dũng – thôn 1 xã Đức Phú



đạo đúng đắn của Đảng ta, với kỳ vọng tương lai tươi sáng và rộng mở thay cho tình trạng trì trệ, khép kín, bao cấp kéo dài hàng chục năm qua. Hòa chung niềm phấn khởi và tin tưởng sâu sắc đó, Chi bộ xã đã quán triệt kết quả thành công tốt đẹp của Đại hội đến toàn thể cán bộ, đảng viên trong xã, đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân qua nhiều hình thức. Khắp các khu dân cư, đồng bào ai cũng nói đến sự bắt đầu toàn diện của công cuộc đổi mới đất nước, và tất cả đều hy vọng cuộc sống của nhân dân cũng như cuộc đời của mỗi người rồi sẽ thay đổi và đổi thay, ngày càng “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”... như “Di chúc” của Bác Hồ.

Đây là thời kỳ phải tiến hành chuyển đổi toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Sự vận động không ngừng của công cuộc đổi mới đất nước nói chung và ở địa phương nói riêng, đòi hỏi phải đổi mới cả suy nghĩ và việc làm, từ tập thể đến cá nhân, từng tổ chức trong hệ thống chính trị đến mỗi hộ gia đình và mọi người. Hàng loạt những cải cách trong hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội... được triển khai thực hiện dẫn đến những biến đổi to lớn và tích cực trong đời sống nhân dân, tạo không khí phấn khởi và quyết tâm trong cộng đồng dân cư nông thôn miền núi Đức Phú đang chuyển mình cùng vận hội non sông.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, Đức Phú tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1986 – 1988), rồi Đại hội Đảng bộ huyện khóa II (nhiệm kỳ 1988 – 1991), trong đó tập trung rà soát, bổ sung lại toàn bộ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp.

Thời kỳ này, Chi bộ xã phát triển lên thành Đảng bộ. Đảng bộ xã tổ chức 2 kỳ Đại hội, tiếp tục phát huy tốt vai trò lãnh đạo và thu được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự... trong chặng đường đầu tiên thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng ở cơ sở.

2. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội:

Trong 5 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 – 1991), gắn liền với quá trình triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, cùng với cả nước, Đức Phú đã có những chuyển biến tiến bộ quan trọng.

Xã chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp và phát triển các ngành nghề ở nông thôn, từng bước đa dạng hóa các hoạt động kinh tế trên địa bàn, đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình nhằm giải phóng các nguồn lực, nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào. Trong đó chú trọng bố trí cây trồng và vật nuôi

phù hợp, quan tâm thúc đẩy cả trồng trọt lẫn chăn nuôi, xây dựng hệ thống bờ bao, bờ vùng các đập thủy lợi nhỏ, đảm bảo mùa vụ, gắn với cải tạo và mở rộng diện tích canh tác, đồng thời chuyển một số diện trồng tích hoa màu sang gieo cấy lúa nước. Các loại cây chủ lực gồm: Lúa nước, bắp, tiêu, điều.

Các Hợp tác xã Nông nghiệp, cùng với chặng đường dài thực hiện thắng lợi Chỉ thị 100 (tháng 10/1981) của Ban Bí thư về chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, nông dân Đức Phú (chiếm tuyệt đại bộ phận dân cư) lại tiếp tục phấn khởi đón nhận và thực hiện Nghị quyết 10 (ra ngày 5/4/1988, còn được gọi là "Khoán 10") của Bộ Chính trị về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp, trong đó xác định rõ vai trò của kinh tế hộ, coi hộ gia đình xã viên hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất... Các hộ xã viên hăng hái phát triển sản xuất, từng bước tự chủ và phát triển kinh tế hộ gia đình, năng suất và sản lượng gia tăng hơn trước.

Đến năm 1990, xã bắt đầu tiến hành giao khoán ruộng đất đến từng hộ dân. Ngoài ra còn có một số diện tích đất nông nghiệp để làm quỹ dự phòng. Được giao khoán làm chủ ruộng đất, làm chủ lao động, làm chủ sản xuất, làm chủ sản phẩm... nhân dân vô cùng

phấn khởi, chí thú làm ăn, đem lại năng suất và hiệu quả kinh tế cao, ngày càng có nhiều sản phẩm lương thực bán ra thị trường⁽¹⁾.

Kết quả nổi bật là, sản lượng lương thực hàng năm Hợp tác xã Nông nghiệp I đạt 664 tấn, Hợp tác xã Nông nghiệp II đạt 1.900 tấn. Mỗi năm bán trên 2 tấn đậu phộng cho Công ty cấp III xuất khẩu. Các loại cây lương thực chủ yếu là lúa, ngô, đậu các loại; các loại cây công nghiệp chủ yếu là điều 35,2 ha, tiêu 53.200 trụ, cà phê 9,4 ha, dứa 3.415 cây. Vật nuôi chủ yếu là đàn trâu - bò có 450 con, heo có 900 con. Ngoài ra còn phát triển đàn gia cầm và cá nước ngọt. Trong đó Hợp tác xã Nông nghiệp II luôn giữ vững thành tích là một trong những đơn vị kinh tế tập thể đứng hàng đầu của huyện, có tài sản cố định trị giá 1,23 triệu đồng theo thời giá năm 1988.

Đối với Hợp tác xã Mua bán, khi đang hoạt động bình thường thì một sự cố hoả hoạn đã xảy ra trong năm 1988, khiến toàn bộ tài sản và hồ sơ, chứng từ của hợp tác xã tại cửa hàng đều bị cháy hết. Trong quá trình điều tra, cơ quan có thẩm quyền đã đình chỉ công tác ban quản lý. Kết luận điều tra khẳng định nguyên nhân của vụ cháy là do nhân dân đốt rẫy, dẫn đến làm cháy cửa hàng của Hợp tác xã. Sau đó, cấp

(1) Trong những năm cuối của giai đoạn này, nước ta đã bắt đầu xuất khẩu hơn 1 triệu tấn gạo mỗi năm.

ủy và chính quyền xã đã chỉ đạo củng cố, xây dựng ban quản lý mới, do đồng chí Trần bá Hường làm Chủ nhiệm, đồng chí Đỗ Minh Thất làm Kế toán, đồng chí Trần Thị Liên và Nguyễn Thị Liễu làm nhân viên bán hàng. Hợp tác xã vừa huy động vốn cổ phần của xã viên vừa vay vốn ngân hàng để khôi phục lại toàn bộ hoạt động trước đây, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu cần thiết của nhân dân.

Đến năm 1990, khi nhà nước xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, cùng với những lý do khách quan và chủ quan khác, Hợp tác xã Mua bán của xã cũng bị giải thể. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu đi vào cuộc sống của người dân trên khắp mọi miền đất nước. Những luồng sinh khí mới đã thổi đến Đức Phú, nhân dân ngày càng tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự phát triển của quê hương mới, cùng những tiến bộ của cuộc đời mỗi người đã và đang bắt đầu từ hôm qua và hôm nay.

Đứng trước vận hội lớn của sự phát triển, xã đã hoàn chỉnh tương đối toàn diện công tác quy hoạch khu dân cư, khu sản xuất; kiện toàn mạng lưới giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, thuỷ lợi...(1) Các

(1) Làm mới đập Cầu Ghi, cầu thanh niên, đập Suối Đá đảm bảo nước tưới cho trên 40 ha đất bạc màu thành đất 1 vụ lúa.

công trình dân sự bắt đầu có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tạm bợ và bán kiên cố lên từng bước kiên cố, có kết cấu bê tông cốt thép vững chắc.

Công tác giáo dục được quan tâm thực hiện tốt hơn theo hướng vừa mở rộng trường lớp và cấp học, vừa tăng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường, từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng dạy và học, rèn luyện Đức - Trí - Thể - Mỹ cho con em đồng bào. Năm 1988, xã vẫn chỉ có chung 1 trường học cho cả cấp I và cấp II, nhưng lại không có lớp 9. Trường do cô Nguyễn Thị Hoài Lan làm Hiệu trưởng (1985 - 1988), đến thầy Nguyễn Đình Quang làm Hiệu trưởng (1988 - 1991), thầy Lương Hồng Phú làm Phó Hiệu trưởng (1985 - 1988) và cô Nguyễn Thị Hoài Lan làm Phó Hiệu trưởng (1989 - 1991). Đến năm 1990, trường cấp I - II Đức Phú đón nhận 1.130 học sinh là con em đồng bào trên địa bàn, được chia 31 lớp học, từ lớp 1 đến lớp 9, ở cấp I có 27 lớp / 985 học sinh, ở cấp II có 4 lớp / 150 học sinh. Kể từ năm 1991, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trường học có 37 người, do cô Nguyễn Thị Hoài Lan làm Quyền Hiệu trưởng kiêm Bí thư Chi bộ, thầy Quang chuyển công tác về Nghị Đức. Đối với những con em của đồng bào xã khi đi học cấp III, thì một bộ phận về trường cấp III Tánh Linh, một bộ phận chuyển đến học tại những trường lân cận của các huyện bạn. Còn bậc mầm non thì xã chưa có trường.

Đơn vị trường học đã thành lập được Chi bộ Đảng gồm 3 đảng viên, ngoài ra còn có Chi đoàn Thanh niên, Liên đội Thiếu niên và Nhi đồng. Với tinh thần trách nhiệm cao dưới mái trường xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới, mặc dù cơ sở vật chất – kỹ thuật còn hết sức thiếu thốn, song Chi bộ và Ban Giám hiệu nhà trường đã đoàn kết thống nhất trong công tác lãnh đạo, quản lý, quy tụ đội ngũ giáo viên nâng cao chất lượng chuyên môn, động viên phụ huynh cho con em đến lớp, tạo mọi điều kiện cho học sinh học tập để có vốn kiến thức và ý chí vươn lên.

Trong công tác y tế, xã đề xuất, phối hợp với cấp có thẩm quyền quan tâm xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, thầy thuốc. Hoạt động chuyên môn được duy trì tốt, song chủ yếu là vệ sinh phòng dịch, nhất là phòng chống bệnh sốt rét, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, sơ cấp cứu ban đầu cho nhân dân. Thời kỳ này xảy ra dịch sốt rét trên địa bàn Hợp tác xã II, làm tử vong 2 người. Xã chủ động phối hợp với Phòng Y tế tham gia dập tắt kịp thời, không để xảy ra thêm bệnh nhân tử vong về sau.

Hoạt động văn hóa – văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin – tuyên truyền trong giai đoạn này tuy có quan tâm định hướng phát triển song chưa có điều kiện phát huy các nguồn lực, mức độ đầu tư chưa đáng

kể; chủ yếu do các tổ chức đoàn thể phát động nhân dịp các ngày lễ, tết, sự kiện... quan trọng của đất nước, địa phương. Công ty Chiếu bóng của huyện có 3 đội chiếu phim nhựa và video cũng có kế hoạch tổ chức các đợt chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân ở cơ sở. Với những bộ phim ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tình yêu quê hương đất nước, yêu lao động, khát vọng độc lập tự do, ý chí vươn lên cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, mang đậm tính nhân văn sâu sắc, được đồng bào đón nhận nồng nhiệt, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

Công tác quốc phòng – an ninh trên địa bàn luôn được chú trọng thực hiện tốt. Trong đó thường xuyên làm tốt công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; luôn hoàn thành chỉ tiêu giao quân; phối hợp điều tra, theo dõi, quản lý đối tượng có tiền án, tiền sự; tích cực vận động quần chúng tham gia tố giác tội phạm, gắn với xây dựng lực lượng công an và dân quân tự vệ. Điều cần nhắc tới là, trong thời gian này, có toán FULRO do tên K'Long Nhào cầm đầu, hoạt động chủ yếu xung quanh khu vực giáp ranh giữa huyện Đạ Huoai (Lâm Đồng) và Tân Lâm (Thuận Hải)⁽¹⁾, mà xã Đức Phú là một địa bàn quan trọng của chúng. Lực lượng bộ đội địa phương và dân quân xã đã phối hợp thường

(1) Đến năm 1991, Thuận Hải mới chia tách thành 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận như ngày nay.

xuyên với Huyện đội để tổ chức các truy quét, đẩy lùi hoạt động của chúng ra khỏi địa bàn, không để chúng gây hại đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, đảm bảo đời sống yên bình của nhân dân⁽¹⁾. Thời kỳ này, nhân sự Xã đội lần lượt có các đồng chí Nguyễn Văn Hóa, Mai Xuân Quảng, Nguyễn Thanh Bình (chỉ huy trưởng) và các đồng chí Nguyễn Toàn, Hoàng Quốc Việt (chỉ huy phó); Công an xã có các đồng chí Nguyễn Minh Hường, Nguyễn Văn Hóa, Mai Xuân Quảng, Trần Bá Tứ (trưởng Công an) và các đồng chí Phạm Quang Chiên, Mai Phú, Nguyễn Thanh Bình, Bùi Quang Sính (phó trưởng Công an).

3. Từng bước kiện toàn và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị:

Quán triệt thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, trong đó phải xây dựng tổ chức Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ đổi mới. Chi bộ xã Đức Phú vừa tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội vừa quan tâm xây dựng, kiện toàn và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị, nhằm từng bước đưa Đức Phú từ một xã kinh tế mới sớm bắt kịp đà phát triển cùng với các địa phương khác trong huyện.

(1) Theo: Huyện Tánh Linh - 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tập II, 2007, tr.126.

Sau gần 4 năm hoạt động, Chi bộ đã phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, đồng thời làm tốt công tác phát triển đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên 48 đồng chí. Ngày 7/7/1987, Huyện ủy Tánh Linh ra Quyết định số 56 về việc thành lập Đảng bộ xã Đức Phú, chính thức ghi nhận bước phát triển cao hơn của tổ chức Đảng cấp cơ sở tại một xã kinh tế mới ở miền núi. Toàn Đảng bộ huyện Tánh Linh lúc bấy giờ chỉ có hai xã thành lập được Đảng bộ, đó là xã Lạc Tánh (nay là thị trấn Lạc Tánh) và xã Nghị Đức. Như vậy, Đức Phú tuy là xã thành lập muộn hơn cả, nhưng lại là một trong 3 xã đầu tiên của huyện thành lập được Đảng bộ. Đây là một niềm tự hào của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã nhà.

Tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tánh Linh lần thứ I, (nhiệm kỳ 1986 – 1988), diễn ra từ ngày 19 đến 24/9/1986, đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 31 đồng chí, trong đó có đồng chí Nguyễn Văn Hoa – Bí thư Chi bộ xã Đức Phú. Đối với xã Đức Phú tiến hành Đại hội Đảng bộ xã khóa I, (nhiệm kỳ 1987 – 1988), bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí⁽¹⁾, với các chức danh như sau: đồng chí Nguyễn Văn Hoa, Bí thư Đảng uỷ; đồng chí Nguyễn Minh Hương, Phó Bí thư Thường

(1) Từ nhiệm kỳ sau trở đi, sẽ đưa danh sách cấp Ủy viên vào phần ghi chú phía dưới, trừ những chức danh chủ chốt.

trực; đồng chí Nguyễn Văn Bút, Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Lê Văn Châu, Đảng ủy viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Nguyễn Văn Hóa, Đảng ủy viên, Trưởng Công an xã; đồng chí Mai Xuân Quảng, Đảng ủy viên, Xã Đội trưởng; đồng chí Trần Đức Sỹ, Đảng ủy viên, Bí thư xã Đoàn; đồng chí Trần Đức Thuận, Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ 1; đồng chí Nguyễn Chí Thức, Đảng ủy viên, Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp I.

Đảng bộ có 3 chi bộ trực thuộc, với tổng số 48 đảng viên. Chi bộ 1 gắn liền với địa bàn thôn I và lãnh đạo Hợp tác xã Nông nghiệp I, có 38 đảng viên, do đồng chí Trần Đức Thuận làm Bí thư. Chi bộ 2 gắn liền với địa bàn Thôn II và lãnh đạo Hợp tác xã Nông nghiệp II, có 06 đảng viên, do đồng chí Lê Văn Châu làm Bí thư. Chi bộ 3 lãnh đạo nhiệm vụ chính trị ở trường học, có 4 đảng viên, do đồng chí Trần Quốc Hội (Hiệu trưởng) làm Bí thư; năm học 1988 - 1989, đồng chí Trần Quốc Hội chuyển công tác, còn lại 03 đảng viên, đồng chí Nguyễn Thị Hoài Lan (Phó Hiệu trưởng) làm Bí thư.

Đại hội Đảng bộ xã khóa II, (nhiệm kỳ 1988 - 1991), tiếp tục duy trì cơ cấu nhân sự Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Minh Hường được bầu làm Bí thư, đồng chí Trần Đức Thuận được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Lê Văn

Châu được bầu làm Phó Bí thư⁽¹⁾, đồng chí Nguyễn Văn Hóa là Đảng ủy viên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã⁽²⁾. Nhiệm kỳ này Đảng bộ có tổng số 52 đảng viên, gồm 3 chi bộ trực thuộc. Chi bộ 1 gắn liền với Hợp tác xã Nông nghiệp I, có 43 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Văn Hoa làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Chí Thức làm Phó Bí thư kiêm Chủ nhiệm Hợp tác xã⁽³⁾. Chi bộ 2 gắn liền với Hợp tác xã Nông nghiệp II, có 6 đảng viên, do đồng chí Lê Văn Châu (Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ 3 gắn liền với khối trường học, có 3 đảng viên⁽⁴⁾, do đồng chí Nguyễn Thị Hoài Lan (Phó Hiệu trưởng, sau này là Quyền Hiệu trưởng) làm Bí thư Chi bộ.

Trong xây dựng chính quyền, Chi bộ đã lãnh đạo tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1986 - 1988, bầu 19 đại biểu. Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban nhân dân xã gồm 7 thành viên, do đồng chí Lê Văn Châu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Hóa

(1) Đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

(2) Các đồng chí Đảng ủy viên còn lại gồm: Nguyễn Văn Bút, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Mai Xuân Quảng, Trưởng Công an; Nguyễn Thanh Bình, Xã đội trưởng; Trần Hồng Sơn, Bí thư xã Đoàn; Mai Xuân Hậu, tham gia lãnh đạo Hợp tác xã Nông nghiệp I.

(3) Đến năm 1990, đồng chí Nguyễn Văn Hóa chuyển công tác, về làm Bí thư Chi bộ 1 thay cho đồng chí Nguyễn Văn Hoa.

(4) Giám 1 đồng chí, do đồng chí Trần Quốc Hội chuyển công tác.



Đc. LÊ VĂN CHÂU (1949)
Chủ tịch UBND (1981 - 1991)



Đc. TRẦN ĐỨC THUẬN (1953)
Phó Bí thư Đảng ủy (1988 - 2009)



Đc. NGUYỄN CHÍ THỨC (1955)
Phó Bí thư Đảng ủy (1995 - 2005)
Chủ tịch UBND (1991 - 2005)



Đc. NGUYỄN VĂN BÚT (1960)
Thường vụ Đảng ủy (1987 - 1988)
Phó Chủ tịch UBND (1987 - 1991)

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

làm Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Công an xã, đồng chí Nguyễn Văn Bút làm Phó Chủ tịch phụ trách Nông - Lâm nghiệp, đồng chí Trần Hữu Trung làm Ủy viên Thư ký.

Đến những năm 1988 - 1989, Hội đồng nhân dân xã vẫn giữ số lượng 19 đại biểu và Ủy ban nhân dân xã vẫn cơ cấu 7 thành viên. Ủy ban nhân dân xã do đồng chí Lê Văn Châu được tái cử làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Bút làm Phó Chủ tịch, đồng chí Trần Hữu Trung tiếp tục làm Ủy viên Thư ký. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân xã chưa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định, để xảy ra tình hình phức tạp về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn⁽¹⁾. Do đó, một số đồng chí cán bộ chủ chốt khối chính quyền xã bị kỷ luật, có đồng chí bị cách chức. Kể từ năm 1990, đồng chí Nguyễn Chí Thức được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, các đồng chí Nguyễn Văn Được và Trần Hữu Trung làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Mặt trận và các đoàn thể trong giai đoạn 1986 - 1991, nhìn chung, có nhiều chuyển biến tích cực.

(1) Do một số đồng bào theo đạo Thiên Chúa tự ý xây dựng nhà nguyện trái pháp luật, làm nảy sinh tình hình phức tạp, ảnh hưởng không tốt đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Đảng bộ luôn quán triệt thực hiện tốt quan điểm công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trên cơ sở "lấy dân làm gốc", được tiến hành theo nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", đặc biệt là kể từ khi có Nghị quyết Trung ương 8B (KHóa VI, tháng 3/1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Chủ tịch Mặt trận là ông Nguyễn Văn Hóa từ 1988 - 1990. Từ năm 1990, ông Hồ Thanh Sâm làm Chủ tịch Mặt trận. Các tổ chức đoàn thể gồm Đoàn Thanh niên, lần lượt có các Bí thư là Trần Đức Sỹ, Trần Hồng Sơn, Mai Xuân Chương, về sau có Phó Bí thư Nguyễn Thành Tâm; Hội Nông dân do ông Trần Quang Luận làm Chủ tịch Hội; Hội Phụ nữ do bà Nguyễn Thị Bưởi làm Chủ tịch và bà Mai Thị Xứng làm Phó Chủ tịch. Về cơ bản, các tổ chức đoàn thể đã được cơ cấu cán bộ ổn định và đảm bảo các điều kiện cơ bản cho hoạt động, duy trì sinh hoạt, tăng cường tập hợp và phát triển đoàn viên, hội viên...

Nhiệm vụ chủ yếu của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn này là đã hoàn thành tốt công tác lãnh đạo, xây dựng 2 Hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh sản xuất, thực hiện chuyển dịch cơ cấu cây trồng và vật nuôi, tăng cường công tác giao thông và thủy lợi để mở rộng diện tích trồng lúa nước, phát triển các ngành

nghề lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội⁽¹⁾, đảm bảo nề nếp hoạt động của chính quyền và các đoàn thể, tạo chuyển biến tiến bộ toàn diện đời sống của nhân dân. Như vào thời điểm năm 1988, trong khi cả nước vẫn còn phải nhập khẩu hơn 450.000 tấn gạo, thì xã đã tự túc hoàn toàn đủ số gạo, đồng thời tham gia đóng góp cho Nhà nước và một phần phục vụ cho phân phối lưu thông trên thị trường.

Đó là những tiền đề thuận lợi, những nền tảng vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã không ngừng tự đổi mới, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Như vậy giai đoạn 1986 – 1991 đã gắn liền với bước chuyển mình lịch sử của đất nước sang thời kỳ đổi mới. Ngày 7/7/1987, Đảng bộ xã được thành lập, trở thành 1 trong 3 tổ chức cơ sở đảng của huyện có đông đảng viên⁽²⁾. Trong giai đoạn này, Đức Phú vừa

-
- (1) Ngoại trừ vụ việc xảy ra vào năm 1990 như vừa đề cập trên đây.
- (2) Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ đầu, Đảng bộ chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện ở địa phương. Năm 1990, đồng chí Nguyễn Hữu Trí (Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy) dẫn đầu đoàn công tác của Huyện ủy đến làm việc với Đức Phú, đã đánh giá: Đảng bộ xã Đức Phú tuy đông nhưng chưa mạnh. Đây là yêu cầu đặt ra, đồng thời cũng là một động lực cho Đảng bộ xã quyết tâm phấn đấu vươn lên trong những nhiệm kỳ sau.

xây dựng vừa chuyển đổi mô hình hoạt động của các hợp tác xã. Đến năm 1990, Hợp tác xã Mua bán bị giải thể. Các quan hệ sản xuất phù hợp được triển khai thực hiện góp phần giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên địa bàn, ngày càng làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện căn bản, tiến bộ rõ nét hơn.

Chương V

ĐỨC PHÚ VỮNG BƯỚC TRÊN ĐƯỜNG

ĐỔI MỚI (1991 – 2000)

1. Sát nhập thôn Tà Pứa vào xã Đức Phú:

Cuối năm 1991, tại kỳ họp thứ 10 (26/12/1991), Quốc hội khóa VIII đã thông qua nghị quyết chia tách tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận, chính thức đi vào hoạt động kể từ tháng 4/1992. Xã Đức Phú thuộc huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Đến tháng 8/1995, xã Đức Phú được mở rộng thêm một thôn, đó là thôn Tà Pứa được tách ra từ xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Tà Pứa được đồng bào dân tộc K'Ho gọi là Đạ Sròi, trước 1975 còn gọi là buôn Cây Dừa. Như đã đề cập, đây là vùng đất có không ít điểm đặc biệt so với các địa bàn khác vốn thuộc Đức Phú ngay từ ngày mới thành lập.

Điểm đặc biệt đầu tiên của Tà Pứa, đó là điều kiện tự nhiên – khí hậu, với núi rừng trùng điệp, hệ

thống thác nước và khe suối đa dạng, địa hình cao trên 1.000m so với mực nước biển, có nhóm đất nâu đỏ trên dacite (Rhodie Ferrasols). Khí hậu mát mẻ mang dáng dấp của Đà Lạt. Đây thực sự là nơi điển hình của Tánh Linh, là vùng đệm giữa trung tâm mưa lớn của Miền Đông Nam bộ và đồng bằng duyên hải Nam Trung bộ. Tất nhiên, khí hậu ở đây vẫn diễn biến theo 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Hầu hết các thác nước thiên nhiên của Đức Phú đều tập trung trên địa bàn Tà Pú.

Điểm đặc biệt thứ hai của Tà Pú, đó là nơi sinh sống của nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số K'Ho. Theo tư liệu lịch sử do đồng chí K'Gây, một đảng viên cao tuổi sinh ra và lớn lên tại đây cung cấp, thì đồng bào K'Ho đã tụ họp ở đây từ lâu đời, nhưng không rõ năm nào, vì ngày trước đồng bào không biết tính thời gian theo năm tháng như bây giờ, còn chuyện tính theo mùa rẫy cũng dần mai một. Trước 1975, đồng bào gồm trên dưới 30 người, sinh sống chủ yếu nhờ săn bắn, hái lượm; trồng trọt không nhiều, chăn nuôi cũng ít. Công cụ và phương tiện lao động hết sức thô sơ, tự tạo. Mỗi hộ làm một cái nhà sàn ở núi Pan Tùng (đồng bào kinh gọi là núi Vú), ngọn núi cao nhất quanh khu vực này. Thời ấy rừng rú rậm rạp bao quanh, cây cối um tùm, nhiều loài bò sát và muông thú dữ. Vì vậy,

các cụ cao niên giải thích rằng, làm nhà sàn là để tránh thú dữ, nhất là cọp (hổ).

Điểm đặc biệt thứ ba của Tà Pứa, đó chính là lịch sử - chính trị của nó. Nơi đây chính là khu rừng già thuộc Chiến khu Đ ngày nào. Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cùng với “rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”⁽¹⁾, một bộ phận đồng bào theo bộ đội đánh giặc và có người được kết nạp vào Đảng, bộ phận còn lại ở tại chỗ làm cơ sở cho cách mạng. Trước 1975, buôn Cây Dừa có 03 đảng viên: K’Thị Thoại, K’Gậy, K’Sáu. Sau ngày giải phóng, đồng bào được cách mạng đưa về sống gần lưu vực sông La Ngà thuộc xã Mê Pu, huyện Đức Linh ngày nay, với tổng số 55 người. Tuy nhiên, đến năm 1979, đồng bào đã quay trở lại mưu sinh nơi mảnh rừng cũ, do không thích nghi với lối sống định canh định cư ở đồng bằng. Cùng thời gian này, một số đồng bào thuộc dân tộc K’Ho ở nơi khác cũng quy tụ về đây. Lúc ấy, Tà Pứa thuộc địa phận quản lý của xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, nhưng chưa hình thành tổ chức thôn, xóm.

Đến năm 1988, tại Tà Pứa có 22 hộ / 125 khẩu, trong đó đồng bào K’Ho có 19 hộ / 117 khẩu và đồng bào Kinh có 03 hộ / 08 khẩu. Vào thời điểm này, Tà

(1) Trong tập “Việt Bắc” của nhà thơ Tố Hữu.

Pửa vừa trở thành Thôn 6 của xã Đoàn Kết, do ông K'Dũng làm Thôn trưởng kiêm Công an thôn. Toàn thôn có 04 đảng viên, thành lập Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Đoàn Kết, do đồng chí K'Gậy làm Bí thư.

Năm 1995, thực hiện quyết định của Chính phủ, Tà Pửa được sát nhập vào xã Đức Phú, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Diện tích tự nhiên là 1.043 ha. Dân số có 62 hộ / 249 khẩu, trong đó có 59 hộ / 239 khẩu đồng bào dân tộc K'Ho và 03 hộ / 10 khẩu đồng bào Kinh. Chi bộ gồm 5 đảng viên, do đồng chí Phan Nhân làm Bí thư, đồng chí K'Gậy làm Phó Bí thư. Trưởng thôn vẫn là ông K'Dũng người dân tộc K'Ho, chưa phải là đảng viên.

Ngay sau khi tiếp nhận thôn Tà Pửa, là thôn thứ 5 của Đức Phú (nên còn có tên gọi khác là Thôn 5), Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đã họp bàn, đánh giá tổng quan về đặc điểm tình hình, thực trạng, thuận lợi và khó khăn để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Trong đó đã khẳng định những tiềm năng, lợi thế về phát triển cây công nghiệp, trồng rừng và chăn nuôi của vùng đất này. Từ đó, tiến hành quy hoạch dân cư, vùng sản xuất và xây dựng dự án phát triển vùng kinh tế mới ở Tà Pửa. Đảng bộ và chính quyền xã xác định

cây Cao Su là loại cây công nghiệp chủ lực ở Tà Pú. Dự án được Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thống nhất đề xuất với tỉnh. Tháng 4/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt dự án phát triển vùng kinh tế mới Tà Pú, trong đó cho phép khai hoang một phần diện tích đất lâm nghiệp làm đất ở và đất sản xuất cho đồng bào.

Được sự cho phép của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân xã Đức Phú đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện dự án, do đồng chí Nguyễn Văn Được làm Trưởng ban. Do có chủ trương, lại được tổ chức thực hiện tốt, nhất là công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện, nên chỉ trong vòng 3 tháng, từ tháng 5 - 7/1995, dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động⁽¹⁾.

Kết quả đã mở rộng được 500 ha đất ở và đất sản xuất, tiếp nhận 103 hộ / 544 khẩu ở Thôn 1 và Thôn 2 xã Đức Phú, cùng một số hộ dân ở các xã lân cận trong huyện di cư đến Tà Pú. Như vậy, thôn Tà Pú mới được hình thành với quy mô 165 hộ / 693 khẩu,

(1) Trong quá trình khai phá, đồng bào đã phát hiện một số thùng thùng nhựa lạ có tự bao giờ, nằm hoang phế giữa rừng bấy lâu nay. Bộ phận chuyên môn của cơ quan Quân sự tỉnh kết luận đó là những thùng nhựa đựng hóa chất có chứa chất độc màu da cam do quân đội Mỹ thả xuống trong thời gian xâm lược miền Nam, đồng thời tiến hành xử lý theo quy định.

trong đó có 59 hộ / 239 khẩu đồng bào dân tộc K'Ho. Về mặt lãnh đạo, tổ chức điều hành, quản lý có: Bí thư Chi bộ thôn; thôn trưởng, thôn phó và chia thành 3 xóm, trong đó có 1 xóm đồng bào dân tộc K'Ho sinh sống.

Mặc dù có những thuận lợi về đất đai, khí hậu, song thôn Tà Pứa chưa được đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn nhiều thiếu thốn và trình độ dân trí thấp hơn so với mặt bằng chung của xã. Mặt khác, đây là thôn có sự phân bố dân cư hoàn toàn biệt lập so với các thôn còn lại trong xã, cách xa trung tâm xã, giao thông đi lại rất khó khăn, đường đèo dốc khúc khuỷu và bị ngăn cách bởi những con suối chảy xiết vào mùa mưa... Hơn nữa, đây là thôn có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, Đảng bộ và chính quyền xã nhận thức sâu sắc rằng, việc xây dựng và phát triển thôn Tà Pứa là một nhiệm vụ có ý nghĩa kinh tế, chính trị, quốc phòng – an ninh, văn hóa – xã hội... đặc biệt quan trọng ở trên địa bàn.

Sau 7 năm thành lập và thuộc xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng, kể từ năm 1995 trở đi, thôn Tà Pứa hay còn gọi là Thôn 5, đã thuộc xã Đức Phú, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận với vóc dáng mới, có quy mô dân số và diện tích tăng đáng kể.

2. Kết quả triển khai thực hiện, cụ thể hóa chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000) ở Đức Phú:

Đảng ta đánh giá, do “nước ta bước đầu vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp, đến nay vẫn là một nước nghèo và kém phát triển”, nên cùng với việc triển khai thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong vòng 10 năm đầu, Đại hội VII đã đề ra Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, với mục tiêu tổng quát là “ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI”⁽¹⁾. Đặc biệt, phải “đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước”⁽²⁾. Đáng chú ý nữa là, hai trong bảy phương hướng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 đã chỉ rõ: “Phát triển lực

(1) Đến năm 2008, Việt Nam mới chính thức thoát khỏi tình trạng kém phát triển theo tiêu chí của Liên hiệp quốc.

(2) Theo: Tư liệu văn kiện, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.

lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân”; “phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”(1).

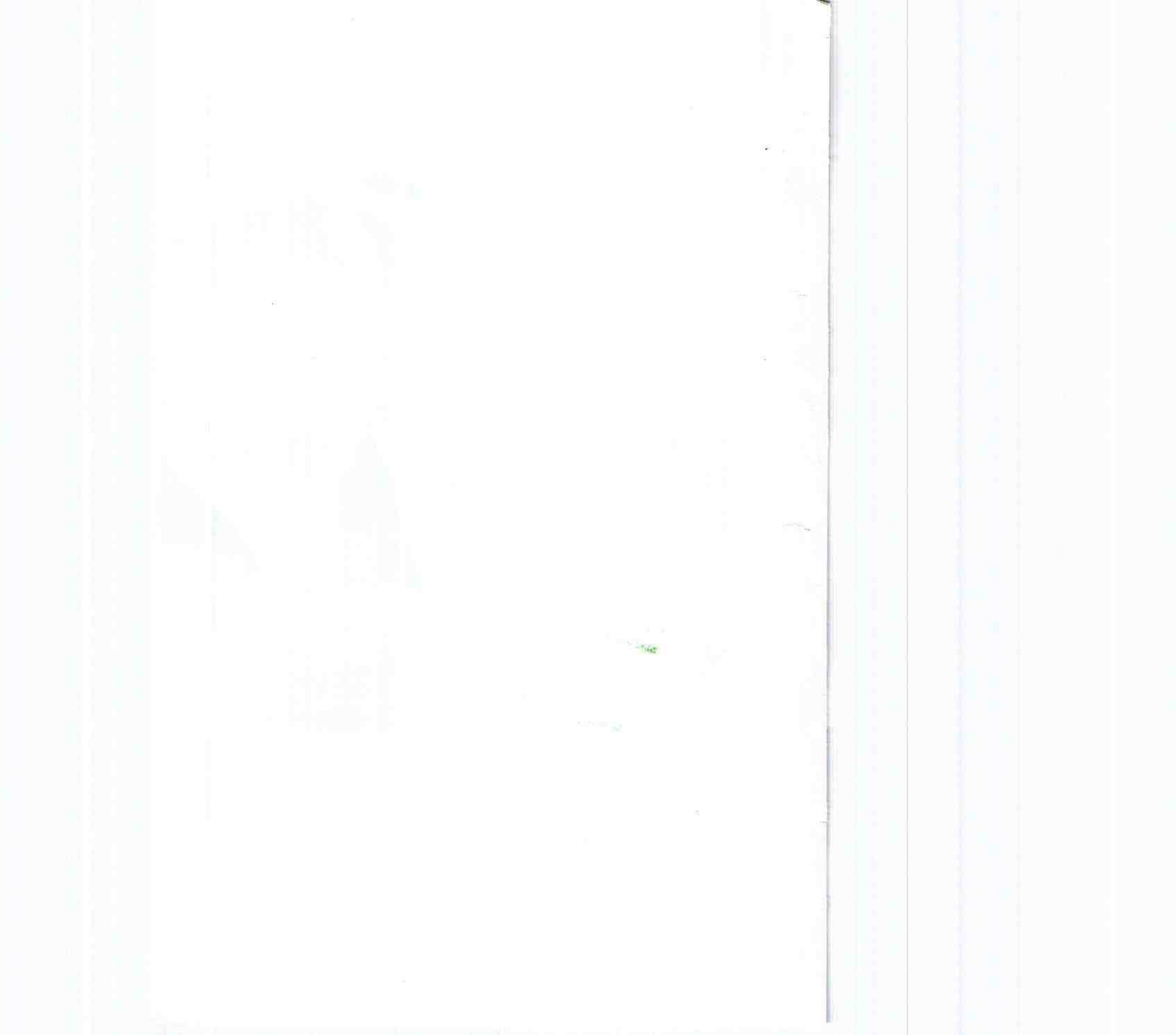
Chủ trương trên đã tiếp tục tạo nhiều thuận lợi cho nhân dân mở rộng và phát triển sản xuất trên mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp và các ngành nghề ở nông thôn. Với đặc thù của một xã kinh tế mới ở miền núi còn gặp nhiều khó khăn và hầu hết các hộ dân đều làm nông nghiệp, Đảng bộ và chính quyền xã xác định nhiệm vụ lâu dài ở địa phương là phải tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nhằm tạo dựng tiền đề để cùng nhân dân trong huyện từng bước tiến lên công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Về phát triển kinh tế - xã hội, trong những năm 1991 - 1993, Đảng bộ và chính quyền xã chủ trương tập trung củng cố và phát triển các hợp tác xã nông

(1) Văn kiện Đại hội IX của Đảng xác định: “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.



Vườn cao su KGun – thôn 5 Tà Púa xã Đức Phú



ng nghiệp I và nông nghiệp II; tiến hành đánh giá, phân bổ và sử dụng hợp lý quỹ đất canh tác; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng vừa đa dạng vừa chuyên canh; từng bước gia tăng sản lượng lương thực hàng hóa; tăng cường xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất, giáo dục, y tế, hoạt động hành chính... Trên cơ sở đó, những năm tiếp theo 1993 – 1995, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đưa cơ giới hóa vào phục vụ sản xuất, đồng thời bố trí diện tích cây công nghiệp dài ngày trên diện tích rẫy vùng ven rừng và khu vực Tà Pú, đem lại hiệu quả kinh tế cao; chăn nuôi gia súc, gia cầm ngày càng phát triển; đường, trường, trạm được xây dựng kiên cố; kéo điện lưới quốc gia về tận thôn, xóm, hộ gia đình; v.v...

Nhờ có chủ trương đường lối cụ thể, đảm bảo bám sát định hướng của cấp trên đồng thời vận dụng phù hợp vào điều kiện cụ thể của địa phương, nên trong giai đoạn 1991 – 2000, sau 10 năm phát triển liên tục, Đức Phú đã có sự chuyển biến tích cực và to lớn trên nhiều lĩnh vực.

Trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nhờ chuyển đổi thành công nhiều diện tích lúa một vụ sang hai vụ, gắn với việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, áp dụng giống mới và cải tạo thủy lợi gắn với giao thông nội đồng, nên sản lượng lương thực hàng năm tăng cao, từ 2.564

tấn năm 1991 lên 2.740 tấn năm 1992 (tăng 176 tấn so với năm 1991) và đến năm 1993 đạt 3.222 tấn (tăng 482 tấn so với năm 1992). Lương thực bình quân đầu người đạt 600 kg, cao hơn nhiều so với mức bình quân chung của huyện⁽¹⁾. Tổng thu nhập nội xã đến cuối năm 1992 đạt 3,962 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người là 362 ngàn đồng. Giá trị tài sản của hai hợp tác xã nông nghiệp đạt 770 triệu đồng, trong đó tài sản cố định chiếm gần 60%, vốn lưu động chiếm trên 40%. Tổng thu ngân sách năm 1993 đạt 80 triệu đồng.

Trong giai đoạn 1993 – 1995, đà tăng trưởng trên tiếp tục được giữ vững. Các hợp tác xã và nhân dân tiếp tục tận dụng tốt diện tích canh tác, chọn giống lúa thích hợp, đưa cây bắp lai vào thay thế cây bắp bản địa... Sản lượng lương thực năm 1994 đạt 3.500 tấn, tăng 180 tấn so với năm 1993; năm 1995 đạt 3.800 tấn, tăng 300 tấn so với năm 1994. Đặc biệt, tổng thu nhập ở địa phương đã tăng từ 3,962 tỷ đồng năm 1992 lên 7,11 tỷ đồng năm 1995, tăng gần 1,8 lần; thu nhập đầu người từ 362 ngàn đồng năm 1992 lên 1,2 triệu đồng năm 1995, tăng hơn 3,3 lần. Thời gian này, bên cạnh việc phát triển cây lương thực, địa phương đã có định hướng phát triển cây công nghiệp dài ngày để phát

(1) Theo: Huyện Tân Linh – 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 2000), thì đến năm 1995, lương thực bình quân đầu người chung trong toàn huyện mới đạt 560kg/người/năm.

huy tốt lợi thế địa hình đồi núi và thổ nhưỡng khí hậu, trong đó quan tâm phát triển cây cao su ở Tà Pú và vùng phía trong đường lộ 336. Năm 1995, xã đã trồng được 100 ha cao su, 97 ha cây điều, 20 ha cây cà phê, 15 ha cây hồ tiêu, v.v...

Ngành chăn nuôi cũng được quan tâm phát triển. Nhiều hộ gia đình đã đầu tư vốn xây dựng chuồng trại, mua con giống chất lượng cao, nhất là đầu tư chăn nuôi heo, đã làm tăng thu nhập đáng kể. Đàn trâu, bò của hộ xã viên cũng phát triển mạnh, lại được nhà nước cho vay vốn ưu đãi theo dự án 120 giải quyết cho hộ nghèo phát triển chăn nuôi bò, nên đã tháo gỡ một phần khó khăn cho nhân dân. Đến cuối năm 1995 toàn xã có 403 con trâu, bò; 2.390 con heo; hơn 18.000 con gia cầm.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đặc biệt, nhân dân Đức Phú đã cùng với nhân dân cả huyện kéo điện lưới quốc gia về sử dụng, thời gian đầu xã đã có 80%, tức trên 1.000 hộ dân được dùng điện sinh hoạt. Tính đến đầu năm 1995, toàn xã có 25 hộ giàu đạt mức thu nhập từ 20 triệu đồng một năm trở lên, chiếm tỷ lệ 2,24%; 539 hộ khá đạt mức thu nhập từ 10 - 20 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 48,3%; 460 hộ trung bình đạt mức thu nhập từ 5 - 10 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 41,22%; chỉ còn 92 hộ nghèo

có thu nhập dưới 5 triệu đồng một năm, chiếm tỷ lệ 8,24%. Trên 10% số hộ có xe máy (114 hộ) và trên 11% số hộ có ti vi (123 hộ).

Nhưng phải đến giai đoạn 1995 – 2000, thì những chuyển biến đó mới thực sự có tính mạnh mẽ và toàn diện hơn. Các hoạt động kinh tế chủ yếu đã thực sự vận hành theo nền sản xuất hàng Hóa, quan hệ sở hữu đa dạng, hộ gia đình hoàn toàn làm chủ quyền sử dụng đất cùng các tư liệu sản xuất – kinh doanh hợp pháp khác, sản phẩm dồi dào... Chính quyền thực hiện chức năng quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Các hoạt động hỗ trợ nhân dân sản xuất và kinh doanh được quan tâm thực hiện nhằm đảm bảo định hướng phát triển kinh tế gắn với thực hiện chính sách xã hội, giữ vững quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn trong cộng đồng dân cư. Tổng sản phẩm nội xã tăng trưởng bình quân 10 – 12% hàng năm, đến năm 1999 đạt 15,5 tỷ đồng.

Trong giai đoạn này, đã chuyển được diện tích lúa mùa Bàu Thành – Bàu Láng và đồng tự túc từ 1 vụ lúa lên 2 vụ lúa, cho năng suất cao. Một số diện tích trồng lúa khác nâng lên thành 3 vụ. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được quan tâm chuyển đổi phù hợp, bước đầu chủ động cân đối diện tích các loại cây lương thực, cây công nghiệp, cây hoa màu... Tổng sản lượng lương

thực đến năm 2000 đạt 5.030 tấn. Lương thực bình quân đầu người đạt 640kg/năm. Cơ cấu cây trồng lâu năm có quy mô như sau: cao su 218 ha, cây điều 165 ha, cây cà phê 100 ha, cây ăn quả 99 ha, cây hồ tiêu 61 ha; so với năm 1995, đã tăng 118 ha cao su, 99 ha cây ăn quả, 68 ha điều, 80 ha cà phê, 46 ha hồ tiêu...

Trong chăn nuôi, đàn Bò tăng từ 390 con lên 484 con, còn đàn Trâu giảm từ 473 con xuống còn 306 con (nguyên nhân do các hộ nông dân đưa máy móc vào phục vụ sản xuất thay cho sức kéo). Riêng đàn Heo tăng mạnh, nhiều hộ nông dân đã đầu tư xây dựng chuồng trại có quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Hoạt động thương mại - dịch vụ, ngành nghề ngày càng phát huy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Sau khi hợp tác xã mua bán bị giải thể vào năm 1991, các loại hình dịch vụ - thương mại trong nhân dân được khuyến khích đầu tư phát triển. Ngày càng có nhiều hộ nhân dân đầu tư mở đại lý phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất nông nghiệp; các cửa hàng tạp hóa ra đời đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân; các đại lý thu mua nông sản cũng hình thành theo quy luật của sản xuất hàng hóa; có 6 hộ mua xe tải và máy cày lớn làm dịch vụ. Bên cạnh đó, các ngành nghề sản xuất và dịch vụ kinh

doanh khác cũng có điều kiện phát triển, nhất là sản xuất đồ gỗ, xay xát... Nền kinh tế nhiều thành phần đã hình thành và chuyển biến tích cực, tạo sức bật mạnh trong nhân dân.

Những năm 1995 – 2000, trên địa bàn xã, nông dân đã từng bước đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp. Tính đến cuối nhiệm kỳ toàn xã có 8 xe ô tô phục vụ vận chuyển khách và hàng hóa nông sản, 6 xe cày, 34 máy xới, 4 máy gặt, 4 lò sấy nông sản. Trạm bơm nước Diezen gồm 10 máy nổ phục vụ tưới thường xuyên cho cánh đồng La Ngà. Khâu cày đất, thu hoạch nông sản, vận chuyển nông sản cơ bản đã tiến hành bằng máy, giảm mạnh sức kéo của gia súc và sức lao động cơ bắp của người nông dân. Hoạt động thương mại - dịch vụ thời gian này gia tăng mạnh mẽ hơn trước, các hộ gia đình kinh tế khá giả đã mạnh dạn bỏ vốn mua hàng hóa về kinh doanh buôn bán tại địa phương, đảm bảo cung ứng cho nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đồng thời tiêu thụ hàng Hóa nông sản sản xuất ra. Cơ cấu kinh tế xã hội ở địa phương đã định hình rõ nét trên 3 trụ cột chính: Nông nghiệp, thương mại – dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Đặc biệt, hạt nhân của phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn của xã trước đây là các hợp tác xã, gồm Hợp tác xã Nông nghiệp I, Hợp tác xã Nông nghiệp II và Hợp tác xã Mua bán, vốn đã

được xây dựng và phát triển từ những năm 1985 – 1986. Trong giai đoạn đầu, các hợp tác xã có vị trí và vai trò to lớn, là nhân tố quyết định trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn ở địa phương. Về sau, với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường của Đảng và Nhà nước ta, thì vị trí và vai trò của các hợp tác xã cũng giảm đi theo hướng chuyển dần sang cho các hộ xã viên làm chủ (như đã trình bày ở các phần trước), thậm chí hợp tác xã mua bán còn bị giải thể do hoạt động kém hiệu quả. Đối với 2 hợp tác xã nông nghiệp, tuy gặp những khó khăn nhất định, song vẫn phát huy được vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi và phát triển nông nghiệp trên địa bàn, tiếp tục đổi mới toàn diện mô hình và phương thức hoạt động.

Đối với Hợp tác xã Nông nghiệp I, trong giai đoạn 1993 – 1995, có 465 hộ xã viên với 2.150 khẩu, trong đó có 866 lao động; diện tích canh tác là 301 ha (165 ha ruộng lúa). Trong Ban quản lý Hợp tác xã có Chủ nhiệm Nguyễn Văn Bút, Phó Chủ nhiệm Lê Đức Thành, Trưởng ban Kiểm soát Mai Xuân Hậu⁽¹⁾ và Trưởng Ban tài vụ Trần Quang Đoàn. Hình thức sản xuất của Hợp tác xã giai đoạn này là khoán gọn, Hợp tác xã đảm bảo khâu cày đất, thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh và bảo vệ, hộ xã viên trực tiếp nhận ruộng sản

(1) Đồng chí Mai Xuân Hậu làm Chủ nhiệm từ năm 1990 đến 1992.

xuất được hưởng toàn bộ sản phẩm sản xuất ra và thanh toán lại chi phí cho Hợp tác xã vào cuối vụ sản xuất. Trong nhiệm kỳ 1992 – 1993, Hợp tác xã đã đột phá công tác quy hoạch sản xuất, Hợp tác xã đã bỏ ra gần 10 triệu đồng thuê máy ủi đường, phóng lô quy hoạch lại đường xá giao thông khu vực rẫy trong và ngoài lô gia cư, có đủ đường ngang và đường dọc phục vụ cho sản xuất và phát triển lô gia cư sau này. Sản lượng lương thực năm 1993 đạt 1.203 tấn, riêng lúa là 692 tấn. Ngoài ra, còn phát triển chăn nuôi được 157 con bò, 1.162 con heo; đồng thời phát triển mạnh các loại cây công nghiệp như điều, tiêu... Một số hộ xã viên đã đầu tư vốn làm dịch vụ sản xuất như: mua máy cày, máy xay xát, cung ứng vật tư nông nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất của nhân dân.

Trong giai đoạn 1993 – 1995, Hợp tác xã nông nghiệp I được phép kinh doanh cung ứng vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu... Tuy không bao cấp như trước đây, nhưng vẫn được nhà nước hỗ trợ về vốn và tạo điều kiện pháp nhân. Vai trò của Ban quản lý Hợp tác xã cũng không được toàn diện như trước, vì những hoạt động quản lý hành chính được giao cho Ban Hành chính thôn điều hành. Chủ nhiệm Hợp tác xã lúc này là Lê Đức Thành, Phó Chủ nhiệm Trần Trọng Quỳnh, Trưởng ban Kiểm soát Mai Xuân Hậu, Kế toán Trần Văn Hoàng, Thủ quỹ Võ Xuân Cường. Đây là

thời kỳ có sự chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế hợp tác xã theo hướng tự chủ, không bao cấp. Mặc dù ban quản lý có nhiều cố gắng, hoạt động tích cực và đã giải quyết tốt việc phục vụ cho sản xuất như cày đất, giao thông thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh... nhưng việc kinh doanh cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu và tiêu thụ sản phẩm của xã viên chưa làm được; nguồn vốn của hợp tác xã còn bị một số hộ xã viên chiếm dụng, làm cho Hợp tác xã gặp khó khăn. Điều này còn kéo dài trong suốt giai đoạn 1995 – 2000, khiến Đảng ủy và UBND xã phải họp bàn biện pháp giải quyết về sau.

Hợp tác xã Nông nghiệp II đã vươn lên mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi nhờ thích ứng và vận dụng tốt chủ trương mới của Đảng và Nhà nước ta, hoạt động rất thành công. Hợp tác xã đã đảm bảo tốt các khâu dịch vụ phục vụ sản xuất cho hộ xã viên; hiệu quả sản xuất kinh doanh luôn có lãi, trồng trọt và chăn nuôi phát triển. Đặc biệt, trong giai đoạn 1991 – 1993, Hợp tác xã Nông nghiệp II được Ủy ban nhân dân huyện đánh giá là đi đầu trong các hoạt động hợp tác xã trên địa bàn huyện. Ban quản lý Hợp tác xã thời kỳ này gồm Chủ nhiệm Nguyễn Văn Hà, Phó Chủ nhiệm Võ Văn Bán, Phó Chủ nhiệm Châu Ngọc Hương, Trưởng Ban Kiểm soát Lê Văn Châu, Trưởng Ban Tài vụ Lê Thành Nhựt. Trong giai đoạn 1993 –

1995, Hợp tác xã Nông nghiệp II⁽¹⁾ có 581 hộ với 3.146 khẩu, trong đó có 1.225 lao động, 557 ha đất canh tác, được chia làm 8 đội sản xuất; tổng sản lượng lương thực đạt 1.780 tấn. Hợp tác xã tiếp tục mở rộng và kiện toàn mạng lưới giao thông nông thôn và giao thông nội đồng; phối hợp làm tốt công tác quản lý đất đai, tài nguyên môi trường và nhân hộ khẩu; có đóng góp quan trọng vào việc xây dựng cơ sở vật chất trong thôn, trong xã; cùng với cả xã chuẩn bị các điều kiện để kéo điện lưới quốc gia về địa bàn. Hợp tác xã vẫn duy trì lá cờ đầu của huyện trong quá trình chuyển đổi; phát triển việc nuôi bò sinh sản, ứng dụng giống lúa mới, mở rộng diện tích lúa 2 vụ, thí điểm sản xuất giống lúa cho năng suất và chất lượng cao; tổ chức sản xuất, kinh doanh có lãi...

Trên lĩnh vực xây dựng cơ bản, trong những năm 1991 – 1993, đã tiến hành xây mới trường học, chung cho cả cấp I và cấp II, nay là Trường Tiểu học 1, trị giá 120 triệu đồng; xây dựng trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã trị giá 60 triệu đồng; làm 3 cột thu lôi

(1) Ban Quản lý Hợp tác xã II lúc này gồm: Nguyễn Văn Hà (Chủ nhiệm), Võ Văn Bán (Phó Chủ nhiệm), Châu Ngọc Hương (Phó chủ nhiệm), Trần Văn Lương (Ủy viên). Ban Kiểm soát gồm: Lê Văn Châu (Trưởng ban), Phan Kháng (Phó ban). Ban Tài vụ gồm: Lê Thanh Nhật (Kế toán trưởng) và các kế toán viên Trần Văn Trung, Hứa Tuấn Đạt, Hà Văn Sáu.

để chống sét trị giá 54 triệu đồng; huy động nhân dân đóng góp 4.440 công ngày công tham gia sửa chữa tuyến đường 336 đi qua địa bàn và cải tạo giao thông nông thôn... Những năm 1993 – 1995, xây mới trạm xá xã trị giá 50 triệu đồng và trang bị khá đầy đủ những trang thiết bị cơ bản phục vụ khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân; xây dựng đồng bộ hệ thống truyền thanh bao phủ toàn xã; xây dựng mới trường cấp II, gồm 5 phòng học, tách ra khỏi trường cấp I; xây thêm 2 phòng học trường cấp I; xây dựng thêm nhà làm việc Ủy ban nhân dân xã trị giá 71,5 triệu đồng. Ngoài ra, quy hoạch hoàn chỉnh hệ thống giao thông nông thôn và giao thông nội đồng phục vụ sản xuất và đảm bảo kéo điện phục vụ nhân dân, làm 2 cầu giao thông nội đồng trị giá 10 triệu đồng. Đặc biệt, trong những năm 1995 – 2000, được sự quan tâm của cấp trên và sự đóng góp tích cực của nhân dân, với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, nên lĩnh vực xây dựng cơ bản có bước chuyển biến lớn, với tổng nguồn vốn là 4,116 tỷ đồng, trong đó: Xây mới và cải tạo các tuyến đường giao thông trị giá 2,266 tỷ đồng, xây dựng công trình thủy lợi trị giá 300 triệu đồng; vốn nâng cấp trường học và trạm y tế trị giá 400 triệu đồng; xây mới 9 phòng học trị giá 350 triệu đồng; đầu tư xây dựng một số công trình dân sinh, kinh tế ở thôn Tà Pứa trị giá 1,72 tỷ đồng; mở 5km đường giao thông

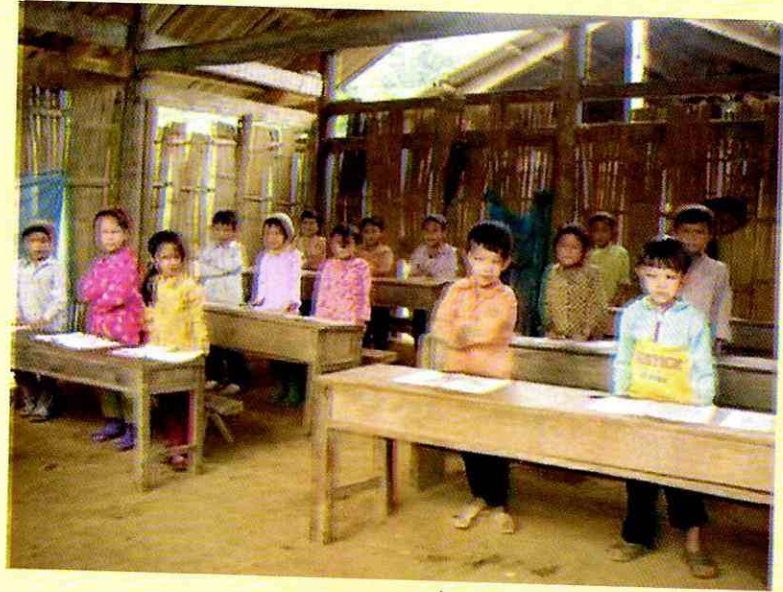
từ ngã ba B' Lao đi Tà Púa trị giá 1,5 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đáng chú ý là đã huy động nhân dân đóng góp 450 triệu đồng để kéo điện lưới quốc gia về sử dụng⁽¹⁾. Ngoài ra, còn nâng cấp và mở rộng 3,5 km đường giao thông nông thôn từ nguồn vốn ODA; kiện toàn hệ thống thủy lợi.

Sự nghiệp giáo dục luôn luôn phát triển đúng hướng và vững chắc, tỷ lệ trẻ em đến trường ngày càng cao, đội ngũ giáo viên được tăng cường; cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư cơ bản. Năm học 1992 – 1993, toàn xã có 1.458 học sinh với 38 lớp học, từ lớp 1 đến lớp 8 (chưa có lớp 9)⁽²⁾. Đến năm học 1993 – 1994, trên địa bàn xã mới có đầy đủ các lớp học phổ thông từ lớp 1 đến lớp 9 (song vẫn chỉ có 01 trường học chung cho cả cấp I và cấp II), với tổng số 37 giáo viên và nhân viên trường học, do thầy Trần Quốc Hội làm Hiệu trưởng và cô Nguyễn Thị Hoài Lan làm Phó Hiệu trưởng.

Tháng 8 năm 1994, trường cấp I – II được chia tách thành Trường Tiểu học và Trường Trung học Cơ sở. Sau khi chia tách, trường Tiểu học kế thừa cơ sở cũ, có 985 học sinh / 27 lớp, với 25 giáo viên và nhân

(1) Khi mới sử dụng điện lưới quốc gia, mỗi hộ ở bên đường 336 đóng góp 400.000 đồng, mỗi hộ còn lại đóng góp 200.000 đồng.

(2) Mẫu giáo có 5 lớp với 226 học sinh; Cấp I có 27 lớp với 1.019 học sinh; Cấp II có 6 lớp với 213 học sinh.



Một lớp học ở thôn Tà Púa

Faint, illegible text, possibly bleed-through from the reverse side of the page.

Faint, illegible text, possibly bleed-through from the reverse side of the page.

viên, do thầy Trần Quốc Hội làm Hiệu trưởng kiêm Bí thư chi bộ từ năm 1992 đến năm 1999; cô Đặng Thị Xoan làm Phó Hiệu trưởng; cô Đàm Thị Thương và Nguyễn Thị Trung Thơi làm công tác Công đoàn. Trường THCS Đức Phú có 8 lớp / 295 học sinh, với 12 giáo viên và nhân viên, do thầy Dương Đình làm Hiệu trưởng, cô Nguyễn Thị Hoài Lan làm Phó Hiệu trưởng, thầy Trần Văn Phúc làm Chủ tịch Công đoàn⁽¹⁾.

Riêng tại thôn Tà Pứa, do ở biệt lập với các vùng dân cư khác, nên ngay từ khi mới thành lập thôn, Trường Tiểu học đã tổ chức 1 lớp học (lớp 1) ngay tại thôn, nhà trường hợp đồng với cô giáo Cao Thị Lập ở xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng về dạy. Về sau, có thầy thầy Phạm Văn Thắng⁽²⁾. Còn lại, những học sinh học từ lớp 2 trở lên phải sang học ở xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng⁽³⁾.

Đến cuối năm 2000, Trường Tiểu học tách ra làm 2 trường: Tiểu học 1 và Tiểu học 2. Trường Tiểu học 1⁽⁴⁾ kế thừa trực tiếp hiện trạng cơ sở và còn lại 591

(1) Đến tháng 01/1995 thầy Phúc qua đời do bị tai nạn lao động, thầy Mai Lâm làm Chủ tịch Công đoàn.

(2) Hiện làm Phó Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Đức Phú.

(3) Gắn hơn nhiều so với về Trường Tiểu học ở trung tâm xã.

(4) Lúc này trường chưa có chi bộ Đảng vì chỉ có 2 đảng viên, sinh hoạt ghép với chi bộ trường tiểu học 2. Đến năm 2004 trường mới thành lập được chi bộ gồm 3 đảng viên.

học sinh / 19 lớp học, với 28 giáo viên và nhân viên, do thầy Nguyễn Ngọc Mẫn làm Hiệu trưởng, cô Nguyễn Thị Trung Thơi làm Phó Hiệu trưởng và thầy Nguyễn Ngọc Sơn làm Chủ tịch Công Đoàn. Đến năm 2000 có 499 học sinh / 12 lớp, 19 cán bộ công nhân viên chức, tuyển sinh đầu cấp hàng năm trên 180 em, học sinh ra trường cuối cấp hàng năm gần 100 em. Trường Tiểu học 2 có 526 học sinh / 20 lớp học, với 25 giáo viên và nhân viên, do thầy Trần Quốc Hội làm Hiệu trưởng kiêm Bí thư Chi bộ, cô Đặng Thị Xoan làm Phó Hiệu trưởng và thầy Nguyễn Tiến Hải làm Chủ tịch Công đoàn. Trường Tiểu học 2 quản lý cả phân hiệu ở thôn Tà Pứa (từ lớp 1 đến lớp 5), do thầy Trần Quang Đàn làm Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách.

Như vậy, đến năm 2000, hệ thống các trường học trên địa bàn xã đã cơ bản được kiện toàn về mặt tổ chức và hoạt động, từ bậc mẫu giáo đến bậc trung học cơ sở⁽¹⁾. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường học ngày càng tiệm cận với chuẩn chung của ngành; tỷ lệ học sinh đến lớp đúng độ tuổi hàng năm đạt bình quân 95%; chất lượng dạy và học có sự

(1) Đến bậc trung học phổ thông thì học tại Trường Trung học phổ thông Tánh Linh, nếu không thì phải đăng ký học tại các trường ở những huyện khác. Thời bấy giờ toàn huyện chỉ có 01 trường trung học phổ thông.

chuyển biến tiến bộ qua mỗi năm học; xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và xoá mù chữ... Nhìn chung, sự nghiệp giáo dục phổ thông được cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân nhận thức đúng đắn và thực hiện có hiệu quả, đem lại sự phát triển khá toàn diện trên lĩnh vực này ở địa phương, góp phần to lớn trong việc nâng cao trình độ dân trí.

Cùng với sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp y tế được quan tâm xây dựng và phát triển nhằm bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng và khám chữa bệnh tại chỗ cho nhân dân.

Những năm 1991 – 1993, Trạm Y tế xã đã khám và chữa bệnh cho 5.000 ca, trong đó điều trị tại chỗ 2.226 ca, chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên dập tắt dịch sốt rét... Kể từ năm 1993 – 2000, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh tại tuyến cơ sở cho nhân dân, Trạm Y tế xã tiếp tục đề xuất và được đầu tư xây dựng mới, bổ sung mua sắm trang thiết bị, xây dựng tủ thuốc. Đội ngũ cán bộ thầy thuốc được tăng cường về số lượng và nâng cao về chất lượng chuyên môn nghiệp vụ và trình độ chính trị, gắn với kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế thôn. Ngoài việc khám và chữa bệnh, trạm còn tổ chức tiêm phòng dịch, tẩm màn chống muỗi sốt rét, vận động nhân dân

làm tốt công tác vệ sinh môi trường và công tác kế hoạch hóa gia đình... Kết quả hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao, không để xảy ra dịch bệnh, nhất là dịch sốt rét, sốt xuất huyết và dịch tả; tham gia tuyên truyền, vận động, hướng dẫn được khoảng 80% gia đình đào giếng nước và làm 3 công trình vệ sinh phù hợp.

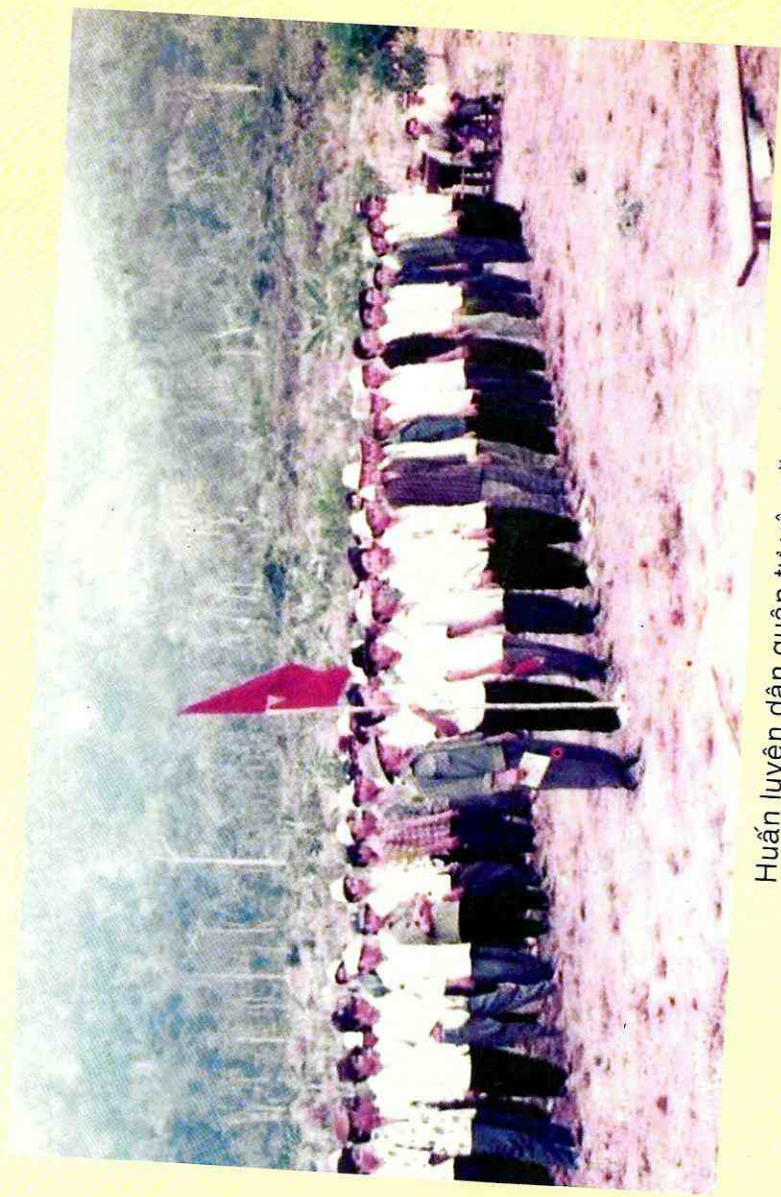
Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền và thể dục thể thao luôn được chú trọng thực hiện nhằm tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên nguồn lực đầu tư cho những hoạt động này còn khiêm tốn. Mặc dù vậy, bằng những cố gắng chung của hệ thống chính trị và phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhân dân, nên đã có nhiều chuyển biến quan trọng. Hệ thống truyền thanh toàn xã hoạt động tốt trên cơ sở nâng cấp đài truyền thanh của Hợp tác xã I, thời lượng phát thanh hàng ngày chủ yếu tập trung trong khoảng thời gian từ 4 giờ 30 đến 6 giờ 30 buổi sáng, nhằm thông tin cho nhân dân nắm bắt tình hình thời sự và kinh nghiệm ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất trước giờ đi làm. Phong trào văn hóa - văn nghệ, rèn luyện sức khỏe và thể dục thể thao được tuyên truyền và thực hiện trên từng địa bàn dân cư, gắn với tổ chức các giải thi đấu bóng chuyền, bóng đá, cờ tướng, kéo co, liên hoan văn nghệ, hội thi, hội

diễn... cấp thôn và cấp xã nhân dịp chào mừng những sự kiện chính trị - xã hội quan trọng hoặc những ngày lễ, tết, mừng Đảng, mừng xuân... Đồng thời tích cực tham gia các hội thi, hội diễn, liên hoan... do cấp huyện tổ chức.

Các vấn đề xã hội ở địa phương luôn được quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc, đem lại hiệu quả và ý nghĩa thiết thực, nhất là hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, chăm lo thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các gia đình có công với nước, các đối tượng bảo trợ xã hội... Giai đoạn 1991 - 1993, mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng xã đã ưu tiên cấp cho gia đình thương - bệnh binh và thân nhân liệt sĩ, mỗi khẩu 900 m² đất ruộng lúa loại I; vận động hiến tặng 15 sổ tiết kiệm, mỗi sổ trị giá 100.000 đồng; xây dựng 01 nhà tình thương trị giá 5 triệu đồng. Những hoạt động trên ngày càng được nhân rộng trong những năm tiếp theo, nhất là trong giai đoạn 1995 - 2000, trong điều kiện kinh tế - xã hội của xã và cả nước đang phát triển mạnh mẽ và có sự quan tâm sâu sắc hơn tới các vấn đề xã hội, với quan điểm tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong đó, có việc xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, như xây mới 01 căn nhà tình nghĩa cho một mẹ Việt Nam Anh hùng, sửa chữa 06 nhà tình nghĩa, làm mới 06 nhà tình thương cho người nghèo, v.v...

Công tác kế hoạch hóa gia đình cũng được tuyên truyền vận động và thực hiện có hiệu quả. Nhân dân đã ý thức được tầm quan trọng của công tác dân số trong phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống, nên đã chấp hành tốt. Đa số các cặp vợ chồng chỉ sinh từ 1-2 con, ít có trường hợp sinh con thứ 3. Chỉ tiêu về dân số như: Triệt sản, đặt vòng, áp dụng các biện pháp tránh thai hàng năm đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Chỉ trong những năm 1991 - 1993, đã có 119 phụ nữ đặt vòng và 55 người triệt sản, trong đó 2 nam, cùng 159 người áp dụng các biện pháp tránh thai khác.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội và công tác quân sự địa phương luôn được chú trọng thực hiện tốt. Trong những năm 1991 - 1993, diễn biến chính trị thế giới rất phức tạp, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, bọn phản động nước ngoài tập trung chống phá cách mạng Việt Nam. Ở địa phương, do đặc thù của một xã miền núi giáp ranh với các tỉnh, khu vực từng là địa bàn hoạt động của một số tàn quân FULRO, nên tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cũng có những diễn biến phức tạp, từng là mối quan tâm lo lắng thường trực của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Nhận thức được vấn đề trên, các cấp các ngành của quân sự huyện tập trung tuyên truyền vận động nhân dân đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu thủ đoạn của



Huấn luyện dân quân tự vệ, năm 1993



địch; mặt khác, đã tập trung củng cố lực lượng công an, quân sự xã đảm bảo đủ sức trấn áp tội phạm, nên đã giữ vững sự ổn định và đảm bảo sự bình yên cho đồng bào địa phương tích cực học tập, lao động sản xuất, kinh doanh, xây dựng quê hương mới. Nghĩa vụ giao quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu 100%, chính sách hậu phương quân đội được quan tâm thực hiện tốt; lực lượng dân quân tự vệ luôn duy trì đúng tỷ lệ 2,5%, hàng năm đều tổ chức huấn luyện chu đáo.

3. Không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị:

Trong giai đoạn 1991 – 2000, Đảng bộ xã trải qua 3 kỳ đại hội, gồm các khóa III – IV – V. Đại hội Đảng bộ Khóa III, nhiệm kỳ 1991 – 1993, đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ xã gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Minh Hường được tín nhiệm tái cử Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Đức Thuận được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Chí Thức được bầu vào Ủy viên Thường vụ và làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã⁽¹⁾. Trong nhiệm kỳ này, Đảng bộ có 5 Chi bộ trực thuộc, với tổng số 64 đảng viên.

(1) Các đồng chí cấp ủy viên tiếp theo gồm: Nguyễn Văn Được (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân), Hồ Thanh Sâm (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc), Mai Xuân Á (Trường Công an), Nguyễn Thanh Bình (Xã đội trưởng), Lê Văn Châu (Bí thư Chi bộ 2), Nguyễn Hồng Đậu. Kết quả này đã được Ban Thường vụ Huyện ủy ra Quyết định chuẩn y số 91, ngày 29/9/1991.

Các chi bộ trực thuộc gồm: Chi bộ Hợp tác xã I, có 33 đảng viên, đồng chí Nguyễn Văn Bút (Trưởng Ban Kiểm soát Hợp tác xã I) làm Bí thư; Chi bộ Hợp tác xã II, có 5 đảng viên, đồng chí Lê Văn Châu làm Bí thư; Chi bộ Trường học, có 4 đảng viên, đồng chí Trần Quốc Hội (Hiệu trưởng) làm Bí thư; Chi bộ công an - quân sự, có 6 đ/c đảng viên, đồng chí Mai Xuân Á (Trưởng Công an xã) làm Bí thư; Chi bộ Hưu trí, có 16 đảng viên, đồng chí Trần Quang Vinh làm Bí thư (1). Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ kết nạp được 3 đảng viên mới.

Sang khóa IV, nhiệm kỳ 1993 - 1995, Ban Chấp hành Đảng bộ xã vẫn giữ nguyên số lượng là 9 cấp ủy viên, đồng chí Nguyễn Minh Hường tiếp tục tái cử Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Đức Thuận tái cử Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Chí Thức được bầu Phó Bí thư Đảng ủy và tái cử Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (2). Các đồng chí bí thư các chi bộ trực thuộc hầu hết đều giữ nguyên như nhiệm kỳ trước. Điểm đáng chú ý là tại Thôn 1 và Thôn 2, thì đồng chí

(1) Đồng chí Trần Quang Vinh là Đại úy, bệnh binh, chuyển từ Đảng bộ Quận khu IV vào Đức Phú.

(2) Các đồng chí Đảng ủy viên khác gồm: Hồ Thanh Sâm (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc), Nguyễn Văn Hà (Chủ nhiệm Hợp tác xã I), Mai Xuân Á (Trưởng Công an), Nguyễn Thanh Bình (Xã đội trưởng), Nguyễn Văn Hoa (Bí thư Chi bộ 1 kiêm Trưởng Thôn 1) Lê Văn Châu (Bí thư Chi bộ 2 kiêm Trưởng Thôn 2).

Bí thư kiêm luôn Trưởng thôn. Riêng ở Thôn 1, sau này đồng chí Nguyễn Văn Hoa không kiêm chức vụ Trưởng thôn, chức vụ này do đồng chí Nguyễn Văn Bút đảm nhiệm. Đến tháng 8/1995 thôn Tà Púa sát nhập vào Đức Phú, hình thành thêm Chi bộ mới gồm 5 đảng viên, do đồng chí Phan Nhẫn làm Bí thư; Trưởng thôn là anh K'Dũng là người dân tộc K'Ho, chưa kết nạp Đảng. Như vậy, trong nhiệm kỳ 1993 – 1995, Đảng bộ gồm 6 chi bộ: 3 chi bộ thôn, 1 chi bộ quân sự, 1 chi bộ hưu trí, 1 chi bộ Trường Cấp I – II. Tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ là 67 đồng chí, đến cuối nhiệm kỳ phát triển thêm được 5 đảng viên mới.

Đến khóa V, nhiệm kỳ 1995 – 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ xã gồm 11 đồng chí, tăng 2 đồng chí so với nhiệm kỳ trước, bầu đồng chí Nguyễn Minh Hường tái cử Bí thư Đảng ủy nhiệm kỳ thứ 3 liên tiếp, đồng chí Nguyễn Chí Thức tái cử Phó Bí thư và tiếp tục tái cử chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ thứ 3 liên tiếp⁽¹⁾. Cơ cấu tổ chức của Đảng bộ được mở rộng và phát triển lên thành 7 chi bộ trực thuộc, rồi lên 9 chi bộ trực thuộc vào năm 1999, kết

(1) Thời gian này, chưa có quy định hạn chế về số nhiệm kỳ như hiện nay. Các đồng chí còn lại trong cấp ủy khóa V, gồm: Trần Đức Thuận (Ủy viên Thường vụ), Trần Hữu Trung, Nguyễn Văn Đuợc, Trần Xuân Lập, Trần Quang Vinh, Nguyễn Văn Bút, Lê Văn Châu, Nguyễn Văn Hà, Trần Quốc Hội.

nạp thêm được 11 đảng viên mới, tổng số đảng viên là 79 đồng chí. Các chi bộ ghép là Công an – Quân sự tách thành 2 chi bộ độc lập và chi bộ Trường Cấp I – II cũng tách thành 2 chi bộ độc lập.

Thành tựu nổi bật của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn 1991 – 2000 là đã lãnh đạo tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần cải thiện và nâng cao tương đối toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; hoàn thành tốt công tác quốc phòng – an ninh; ngày càng kiện toàn về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, về cơ bản, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Hầu hết đảng viên đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trở thành những nhân tố lãnh đạo, tiên phong, tích cực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đặc biệt, trong khóa V, nhiệm kỳ 1995 – 2000, Đảng bộ được Huyện uỷ công nhận là “Đảng bộ trong sạch vững mạnh 5 năm liền”.

Song song với công tác xây dựng Đảng là công tác xây dựng chính quyền nhân dân, trực tiếp là xây dựng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, gắn với xây dựng Ban Điều hành thôn nhằm triển khai thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn xã.

Hội đồng nhân dân xã khóa VI, nhiệm kỳ 1989 – 1994, được cơ cấu và nhân dân bầu chọn ra 19 đại biểu⁽¹⁾. Ngày 10/1/1990, Hội đồng nhân dân xã bầu ra Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ 1990 – 1994 gồm 07 thành viên, bầu đồng chí Nguyễn Chí Thức làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, bầu các đồng chí Nguyễn Văn Được và Trần Hữu Trung làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Hội đồng nhân dân xã khóa VII, nhiệm kỳ 1994 – 1999, được nhân dân bầu chọn 25 đại biểu⁽²⁾ (tăng 06 đại biểu so với nhiệm kỳ trước). Hội đồng nhân dân xã bầu ra Ủy ban nhân dân xã nhiệm kỳ VII gồm 07 thành viên, bầu đồng chí Nguyễn Chí Thức làm Chủ tịch và đồng chí Nguyễn Văn Được làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Trong những năm 1995 – 2000, trên địa bàn các thôn đã hình thành các Ban điều hành thôn, có quy định nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, với quy chế hoạt động rõ ràng. Ban điều hành thôn gồm: 1 thôn trưởng, 1 thôn phó, 1 cán bộ làm công tác Mặt trận và 1 công an thôn (công an viên). Qua hoạt động, các Ban điều hành thôn đã phát huy tích cực vai trò tham mưu, giúp

(1) Trong đó, đại biểu Nguyễn Văn Được, được bầu làm đại biểu HĐND huyện.

(2) Trong đó có đại biểu K'Dung là đồng bào dân tộc K'Ho ở Tà Pú.

việc cho Ủy ban nhân dân xã trong công tác quản lý đất đai, lao động, nhân khẩu, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, thực hiện các chính sách xã hội, v.v... Trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh hàng ngày trên địa bàn dân cư theo ủy quyền của UBND xã, làm tốt công tác hòa giải.

Hoạt động của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể nhân dân ngày càng được củng cố, mở rộng và phát triển, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân xã nhà, tham gia tích cực vào hoạt động xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn quốc phòng - an ninh, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong tiến trình xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã khóa IV (1991 - 1995) bầu đồng chí Hồ Thanh Sâm⁽¹⁾, Đảng ủy viên, làm Chủ tịch; đồng chí Trần Đức Sỹ làm Phó Chủ tịch; sang khóa V (1995 - 2000), bầu đồng chí Lê Văn Châu⁽²⁾ làm Chủ tịch. Trong giai đoạn 1991 - 2000, Mặt trận đã chủ trì và chủ động tham gia thực hiện tốt các chương trình hành động cách mạng lớn, như: Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, Quy chế dân chủ ở cơ sở, v.v...

(1) Nguyên Bí thư Đảng ủy xã, sau này làm Bí thư Chi bộ Hữu trí.

(2) Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Tổ chức Đoàn Thanh niên ở địa phương có từ khi thành lập xã. Trong giai đoạn 1991 – 2000, có các “thủ lĩnh”: Anh Mai Xuân Chương làm Bí thư Xã Đoàn từ năm 1991 – 1992, anh Nguyễn Thành Tâm làm Quyền Bí thư những năm 1992 – 1995, anh Trần Xuân Lập làm Bí thư những năm 1995 – 1998, anh Hồ Thanh Tuyển làm Bí thư từ năm 1998 đến năm 2004. Tổ chức Đoàn đến cuối nhiệm kỳ gồm 7 chi đoàn : 5 chi đoàn ở 5 thôn, 1 chi đoàn khối trường học và 1 chi đoàn khối quân sự. Tổng số có 285 đoàn viên. Hoạt động của đoàn thời kỳ này tương đối tốt, các chi đoàn sinh hoạt thường kỳ đầy đủ. Hàng năm, các chi đoàn có tổ chức giao lưu văn hóa - văn nghệ, lực lượng thanh niên tích cực hưởng ứng tham gia phong trào đoàn, số lượng đoàn viên các chi đoàn nông thôn hàng năm phát triển mạnh. Mỗi năm Xã đoàn giới thiệu cho Đảng bộ phát triển được 2 - 5 đảng viên mới. Đặc biệt Ban chấp hành Xã đoàn đứng ra làm chủ dự án cho đoàn viên vay vốn tín chấp tại ngân hàng, để phát triển chăn nuôi bò, tạo việc làm cho thanh niên, góp phần thiết thực vào việc giải quyết khó khăn về kinh tế hộ gia đình. Phong trào Đoàn của xã Đức Phú được Huyện Đoàn đánh giá là cơ sở vững mạnh nhiều năm liền.

Hội Nông dân xã được thành lập năm 1981, ngay sau khi thành lập xã. Đến những năm 1991 – 1995, trong 2 nhiệm kỳ liền, Ban Chấp hành Hội Nông dân

xã gồm 8 người, do ông Trần Quang Luận làm Chủ tịch và 2 Phó Chủ tịch là các ông Châu Ngọc Hương và ông Lê Đức Thành. Tổng số hội viên là 450 người, chia thành lập 2 chi hội. Về cơ bản, hoạt động chủ yếu của Hội đều gắn liền với hoạt động của 2 hợp tác xã nông nghiệp. Nhiệm kỳ 1995 - 2000, Ban Chấp hành Hội Nông dân xã có 9 người, do ông Nguyễn Văn Hoa làm Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Bút làm Phó Chủ tịch. Trong khoảng thời gian này, toàn Hội có 760 hội viên, chia thành 5 chi hội ở 5/5 thôn. Phong trào của Hội giai đoạn này hoạt động tương đối có hiệu quả, đã mở được nhiều lớp tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật vào sản xuất cho nông dân; mạnh dạn đưa cây bắp lai, cây đậu xanh vào sản xuất vụ đông xuân; chuyển diện tích lúa mùa 1 vụ thành lúa 2 vụ; vận động hội viên đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp có hiệu quả; đứng ra tín chấp vay vốn cho nông dân phát triển sản xuất, qua đó góp phần tạo được bước chuyển biến mới trong nông dân về thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh. Kết quả đã đưa lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh cây công nghiệp và chăn nuôi, đời sống của nông dân đạt được nhiều tiến bộ đáng kể.

Hội Phụ nữ xã cũng được thành lập ngay từ khi thành lập xã. Đến nhiệm kỳ 1991 - 1993 có 550 hội viên, với 8 tổ hội, do bà Mai Thị Xứng làm Chủ tịch.

Phong trào các tổ hội hoạt động tốt, hàng tháng đều có sinh hoạt tổ, nộp hội phí đầy đủ. Ngoài công tác xây dựng Hội, tổ hội còn có công tác vận động kế hoạch hóa gia đình và tổ chức vay tín chấp cho chị em nghèo để phát triển kinh tế gia đình, tham gia công tác hòa giải, thúc đẩy bình đẳng giới... Hàng năm, Hội Phụ nữ xã được tổ chức hội cấp trên xếp loại vững mạnh. Trong 2 nhiệm kỳ tiếp theo, 1993 - 1995 và 1996 - 2000, số hội viên lên đến 700 người, chia thành 10 tổ hội; bà Mai Thị Xứng tiếp tục được bầu làm Chủ tịch, bà Lê Thị Thêm được bầu làm Phó Chủ tịch. Hàng tháng, các tổ hội đều duy trì được sinh hoạt định kỳ, tuyên truyền vận động chị em chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, phổ biến khoa học - kỹ thuật cho hội viên phụ nữ phát triển sản xuất và chăn nuôi, làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình. Bên cạnh đó, Hội tiếp tục phát huy vai trò, đứng ra tín chấp vay vốn cho các chị em nghèo vay vốn phục vụ sản xuất. Các chi Hội kết hợp làm tổ vay vốn tín chấp hỗ trợ chị em sản xuất kinh doanh gắn với hoạt động phong trào Hội giúp nhau xóa đói giảm nghèo có hiệu quả. Phong trào của Hội được tổ chức hội cấp trên đánh giá là đơn vị mạnh của huyện.

Hội Cựu chiến binh xã thành lập ngày 04/11/1991, đến cuối năm 1993 có 61 hội viên, chia thành 3 chi

hội. Ban Chấp hành Lâm thời gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Hồng Đậu làm Chủ tịch và đồng chí Vũ Đào Tiên làm Phó Chủ tịch. Ngay từ khi thành lập, Hội đã phát huy tốt bản chất của bộ đội Cụ Hồ, các thành viên luôn luôn gương mẫu trong sản xuất cũng như trong cuộc sống đời thường, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng tại địa phương, xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và chính quyền nhân dân xã nhà. Nhiệm kỳ II (1993 - 1995), Ban Chấp hành của hội vẫn gồm 5 đồng chí, do đồng chí Trần Quang Vinh làm chủ tịch và đồng chí Vũ Đào Tiên làm Phó Chủ tịch; số lượng hội viên ít biến động. Đến nhiệm kỳ III (1993 - 1995) và nhiệm kỳ IV (1995 - 2000), tổ chức Hội phát triển lên thành 5 chi hội, số hội viên tăng lên thành 79 người, trong đó có 14 hội viên là đồng bào dân tộc K'Ho ở thôn Tà Pứa; Chủ tịch Hội thời kỳ này là đồng chí Nguyễn Văn Hóa, Phó Chủ tịch là đồng chí Vũ Đào Tiên. Nhìn chung, hoạt động của Hội từ khi thành lập đến năm 2000 luôn có nhiều đóng góp tích cực trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, là một trong những đơn vị vững mạnh của huyện hội.

Ngay sau khi Hội Người cao tuổi Việt Nam chính thức được thành lập ngày 10/5/1995, vào đúng dịp Quốc tế Người cao tuổi, ngày 1/10/1995, Hội Người

cao tuổi của xã được thành lập. Ban đầu, tổ chức Hội của xã có 60 hội viên, sinh hoạt tại 2 chi hội; Ban Chấp hành gồm 6 người, do ông Trần Quang Luận làm Chủ tịch Hội và ông Vũ Thanh Cường làm Phó Chủ tịch Hội. Với tinh thần “tuổi cao chí càng cao”, “tuổi cao gương sáng”, Người cao tuổi luôn là lực lượng quan trọng trong các phong trào, các cuộc vận động chính trị, văn hóa, xã hội; khuyến bảo, động viên con cháu học tập, lao động, tích cực tham gia các hoạt động thiết thực ở cơ sở. Nhân loại tôn vinh người cao tuổi, trọng lão là một truyền thống quý báu của dân tộc ta, nhân dân Đức Phú cũng luôn kính già yêu trẻ.

Hội Chữ thập đỏ xã tiến hành Đại hội lần thứ nhất năm 1993, bầu ông Ngô Xuân Trường làm chủ tịch, Ông Trương Bảy làm phó chủ tịch; Đại hội nhiệm kỳ II năm 1997 bầu ông Nguyễn Văn Hà làm Chủ tịch, ông Trương Bảy tái cử phó chủ tịch. Tổng số hội viên khi mới thành lập là 50 người, bố trí thành 6 chi Hội, trong đó có 4 chi hội thôn và 2 chi hội tôn giáo (Thiên Chúa giáo và Phật giáo). Hội đã chủ động tham gia thực hiện tốt công tác cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp nhân đạo, hiến máu nhân đạo, tham gia phòng ngừa và ứng phó với thảm họa, tuyên truyền thực hiện các giá trị nhân đạo...

Từ 1991 đến năm 2000 là giai đoạn lịch sử 10 năm, trọn một thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX, và là khoảng thời gian kéo dài gấp đôi so với các giai đoạn trước. Giai đoạn này, nhân dân Việt Nam nói chung và người dân Đức Phú nói riêng, chịu sự tác động toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng, tình cảm... trước sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô. Vì vậy, Đại hội VII của Đảng ta đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cùng Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Đức Phú luôn kiên định lập trường tư tưởng, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng các cấp, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; hệ thống trường lớp được kiện toàn ở từng cấp học; nguồn điện lưới quốc gia đã về đến Đức Phú, một biểu tượng ánh sáng của công nghiệp và văn minh kỹ thuật bắt đầu hiện diện ở nơi đây; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao đáng kể; Đảng bộ được công nhận trong sạch vững mạnh nhiều năm liền, hầu hết các tổ chức trong hệ thống chính trị đều được cấp trên đánh giá tốt; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để vững bước tiến vào thế kỷ mới.

Chương VI

ĐỨC PHÚ TRONG THẬP KỶ ĐẦU CỦA THẾ KỶ XXI

(2001 - 2010)

Bước vào thế kỷ XXI, Đức Phú đã trải qua quá trình hình thành và phát triển 25 năm. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã quán triệt sâu sắc quan điểm toàn diện và lịch sử cụ thể trong phát triển, trong đó tập trung vào 3 trụ cột: xây dựng Đảng là then chốt, phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng văn hóa làm nền tảng tinh thần xã hội.

1. Xây dựng Đảng là then chốt:

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Thấm nhuần quan điểm đó, Đảng bộ xã Đức Phú luôn chú trọng thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, gắn liền với công tác xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đúng đắn, có hiệu quả chủ trương đường lối của Đảng và chính

sách pháp luật của Nhà nước ở địa phương, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Công tác xây dựng Đảng được tập trung trên 3 mặt chủ yếu: chính trị, tư tưởng và tổ chức⁽¹⁾; đồng thời gắn với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Trong giai đoạn 2001 – 2010, Đảng bộ xã tổ chức thành công 2 kỳ đại hội. Đến năm 2010, toàn Đảng bộ có 12 chi bộ trực thuộc với 131 đảng viên, tăng 34 đảng viên so với năm 2000⁽²⁾; trong đó, có 42 đồng chí được tặng Huy hiệu 30, 40, 50, 60 năm tuổi Đảng.

Đại hội Đảng bộ xã khóa VI, nhiệm kỳ 2000 – 2005, đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: đồng chí Nguyễn Minh Hường tái cử Bí thư Đảng ủy xã nhiệm kỳ thứ 5 liên tiếp, đồng chí Trần Đức Thuận được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Chí Thức được bầu làm Phó Bí thư⁽³⁾; bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy gồm 05 đồng chí, do đồng chí Trần Đức

(1) Đến năm 2007, Đảng ta phát động Cuộc vận động đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chính thức đưa vấn đề đạo đức vào thành một mặt của công tác xây dựng đảng.

(2) Trong 10 năm (2001 – 2010), Đảng bộ đã kết nạp được 61 đảng viên mới, làm thủ tục chuyển sinh hoạt cho 27 đồng chí.

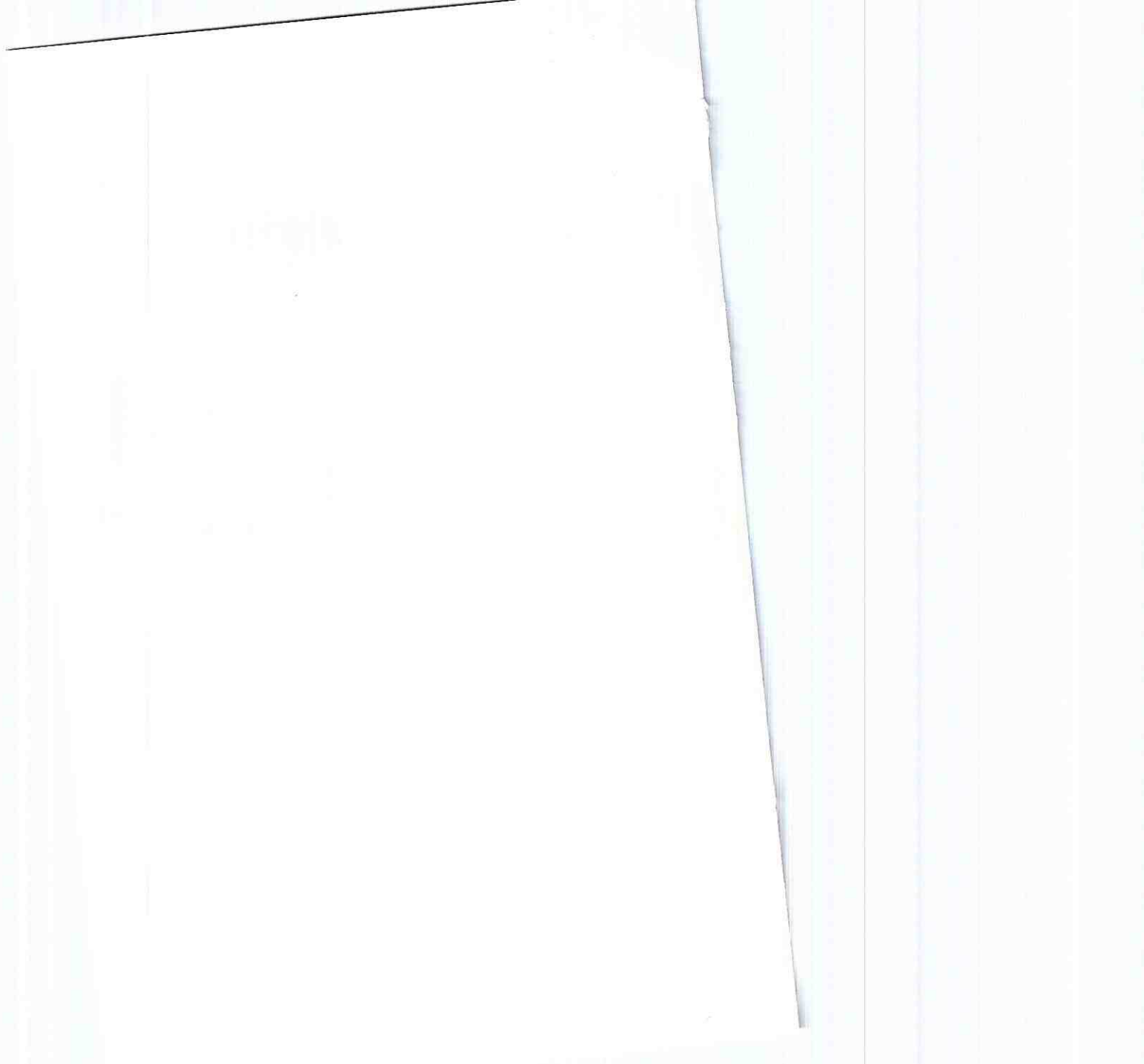
(3) Đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.



Đc. TRẦN HỮU TRUNG (1960)
Phó Bí thư Đảng ủy
(2009 đến nay)



Đc. HỒ THANH TUYỂN (1971)
Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch UBND
(2005 - 2010)



Thuận làm (kiêm) Chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Bút làm Phó Chủ nhiệm. Về tổ chức bộ máy, kể từ năm 2004, Đảng ủy xã được kiện toàn gồm các Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng. Tổng số có 06 đồng chí được biên chế và làm việc tại Đảng ủy⁽¹⁾.

Đại hội Đảng bộ xã Khóa VII (2005 – 2010) bầu ra Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí⁽²⁾. Ban Chấp hành Khóa VII bầu đồng chí Trần Quang Vinh làm Bí thư Đảng ủy xã (đương chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), đồng chí Trần Đức Thuận làm Phó Bí thư Thường trực. Đến tháng 11/2005, đồng chí Trần Quang Vinh thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã bầu đồng chí Hồ Thanh Tuyển (Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã) vào chức vụ này.

Đảng bộ xã luôn coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong 2 nhiệm kỳ qua, Đảng bộ đã cử 36 đồng chí đi học Sơ cấp lý luận chính trị, 15 đồng chí đi học Trung cấp lý luận chính trị, 60 đồng chí học bồi dưỡng đảng viên

(1) Cán bộ các ban đảng đều do các đồng chí cán bộ chủ chốt kiêm nhiệm, trừ cán bộ Văn phòng Đảng ủy.

(2) Đồng chí Nguyễn Minh Hướng nghỉ hưu, thôi không tham gia BCH kể từ khóa này.

mới, 88 đồng chí học bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng; 29 đồng chí học chuyên môn từ trung cấp trở lên⁽¹⁾; 100% cán bộ đều được bồi dưỡng về kiến thức quản lý Nhà nước và nghiệp vụ chuyên môn của ngành; 100% đại biểu HĐND được bồi dưỡng kiến thức phù hợp. Bên cạnh đó, những chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước cũng luôn được Đảng bộ chú trọng triển khai quán triệt kịp thời và đầy đủ đến các đối tượng theo quy định, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị và kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; củng cố niềm tin của quần chúng.

Đồng thời Đảng bộ xã luôn quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết; đẩy mạnh triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); tích cực triển khai thực hiện cuộc vận động đẩy mạnh Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; làm tốt công tác quản lý và phát triển đảng viên; 100% đảng viên được phân công nhiệm vụ; 100% đảng viên hành Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc đều tiến hành

(1) Trong đó có 9 đồng chí đi học đại học, 8 đồng chí đi học trung cấp nông nghiệp, 8 đồng chí đi học trung cấp pháp lý, 4 đồng chí đi học trung cấp công an / quân sự...

kiểm điểm sự lãnh đạo của tập thể nghiêm túc, đồng thời kiểm điểm, đánh giá chất lượng đảng viên theo 04 nội dung: tư tưởng chính trị; phẩm chất đạo đức, lối sống; thực hiện nhiệm vụ được giao; tổ chức, kỷ luật. Qua đó, góp phần ngăn ngừa có hiệu quả những biểu hiện vi phạm, việc làm sai, không phù hợp. Vì vậy, tỷ lệ đảng viên vi phạm tư cách hàng năm được hạn chế tối đa. Trong 10 năm (2001 - 2010), chỉ có 04 đảng viên vi phạm tư cách, bị hình thức kỷ luật cảnh cáo; mặc dù có 03 đảng viên bị xóa tên, nhưng không có đảng viên bị khai trừ.

Các chi bộ trực thuộc được củng cố và xây dựng gắn liền với địa bàn thôn, đơn vị, trường học và thành phần cán bộ hưu trí, nhằm đảm bảo hạt nhân chính trị và làm tốt công tác phát triển đảng viên trên các lĩnh vực. Đặc biệt, Đảng uỷ luôn chú ý đánh giá đúng thực trạng, phân tích rõ nguyên nhân của những ưu - khuyết điểm để đề ra biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các chi bộ trực thuộc, đổi mới sinh hoạt chi bộ, gắn với việc phát huy năng lực trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên trong công tác và tích cực tham gia giải quyết những nguyện vọng chính đáng, thiết thực của nhân dân ở địa bàn dân cư.

Kết quả đánh giá hàng năm, trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, có 70 - 91% chi bộ trực thuộc đạt trong sạch

vững mạnh, còn lại đạt khá; trên 98 – 100% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ; 71 – 87,6% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (xếp loại 1). Đảng bộ xã được Tỉnh ủy công nhận trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp tỉnh 5 năm liền (2001 – 2005).

Tiếp tục phát huy kết quả đó, trong suốt nhiệm kỳ 2005 – 2010, qua đánh giá xếp loại hàng năm, 100% đảng viên thuộc Đảng bộ xã đều đạt tiêu chuẩn đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 88,6% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ (xếp loại A), 11,4% đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (xếp loại A1); trên 80% chi bộ trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh, còn lại đạt khá, không có chi bộ trung bình hoặc yếu kém. Năm 2009, 100% chi bộ trực thuộc đạt trong sạch vững mạnh. Năm 2010, Đảng bộ xã tiếp tục được Tỉnh ủy công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp tỉnh 04 năm liền (2007 – 2010).

Một trong những điểm sáng trong công tác xây dựng Đảng, đó là vào cuối năm 2006 đầu năm 2007, Đảng ta phát động Cuộc vận động đẩy mạnh *Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, chính thức đưa vấn đề đạo đức vào thành một mặt của công tác xây dựng Đảng. Thông qua cuộc vận động này, hệ thống chính trị ở địa phương đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên và

đông đảo quần chúng nhân dân về tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, những điều cần học tập và làm theo phù hợp với mỗi tập thể, cá nhân ; thực hiện nghiêm túc các yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ và đảng viên ; kết quả đã tạo được nhiều chuyển biến tiến bộ sâu rộng trên các hoạt động, đặc biệt là về đạo đức và lối sống.

Trong công tác tổ chức và cán bộ, điểm nổi bật là, bên cạnh việc sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ đương chức, Đảng ủy còn làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận, dự nguồn, trong đó có tính đến cán bộ trẻ, cán bộ nữ và cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số, đảm bảo tính liên tục và tính kế thừa. Các tổ chức trong hệ thống chính trị được cơ cấu đủ và đúng quy định, có quy chế hoạt động và quy chế phối hợp tương ứng. Đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể xã đều đạt tiêu chuẩn quy định, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị đặt ra. Điều này luôn được cấp trên đánh giá cao.

Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1999 – 2004 có 24 đại biểu⁽¹⁾, do đồng chí Nguyễn Minh Hương làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Hà làm Phó Chủ tịch. Hội đồng nhân dân đã bầu ra Ủy ban nhân dân xã gồm

(1) Có đại biểu K'Sáu là người dân tộc K'Ho ở thôn Tà Pứa.

5 thành viên, Chủ tịch là đồng chí Nguyễn Chí Thức (đồng thời là Phó Bí thư Đảng ủy), Phó Chủ tịch là đồng chí Nguyễn Văn Được. Bộ máy chính quyền xã có đủ các chức danh theo quy định.

Trong kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân xã Đức Phú khóa IX (2004 – 2009)⁽¹⁾, tháng 4/2004, nhân dân bầu ra 29 đại biểu; bầu đồng chí Nguyễn Chí Thức làm Chủ tịch và đồng chí Trần Hữu Trung làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân bầu ra Ủy ban nhân dân gồm 5 thành viên, bầu đồng chí Trần Quang Vinh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, các đồng chí Nguyễn Văn Hà và Hồ Thanh Tuyển làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã⁽²⁾.

Công tác xây dựng tổ chức và hoạt động của chính quyền xã luôn được quan tâm thực hiện đúng theo luật định. Hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã ngày càng thiết thực, hiệu quả hơn, phát huy tốt chức năng và quyền hạn, bám sát yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương; triển khai thực hiện tốt công

(1) Sau này Quốc hội cho phép kéo dài nhiệm kỳ đến năm 2011.

(2) Như đã trình bày, đến tháng 11/2005, đồng chí Trần Quang Vinh thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và đồng chí Hồ Thanh Tuyển được bầu vào chức vụ này kể từ đó đến nay.

tác cải cách thủ tục hành chính theo yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới, nhất là trong việc thực hiện “Một cửa” và “Một cửa liên thông”; nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân...

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã có 17 thành viên và 6 đoàn thể, hội quần chúng; đồng chí Lê Văn Châu (Đảng ủy viên) làm Chủ tịch, đồng chí Trần Đức Sỹ làm Phó Chủ tịch. Tổ chức Đoàn Thanh niên xã có 10 chi đoàn trực thuộc, với 166 đoàn viên, do đồng chí Hồ Thanh Tuyển (Đảng ủy viên) làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Hòa làm Phó Bí thư; năm 2004, đồng chí Hồ Thanh Tuyển được bầu làm Phó Chủ tịch UDND xã, đồng chí Mai Duy Đức làm Bí thư, rồi đến đồng chí Hồ Văn Thuận làm Bí thư. Hội Nông dân có 05 chi hội, với 1.256 hội viên, lần lượt do đồng chí Châu Ngọc Hương và Trần Văn Hoàng làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Thắng làm Phó Chủ tịch. Hội Phụ nữ có 11 tổ hội, với 1.390 hội viên, do đồng chí Mai Thị Xứng làm Chủ tịch, rồi đồng chí Nguyễn Thị Hồng Nhung làm Chủ tịch. Hội Cựu chiến binh có 05 chi hội, với 151 hội viên, lần lượt do đồng chí Nguyễn Văn Hóa và Trần Quang Đàm làm Chủ tịch. Hội Người Cao tuổi có 409 hội viên, do ông Trần Quang Luận làm Chủ tịch, sau đó đến ông Nguyễn Văn Hóa làm Chủ tịch. Hội Chữ thập đỏ có 8 chi hội với 164 hội viên, do ông Bùi Quang Sính làm Chủ tịch từ năm

2000 – 2010. Năm 2007, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở xã thành lập chung 01 Công đoàn cơ sở khối cơ quan xã, đến nay có 39 đoàn viên⁽¹⁾.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã đều hoạt động tốt, được cấp trên đánh giá vững mạnh và xuất sắc. Trong đó, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh được tổ chức hội cấp tỉnh tặng bằng khen; Hội Nông dân có 5 hội viên được tổ chức hội trung ương tặng kỷ niệm chương; Hội Cựu chiến binh có 8 hội viên được tổ chức hội trung ương tặng kỷ niệm chương.

Tính đến năm 2010, tổng số cán bộ xã là 40 người, trong đó khối Đảng có 06 người, khối chính quyền có 22 người, khối Mặt trận và đoàn thể có 12 người. Đội ngũ cán bộ thôn có 23 người, mỗi thôn 6 người, gồm: Bí thư Chi bộ, Mặt trận thôn Trưởng thôn, 2 Phó trưởng thôn và công an viên.

2. Phát triển kinh tế là trọng tâm, đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội:

Trong 02 nhiệm kỳ đầu thế kỷ XXI, Đảng bộ xã tập trung lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông – lâm nghiệp,

(1) Các chức danh khối Mặt trận – đoàn thể chưa rõ kể từ năm 2005 đến 2010.

tăng nhanh tỷ trọng ngành tiểu thủ công nghiệp và thương mại – dịch vụ, từng bước tiến tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Một số kết quả đáng quan trọng đạt được: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 12% trong nhiệm kỳ 2001 – 2005 và 13,5% trong nhiệm kỳ 2005 – 2010. Đến năm 2010⁽¹⁾, cơ cấu kinh tế ở địa phương là Nông – Lâm nghiệp chiếm 65%, Thương mại – dịch vụ chiếm 20%, Tiểu thủ công nghiệp chiếm 15%. Năm 2005, tổng thu nhập nội xã đạt 34,9 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người được trên 4,64 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực đạt 7.894 tấn, bình quân đầu người được 1.050 kg. Đến năm 2010, tổng thu nhập nội xã đạt 75 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 9,8 triệu đồng; tổng sản lượng lương thực đạt 6.500 tấn, lương thực bình quân đầu người đạt 850 kg.

Các thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế tư nhân (hộ gia đình) và kinh tế tập thể (hợp tác xã). Thành phần kinh tế tư nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ, hầu hết tập trung trên lĩnh vực nông nghiệp hoặc liên quan đến nông nghiệp. Riêng kinh tế tập thể trì trệ hoặc chậm phát triển.

(1) Cơ cấu kinh tế đến năm 2010 ?

Về hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Đối với Hợp tác xã Nông nghiệp I, trong giai đoạn 2001 – 2010, tuy cố gắng vươn lên, song hiệu quả hoạt động ngày càng giảm, bị chiếm dụng vốn, chưa có giải pháp phát triển phù hợp; các hộ xã viên chủ yếu tập trung phát triển kinh tế hộ gia đình, ngày càng ít gắn bó lợi ích với hợp tác xã. Theo kết quả lấy ý kiến ở Hợp tác xã Nông nghiệp I, chỉ có 70 / 230 xã viên (chiếm tỷ lệ 30,43%) đồng tình gắn bó với hợp tác xã. Năm 2008, Hợp tác xã Nông nghiệp I bị giải thể.

Còn Hợp tác xã Nông nghiệp II tiếp tục vươn lên mạnh mẽ trong điều kiện mới. Sau khi Luật hợp tác xã (sửa đổi) năm 2003, Hợp tác xã Nông nghiệp II tiến hành xây dựng hợp tác xã kiểu mới. Hợp tác xã Nông nghiệp II tập trung làm dịch vụ nông nghiệp cho các hộ nông dân trên địa bàn, cung ứng giống lúa chất lượng cao đến khách hàng có nhu cầu ở cả trong và ngoài huyện, sản xuất sản phẩm điều (hạt điều) sạch, v.v... Kết quả hàng năm đều hoạt động có lãi, trở thành đơn vị kinh tế tập thể đứng đầu trong huyện và là một trong những hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả hàng đầu trong tỉnh. Trong đó, có phần đóng góp quan trọng của Chủ nhiệm Nguyễn Trường Toán.

Trên tổng thể địa bàn xã, kinh tế nông – lâm nghiệp từng bước chuyển một phần diện tích đất trồng

lúa sang các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn, gắn với mở rộng diện tích cây công nghiệp, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi; tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học – kỹ thuật và sử dụng các công cụ, phương tiện cơ giới vào sản xuất; bước đầu hình thành một số diện tích chuyên canh cây trồng như cao su, cà phê, điều, hồ tiêu; nhân rộng mô hình phát triển kinh tế trang trại nhỏ; chủ động đưa các loại cây trồng, vật nuôi cho năng suất và chất lượng cao thay thế giống cũ, trong đó chủ yếu là giống bò lai, heo nạc, dê, gia cầm các loại, cây cao su, điều cao sản, một số loại cây ăn quả, cây lấy bột, giống lúa mới, v.v... Năm 2005, đàn trâu – bò có 840 con, đàn heo có 5.500 con, đàn dê có 1.200 con⁽¹⁾, đàn gia cầm có 15.000 con. Đến năm 2010, đàn trâu – bò giảm xuống còn 302 con, đàn dê giảm xuống còn 20 con, đàn heo tăng lên 6.500 con, đàn gia cầm tăng lên 17.000 con.

Qua thực tiễn phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã cho thấy, trong giai đoạn 2001 – 2010, đã có sự phát triển vượt bậc so với giai đoạn 1991 – 2000 trên cùng lĩnh vực. Tuy nhiên, kể từ năm 2006 – 2010, tổng sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người của xã đã có xu hướng suy giảm so với năm 2005; nguyên nhân, chủ yếu do diện tích trồng cây

(1) Trong khi đến năm 2000 xã còn chưa có đàn dê.

lượng thực bị thu hẹp gắn liền với quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khác. Tương tự như vậy, ngành chăn nuôi không mấy phát triển, hơn nữa đàn gia súc có sự suy giảm mạnh (trừ đàn heo có tăng lên), trong khi đàn gia cầm tăng trưởng chậm; nguyên nhân, một phần do nhu cầu về sức kéo trong nhân dân hầu như không còn (vì đã sử dụng máy móc), một phần khác do chưa đem lại hiệu quả kinh tế đáng mong ước cho đồng bào⁽¹⁾. Nhưng nhìn bao quát hơn, sản xuất nông nghiệp ở địa phương nói chung đã có bước phát triển mới, nhất là trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi⁽²⁾. Đáng chú ý là, hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông - lâm nghiệp đã tăng lên rõ rệt nhờ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, từng bước cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Nếu như năm 2000 chỉ đạt 16 triệu đồng / ha, thì đến năm 2005 đã đạt 30 triệu đồng / ha, năm 2010 đạt 47 triệu đồng / ha. Thông qua đó, góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người, cải thiện và nâng cao chất

(1) Kể từ năm 2005 trở lại đây, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc - gia cầm diễn biến phức tạp, ngành chăn nuôi đứng trước rủi ro cao; đầu ra không ổn định.

(2) Cây cao su là một trong những cây trồng chủ lực và đột phá trên địa bàn xã (cũng như cả huyện Tân Linh); cộng với quá trình thâm canh tăng vụ, làm 02 vụ lúa 01 vụ màu, góp phần nâng cao đời sống vật chất của nhân dân.

lượng cuộc sống. Mặc dù vậy, các mô hình phát triển nông nghiệp vẫn còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế.

Công tác quản lý đất đai cơ bản đạt mục tiêu đề ra. Xã đã hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ giải thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tiến hành kiểm kê đất định kỳ hàng năm trong giai đoạn 2000 – 2005; xây dựng bản đồ quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội đến năm 2010. Tổng diện tích đã đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 100% kế hoạch. Phần diện tích đất nông nghiệp được cấp ổn định lâu dài cho hộ gia đình sử dụng; còn phần diện tích đất dự phòng và ao bàu do UBND xã quản lý, hàng năm tổ chức đấu thầu theo quy định nhằm tăng thu cho ngân sách cho địa phương.

Công tác bảo vệ và phát triển rừng ngày càng được quan tâm thực hiện tốt hơn. Xã chủ động phối hợp với Ban quản lý Rừng Phòng hộ Trị An và các trạm kiểm lâm thường xuyên tổ chức tuần tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vụ khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản trái phép và nạn phá rừng làm rẫy. Bên cạnh 1.780 ha rừng tự nhiên, trên địa bàn xã đã trồng mới thêm được 90 ha rừng, đều thuộc rừng phòng hộ La Ngà. Năm 2004, có 38 hộ / 88 lao động người đồng bào dân tộc K'Ho ở thôn Tà Pứa được hợp

đồng giao khoán 1.647,7 ha rừng, vừa góp phần quản lý tốt tài nguyên rừng vừa giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho đồng bào, đến nay vẫn phát huy hiệu quả tích cực.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở xã còn manh mún, chưa có điều kiện quy hoạch tập trung, chủ yếu là mộc, xây sát, sơ chế nông sản, v.v... nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho nhân dân. Tương tự như vậy, hoạt động thương mại - dịch vụ tuy đa dạng, có hàng trăm hộ tham gia, song còn hết sức nhỏ lẻ và mang tính tự phát, chủ yếu là kinh doanh tạp hóa, vận tải, mua bán nông sản, vật tư nông nghiệp, dịch vụ ăn uống - giải khát. Trong nhiều năm liền, cấp ủy và chính quyền xã đã đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền về quy hoạch và xây dựng chợ nông thôn, nhưng do điều kiện khó khăn chung nên vẫn chưa thành hiện thực.

Địa phương cũng có tiềm năng không nhỏ để phát triển du lịch, đặc biệt có 45% diện tích đất tự nhiên là rừng phòng hộ còn mang đậm dấu ấn của rừng nguyên sinh, với hệ thống thác nước kỳ thú, khí hậu trong lành và mát mẻ, có thôn Tà Púa tập trung đồng đồng bào dân tộc K'Ho sinh sống quần cư lâu đời, v.v... Tuy vậy, tiềm năng ấy vẫn chưa được đánh thức, chưa có điều kiện để phát huy, việc đầu tư phát triển còn bỏ ngỏ.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, tiếp tục triển khai phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, giai đoạn 2000 – 2005, đã thực hiện một khối lượng lớn, đạt giá trị trên 31,604 tỷ đồng, trong đó nhà nước đầu tư 31,175 tỷ đồng (98,64%), nhân dân đóng góp 429 triệu đồng (1,36%). Các hạng mục thi công chủ yếu gồm: Đường đèo Tà Pú, Đập Suối Chùa, Nhà làm việc và tường rào Ủy ban nhân dân xã, 6 phòng học mẫu giáo, 18 phòng học cho trường Tiểu học 1 và Tiểu học 2, 12 phòng học cho trường Trung học cơ sở, 4 tuyến đường vào khu sản xuất ở thôn Tà Pú và thôn 1, tuyến đường Bàu Láng, 1 đường dây điện 15 KV, 8 tuyến đường dây điện 04, 6 cầu trên đường 717, 2 nhà thôn, nạo vét kên mương Tà Pú, cùng một số công trình giao thông nông thôn và giao thông nội đồng khác. Đặc biệt, việc thi công tuyến đường Tà Pú là một trong những công trình trọng điểm của tỉnh hoàn thành vào năm 2003, mang ý nghĩa đột phát về giao thông miền núi và là niềm vui lớn không chỉ của Đảng bộ và nhân dân Đức Phú, mà còn của cả huyện⁽¹⁾.

(1) Tuyến đường này có nhiều đèo cao, vực sâu, quanh co uốn lượn, được ví như những cung đường lên Đà Lạt, một tuyến giao thông đường bộ có cảnh quan kỳ vĩ bậc nhất ở Tĩnh Linh. Việc xây dựng tuyến đường này, một phần là nhờ có sự quan tâm sâu sắc của đồng chí Đoàn Văn Sáu, Bí thư Huyện ủy khóa V (2000 – 2005), sau đó đồng chí chuyển công tác sang làm Trưởng Ban Dân tộc và Miền núi của tỉnh.

Giai đoạn 2006 – 2010, tổng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho xây dựng cơ bản trên địa bàn xã được trên 20 tỷ đồng, góp phần mở rộng và phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, cùng các hạng mục công trình về điện – đường – trường... Bên cạnh đó, còn huy động nhân dân đóng góp 995 triệu đồng tu sửa giao thông nông thôn và giao thông nội đồng.

Đi đôi với phát triển kinh tế, Đảng bộ và chính quyền xã luôn quan tâm triển khai thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giải quyết các vấn đề xã hội trên địa bàn. Các vấn đề xã hội cấp bách đặt ra cho xã là chính sách dân số, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và khuyến khích làm giàu hợp pháp, thực hiện bình đẳng giới, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, v.v... Hàng năm, các chỉ tiêu trên và việc đóng góp các quỹ ở địa phương đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,07% năm 2000 xuống còn 5,23% năm 2005. Trong giai đoạn 2005 – 2010, sau khi Chính phủ xác định chuẩn mới về hộ nghèo, Đức Phú đã thực hiện giảm được 10,3% trong 5 năm, giảm từ 13,4% hộ nghèo (năm 2005) xuống còn 3,1% (năm 2009), hiện xã còn 50 hộ nghèo. Bên cạnh việc đóng góp xây dựng các quỹ đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, ngày công nghĩa vụ lao

động công ích và phòng chống thiên tai, đồng bào còn tham gia đóng góp xây dựng quỹ bảo trợ trẻ em. Trong 10 năm, trên địa bàn xã đã xây mới 19 nhà tình nghĩa, trị giá 132,5 triệu đồng; xây mới và sửa chữa 96 căn nhà cho người nghèo, trị giá gần 1,13 tỷ đồng; bổ sung thủ tục giải quyết chế độ cho 9 thương binh, 4 liệt sỹ và 9 thanh niên xung phong; vận động và phối hợp với các cấp các ngành, gắn với phân công cán bộ và đảng viên xã nhận chăm sóc, giúp đỡ 16 đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn.

Đặc biệt, việc triển khai thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và của Huyện ủy về phát triển toàn diện dân sinh kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đã đem lại nhiều thay đổi to lớn, tiến bộ và khởi sắc ở thôn Tà Púá, từ đường giao thông, trường học, phân trạm y tế, đến việc xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, giao khoán bảo vệ rừng, giải quyết việc làm, cấp đất sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, v.v... Đồng thời từng bước vận động đồng bào ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, tiếp thu cái mới tiến bộ, xóa bỏ dần những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong ma chay, cưới hỏi, khám chữa bệnh, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, v.v... Điểm nổi bật là, đã giảm được tỷ lệ hộ nghèo từ 80% (năm 2005) xuống còn dưới 10% (năm 2010) ở thôn Tà Púá.

3. Phát triển văn hóa làm nền tảng tinh thần xã hội, gắn với phát triển sự nghiệp giáo dục và y tế, củng cố và xây dựng trật tự xã hội tiên bộ:

Công tác văn hóa ở địa phương tập trung thực hiện 3 nhiệm vụ chủ yếu: Xây dựng con người mới, xây dựng môi trường văn hóa tiên bộ và hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hóa trên địa bàn. Trong đó chú trọng thực hiện cuộc vận động *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*, gắn với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua đó, phát huy tinh thần tự nguyện, tự quản, tiềm năng sáng tạo và năng lực làm chủ của nhân dân; gắn mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng và năng lực quản lý của chính quyền về văn Hóa; đảm bảo tự do, dân chủ trong mọi hoạt động; mở rộng giao lưu và hợp tác đi đôi với việc chống sự xâm nhập của các loại hình văn Hóa không phù hợp, lai căng, đồi trụy, v.v...

Tỷ lệ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa hàng năm tăng nhanh, từ 68% năm 2006 lên 99% năm 2010; các cơ quan đều đạt cơ quan văn minh. Xã đã tổ chức ra mắt xây dựng 5/5 thôn văn hóa, có hương ước phù hợp. Cả 5/5 thôn đã được cấp trên công nhận và

tái công nhận là thôn văn hóa. Tháng 12/2006, xã tổ chức ra mắt xây dựng và phấn đấu đến cuối năm 2011 đạt chuẩn xã văn hóa.

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện sức khỏe ngày càng được khơi dậy mạnh mẽ, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, nhất là ở các trường học, các tổ chức đoàn thể, cụm dân cư; bước đầu hình thành một số câu lạc bộ trong các tổ chức hội quần chúng và địa bàn dân cư.

Xã có bưu điện văn hóa và hệ thống truyền thanh đồng bộ; 5/5 thôn đã xây dựng được Nhà văn hóa gắn với trụ sở thôn. Xã bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn và chính trị phù hợp làm công tác văn hóa. Hàng năm tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan, trong đó có các văn bản chỉ đạo trên lĩnh vực văn hóa, đáng chú ý là nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội...

Đồng thời hàng năm, xã đều dành một phần ngân sách xứng đáng để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa; tạo quỹ đất cho nhân dân hình thành các điểm vui chơi, câu lạc bộ; tổ chức và hỗ trợ các hoạt động văn nghệ, thể thao, hội thi, hội diễn... Thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động, với nhiều loại hình đa dạng, phong phú, gắn với giúp nhau phát triển kinh tế, phổ

biến kinh nghiệm, trao đổi thông tin, nâng cao sức khỏe... trong cộng đồng dân cư, đến với từng hộ gia đình, từng người... Qua đó, không ngừng nâng cao trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của từng hộ gia đình, củng cố niềm tin của nhân dân đối với các chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Sự nghiệp giáo dục ở địa phương phát triển nhiều mặt, trường lớp kiên cố, đội ngũ giáo viên hầu hết đều đạt và vượt chuẩn quy định, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi tăng cao. Xã đã có đầy đủ các bậc học từ mầm non đến trung học cơ sở. Năm học 2002 – 2003, Trường Tà Pứa tách ra khỏi trường Tiểu học 2 để trở thành một trường độc lập. Đến năm 2010, toàn xã có 05 trường học, trong đó có 01 trường mầm non, 02 trường tiểu học, 01 trường cấp I – II (ở Tà Pứa) và 01 trường trung học cơ sở. Song song với công tác giáo dục phổ thông, xã còn thực hiện tốt công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục đến bậc trung học cơ sở. Xã đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, và đến tháng 9/2005, được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở. Phong trào khuyến học – khuyến tài từng bước được quan tâm phát triển.



Trường Trung học cơ sở Đức Phú
xây dựng năm 2005

1875
1876
1877

1878
1879
1880

1881
1882
1883
1884
1885
1886
1887
1888
1889
1890
1891
1892
1893
1894
1895
1896
1897
1898
1899
1900

Con em đồng bào ngày càng phát huy tốt truyền thống hiếu học của dân tộc ta. Số học sinh từ lớp 1 đến lớp 9, tăng từ 1.736 em năm 2000 lên 1.934 em năm 2005. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học đạt thấp nhất là 97,4% trong năm học 2001 – 2002 và cao nhất là 100% trong năm học 2004 – 2005; ở bậc trung học cơ sở, hàng năm đều đạt từ 95% trở lên. Riêng tại thôn Tà Pứa, điểm đáng chú ý là, tỷ lệ trên hàng năm đều đạt 100%, một phần nhờ thực hiện tốt chính sách đối với học sinh đồng bào dân tộc thiểu số. Những năm 2006 – 2010, số lượng học sinh từ lớp 1 đến lớp 9 có chiều hướng suy giảm hàng năm (giảm từ 1.588 học sinh năm 2006 xuống còn 1.198 học sinh năm 2010), nhưng tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi luôn được giữ vững và tăng lên⁽¹⁾. Nguyên nhân giảm số lượng học sinh kể trên, chủ yếu do xã đã thực hiện tốt việc giảm tỷ lệ gia tăng dân số trên địa bàn những năm trước đây.

Công tác tổ chức, chính trị, tư tưởng ở các trường học được quan tâm sâu sắc. Đến năm 2010, tất cả các trường học đều được kiện toàn về Ban Giám hiệu, Chi bộ và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp.

(1) Mặc dù vậy, trong những năm gần đây, tuy chưa đến mức báo động song tỷ lệ học sinh bỏ học có chiều hướng gia tăng. Thực tế cho thấy, tình trạng này diễn ra trên phạm vi cả nước.

Các trường học triển khai thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động do ngành và địa phương phát động, như xây dựng “Trường học thân thiện – học sinh tích cực”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương tự học và sáng tạo”... Cùng với ngành giáo dục, địa phương luôn thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, “Tiếp bước cho em đến trường”, v.v...

Sự nghiệp y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực. Trên địa bàn xã, ngoài trạm y tế xã và phân trạm y tế ở thôn Tà Púa, còn có mạng lưới cộng tác viên y tế ở các thôn và các lương y gia truyền được cấp giấy chứng nhận hành nghề. Trạm y tế luôn đảm bảo chế độ trực khám và chữa bệnh cho nhân dân, gắn với đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới y tế thôn; thực hiện tốt các chương trình phòng chống dịch bệnh, phòng chống lao, phòng chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng, y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, v.v... Không để xảy ra dịch bệnh gây tử vong. Những hoạt động khác trên lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở địa phương, kết quả còn nhiều hạn chế, nhất là về chất lượng khám và chữa bệnh, tinh thần và thái độ phục vụ, công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm...

Sự phát triển liên tục và tương đối bền vững của các lĩnh vực trên đây, một phần đã phản ánh được công tác quốc phòng – an ninh luôn được cấp ủy và chính quyền triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được mục tiêu đề ra, tạo dựng trật tự xã hội ổn định và lành mạnh cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Xã là địa bàn xa trung tâm huyện lỵ, lại giáp ranh nhiều khu vực cả đông dân cư lẫn địa bàn rừng núi hiểm trở, nên tình hình không kém phức tạp. Vì vậy, Đảng ủy xã quán triệt quan điểm xây dựng tốt nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và công an viên, gắn với xây dựng mạng lưới an ninh chính trị ở địa bàn dân cư và lực lượng quần chúng cốt cán ở thôn, xóm; luôn cảnh giác những hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm gây chia rẽ khối đại đoàn kết và làm rối loạn trật tự cộng đồng. Công tác giao quân, công tác huấn luyện hàng năm đều đảm bảo mục tiêu đề ra. Xã luôn giữ vững lá cờ đầu trong Phong trào Thi đua Quyết thắng của huyện⁽¹⁾. Các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, phong trào 3 giảm, phòng chống và tố giác tội phạm... được

(1) Ban Chỉ huy Quân sự xã được tặng nhiều Bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Trần Quang Vinh (chỉ huy trưởng) đạt giải nhất Hội thi Chỉ huy trưởng Quân sự của huyện và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua của lực lượng vũ trang tỉnh.

đông đảo nhân dân hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả, góp phần làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực phản cách mạng, giữ gìn sự bình yên cho mỗi gia đình, xóm, thôn và trong toàn xã. Đặc biệt, trong những năm 1999 – 2003, Đức Phú được Bộ Công an tặng Bằng khen 5 năm liền trong thực hiện Phong trào Quân chúng Bảo vệ An ninh Tổ quốc. Kể từ năm 2007, Đức Phú còn là xã miền núi đầu tiên trong tỉnh xây dựng mô hình “Ánh sáng an ninh”, khi màn đêm buông xuống, khắp các con đường trong khu dân cư đều được thắp sáng bằng bóng đèn com-pắc. Mô hình này, đến nay đã được một số địa phương trong huyện, tỉnh học tập và làm theo. Nhân sự chủ chốt trên lĩnh vực này lần lượt gồm có các đồng chí Trần Quang Vinh, Nguyễn Văn Hòa, Hồ Thanh Đoàn (Chỉ huy trưởng Quân sự xã) và đồng chí Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Toàn, Nguyễn Văn Thắng (Phó chỉ huy trưởng Quân sự xã); các đồng chí Trần Hữu Trung, Lê Văn Thiết (Trưởng Công an) và các đồng chí Phan Đình Thi, Ngô Thanh Hoàng, Nguyễn Văn Bút, Nguyễn Hải Hợp, Nguyễn Văn Lợi (Phó trưởng Công an).

Từ năm 2001 đến năm 2010 là một trong những giai đoạn có vị trí đặc biệt quan trọng đối với Đức Phú, cả về cột mốc thời gian cũng như ý nghĩa chính trị - xã hội của nó. Đây là giai đoạn đánh dấu Đức Phú, tuy là

xã có người đến lập nghiệp muộn nhất so với các xã khác trong huyện, nhưng đã trưởng thành toàn diện, phát triển kịp so với mặt bằng chung của các xã trên hầu hết mọi lĩnh vực. Hơn nữa, Đức Phú còn là địa phương đi đầu trong một số hoạt động, một số phong trào ở cấp cơ sở. Kinh tế tăng trưởng bình quân 12 - 13% mỗi năm. Hệ thống chính trị vững mạnh. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định vững chắc. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân ngày càng phát triển.

CHƯƠNG KẾT LUẬN

1. Đức Phú 35 năm hình thành và phát triển:

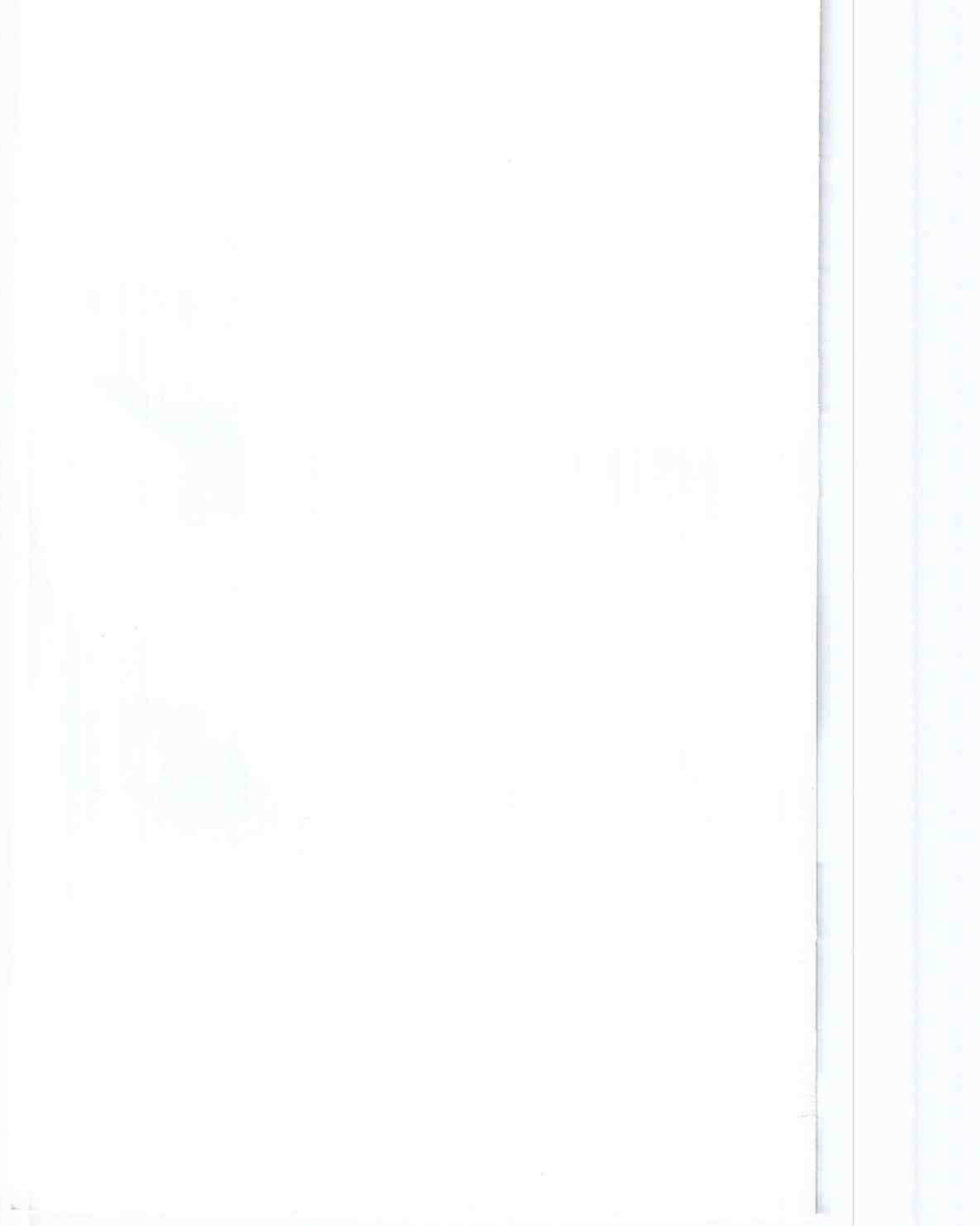
Đức Phú là một xã miền núi địa đầu phía Bắc của huyện Tĩnh Linh, được hình thành và phát triển sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Đức Phú không có một lịch sử riêng trong kháng chiến, nhưng đa số những người dân đầu tiên đến Đức Phú đều sinh ra và trưởng thành trong chiến tranh. Từ năm 1975 trở về trước, vùng đất Đức Phú toàn là rừng núi, cây cỏ, muông thú, không một xóm làng hay một bóng tiều phu về nhóm lửa chiều hôm. Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, Đức Phú đã đi lên từ những chiến dịch khai hoang, từ những điểm kinh tế mới của hàng nghìn người dân di cư theo chủ trương đúng đắn của Đảng và chính quyền các cấp, v.v...

Từ một nơi thiên nhiên hoang sơ không một bóng người, gần như cùng một lúc, chỉ trong vòng 01 tháng (tháng 4/1978), đã có 1.160 hộ / 5.700 nhân khẩu đến

(1) 5 xã Bắc sông của huyện Đức Linh lúc bấy giờ gồm: Sùng Nhơn, Mê Pu, Nghị Đức, Bắc Ruộng, Huy Khiêm.



Các đại biểu tham dự Hội thảo biên soạn lịch sử xã



từ Phú Quý, Phan Thiết (Thuận Hải) và Mộc Hóa (Long An) quy tụ về đây sinh cơ lập nghiệp. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân 05 xã Bắc sông của huyện Đức Linh lúc bấy giờ⁽¹⁾ đã “khai sơn phá thạch” bằng chiến dịch khai hoang rầm rộ mở đường cho họ tới, nhưng chính họ mới là những người “khai sơn phá thạch” và kiến thiết vùng đất này bằng tất cả cuộc sống của mình. Một phần trong số họ, gồm 250 hộ / 1.200 khẩu, chủ yếu là đồng bào đến từ Phan Thiết và một số đồng bào đến từ Bình Trị Thiên, sau này tuy tách khỏi Đức Phú để sát nhập vào Nghị Đức khi tái lập huyện Tánh Linh, nhưng vẫn là láng giềng gần gũi. Thay vào đó, đến cuối năm 1983, Đức Phú lại đón nhận thêm 540 đồng bào từ Ngư Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình nhập vào. Rồi đến năm 1995, Đức Phú tiếp tục đón nhận thêm 34 hộ / 162 khẩu đồng bào dân tộc K’Ho thuộc thôn 7 xã Đạ P’Loa⁽¹⁾. Cùng với quá trình tăng giảm dân số cơ học và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, đến cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, Đức Phú có 1.639 hộ / 7.649 khẩu, gồm đồng bào Kinh và đồng bào K’Ho anh em chung sống thuận hòa.

Từ 3 điểm kinh tế mới, Đức Phú tiến lên thành 3 tập đoàn sản xuất rồi xây dựng thành 2 hợp tác xã nông nghiệp và 1 hợp tác xã mua bán ở thời kỳ trước

(1) Nay là xã Đoàn kết, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

đổi mới. Sau này, 2 hợp tác xã nông nghiệp tiếp tục tồn tại và phát triển gắn liền với quá trình chuyển đổi, giao khoán, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần rồi kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; còn Hợp tác xã Mua Bán bị giải thể. Từ những công cụ thô sơ như cuốc, rựa, hoàn toàn dựa vào sức người ở buổi ban đầu, sau đó chuyển sang dùng sức kéo của trâu bò, rồi tiến lên dùng động cơ máy móc. Từ những mái nhà lá đơn sơ dần kiến thiết thành những căn nhà bán kiên cố và kiên cố, cả những ngôi nhà trông như biệt thự khang trang hiện đại. Từ những con đường mòn nhỏ bé gập ghềnh đã xây dựng thành những trục lộ lớn, trải nhựa bằng phẳng. Từ những ngọn đèn dầu lập lòe yếu ớt trong đêm tối mênh mông giữa núi rừng hiu quạnh, đã xuất hiện những bóng điện tỏa sáng lung linh khắp mọi căn nhà, đường thôn lối xóm. Mạng lưới giao thông nông thôn và giao thông nội đồng được đào đắp thuận lợi cho sản xuất và đời sống. Con em được nuôi dạy và học tập ngay tại địa phương từ bậc mầm non đến hết bậc trung học cơ sở, với hệ thống trường lớp kiên cố, sạch đẹp. Trạm y tế đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Những công trình văn hóa, tôn giáo – tín ngưỡng xuất hiện ngày càng to đẹp, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Nhiều người dân Đức Phú đã hội nhập vào xu thế khách quan của

thời đại toàn cầu hóa và cách mạng khoa học – công nghệ, trở thành những “công dân toàn cầu” trên những trang web, trang blog cá nhân, góp phần đưa các giá trị thiên nhiên và con người Đức Phú đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Hệ thống chính trị được xây dựng từ một “xã trắng đảng viên” sớm trở thành một Đảng bộ cấp cơ sở lớn mạnh của một huyện miền núi giàu truyền thống cách mạng, được cấp trên công nhận trong sạch vững mạnh nhiều năm liền. Chính quyền nhân dân được xây dựng trên cơ sở thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng và Nhà nước ta. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân sớm hình thành và phát triển, quy tụ đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần thiết thực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và xây dựng hệ thống chính trị của dân, do dân, vì dân.

Quá trình ấy chúng ta vừa nhìn lại qua trang sử, tuy ngắn ngủi nhưng để trải qua nó thì cần phải có một khoảng thời gian bằng cả nửa đời người, đồng thời phải đối mặt với tất cả những gì là “vạn sự khởi đầu nan” của thế hệ cha anh bao ngày “khai sơn phá thạch” mới định hình nên lịch sử hôm nay. Họ đã thực sự là chủ nhân làm nên lịch sử Đức Phú, đa số vẫn còn đang hiện diện trên mảnh đất này và là nhân chứng

sống cho đến tận ngày nay. Con cháu họ đang là thế hệ thứ ba ở Đức Phú, được nuôi dưỡng và học tập trong điều kiện mới.

Suốt 35 năm ấy, nhân dân xã Đức Phú đã hoạt động thực tiễn không ngừng, hòa nhập thành công, gạn đục khơi trong, chắt lọc tinh hoa từ quá trình lao động sản xuất, hun đúc nên những truyền thống tốt đẹp, cùng những bài học kinh nghiệm quý báu, kết tinh thành những giá trị tinh thần vô giá cho các thế hệ hôm nay và mai sau làm hành trang tiếp tục công cuộc xây dựng quê hương, đất nước của những người đi trước.

2. Những truyền thống quý báu của địa phương

Thứ nhất: *Tự lực, tự cường, vượt lên chính mình, vượt lên hoàn cảnh:*

Những ai đã từng phải rời xa nơi chôn nhau cắt rốn, dấn thân đi tìm vùng đất mới, tha hương trên “đất khách quê người”, hơn nữa phải làm lại tất cả từ đầu, ắt thấm thía tinh thần này. Trong khi đó, Đức Phú thậm chí còn chưa có cái gọi là “đất khách quê người”, vì những cư dân đầu tiên đặt chân đến đây chỉ thấy đất mà không thấy khách, chỉ thấy thiên nhiên hoang vu chứ chẳng thấy quê, chỉ thấy cây cỏ muông thú chứ chẳng thấy người. Tự họ phải trở thành khách, dựng thành quê và làm người chủ đầu tiên ở nơi này.

Trong 6 tháng đầu, họ chỉ nhận được sự trợ cấp khiêm tốn của Nhà nước, với cuộc rửa thô sơ, lương khô tối thiểu, sau đó phải tự túc hoàn toàn; phải vật lộn với trăm công nghìn việc trong điều kiện “khai hoang trắng”, mưa nắng nhà tranh, xung quanh rừng núi, lấm gốc lấm ụ... Họ phải từ bỏ không ít những thói quen, phong tục, tập quán sinh hoạt và cách làm ăn cũ để thích nghi với môi trường hoàn toàn xa lạ, chưa từng có ai đi trước dẫn đường chỉ lối. Chính họ phải tự dùng sức mạnh của mình để cải tạo thiên nhiên, dùng trí lực khuấy phục hoàn cảnh đầy chông gai thử thách. Quá trình ấy ngày càng đem lại hoa thơm quả ngọt cho họ, đồng thời được sự quan tâm sâu sắc của Đảng và chính quyền các cấp, cùng sự tăng cường các nguồn nhân vật lực của đồng bào, tất cả đã làm rạng danh tên đất tên người, định hình nên quê hương xứ sở mới. Bởi lẽ đó, truyền thống đầu tiên mà nhân dân Đức Phú hun đúc nên, như một lẽ tự nhiên, chính là tinh thần tự lực, tự cường, vượt lên chính mình, vượt lên hoàn cảnh.

Thứ hai: Đoàn kết xây dựng quê hương mới:

“Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”⁽¹⁾. Đó là truyền thống chung của cả dân tộc ta trong dựng nước, giữ nước và phát triển

(1) Lời trong “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết ngày 10 tháng 5 năm 1965.

đất nước. Truyền thống ấy được biểu hiện hết sức đa dạng, phong phú và mang tính đặc thù ở mỗi cộng đồng, địa phương. Đồng bào Đức Phú có nguồn gốc từ nhiều tỉnh, thành khác nhau, song hết thảy đều đồng cảnh ngộ, chung một mục tiêu là xây dựng cuộc sống mới, quê hương mới, hướng đến tương lai tươi sáng. Cho nên, đoàn kết vừa là đòi hỏi tất yếu khách quan vừa là yếu tính chủ quan của đồng bào. Ngay từ những ngày đầu mới lập nghiệp muôn vàn khó khăn gian khổ, đồng bào đã sát cánh bên nhau, chung lưng đấu cật chống chọi sự khắc nghiệt của thiên nhiên hoang dã, sự thiếu thốn to lớn cả về vật chất lẫn tinh thần, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi... Đồng bào trong mỗi điểm kinh tế mới phải nương tựa vào nhau, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau, động viên nhau lao động sản xuất và ổn định cuộc sống. Ngày thành lập xã cũng là ngày các điểm kinh tế mới thống nhất làm một, chung một mái nhà. Rồi hàng trăm hộ đồng bào từ nhiều tỉnh, thành khác cũng về với Đức Phú. Mọi người đoàn kết ngay trong từng gia đình, trong từng cộng đồng di cư đến, từng xóm thôn và toàn xã; đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, các vùng miền khác nhau; đoàn kết với các xã trong huyện và lân cận; đoàn kết trong phát triển kinh tế – xã hội và trong xây dựng hệ thống chính trị của dân, do dân, vì dân. Suốt 30 năm qua, trước bao biến động của thời cuộc, đồng bào vẫn

chung sức chung lòng, tiếp tục bồi đắp và hun đúc thêm những biểu hiện sinh động và cụ thể cho tinh thần đoàn kết ấy.

Thứ ba: *Nêu cao tinh thần đổi mới và sáng tạo:*

Phần lớn thời gian lịch sử của Đức Phú đồng hành với thời kỳ đổi mới đất nước. Bản thân những người dân đi kinh tế mới cũng đã chứa đựng và thể hiện tinh thần đổi mới cao độ. Đổi mới đồng hành với sáng tạo. Không có sáng tạo thì không có đổi mới, và ngược lại, không có đổi mới thì không có sáng tạo. Đức Phú vốn là quê hương thứ hai của những người nhập cư, nơi chưa từng có tiền lệ, vì vậy cả yêu cầu khách quan lẫn chủ quan, họ đều phải có cách nghĩ mới và cách làm mới, phải biến đổi truyền thống cũ để cải tạo tự nhiên và xây dựng các quan hệ xã hội mới. Quá trình ấy luôn đòi hỏi người dân Đức Phú phải phát huy cao độ tinh thần cầu thị, tìm tòi, vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong học tập, lao động trên tất cả các lĩnh vực. Và thực tiễn đã chứng minh tinh thần ấy suốt 35 năm qua, biến Đức Phú từ miền rừng núi hoang vu thành một đơn vị hành chính cấp cơ sở với tốc độ phát triển nhanh chóng, đến nay đã trở thành một địa phương đi đầu trong nhiều phong trào phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Đơn cử

là, trong nhiều năm qua, Hợp tác xã Nông nghiệp II Đức Phú luôn là một trong những đơn vị tiên phong trong lai tạo và chuyển giao giống mới cho nông dân ở cả trong và ngoài huyện.

Thứ tư: *Tinh thần lạc quan yêu đời, một lòng theo Đảng:*

Xã Đức Phú được thành lập từ kết quả trực tiếp của chủ trương đi kinh tế mới của Đảng và Nhà nước ta. Hàng trăm hộ dân tin theo tiếng gọi của Đảng, khi ý Đảng hợp với lòng dân, lần lượt đến với vùng đất này để định cư lâu dài. Ban đầu là hàng trăm hộ dân Phan Thiết và Phú Quý. Điển hình sau này là sự di cư đồng loạt theo một kế hoạch chặt chẽ của đồng bào Ngư Hóa, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy. Tất cả bắt đầu gần như từ con “số không”, phải sáng tạo nên những gì chưa có, trong điều kiện khó khăn thiếu thốn mọi bề, lại xa quê hương xứ sở, rừng thiêng nước độc, lạ nước lạ cái, v.v... Để vươn lên trong hoàn cảnh ấy, điều kiện ấy, thì những người trong cuộc phải có một tinh thần lạc quan cao đẹp, một tình cảm yêu đời thắm thiết, một tâm hồn mãnh liệt tràn trề sức sống... mới có thể làm nên lịch sử như ngày hôm nay. Lịch sử ấy gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự son sắt thủy chung của đồng bào một lòng tin theo Đảng, thực hiện tốt nhiều phong trào, nhiều chương trình

hành động cách mạng do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhờ vậy mà Đảng bộ xã Đức Phú đã vươn lên trở thành một tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp huyện, rồi cấp tỉnh.

3. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, Vận dụng triệt để và sâu sắc bài học của cha ông ta về “lấy dân làm gốc”. Trong đó, luôn chú trọng quán triệt và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể; không ngừng phát huy quyền làm chủ của người dân trên mọi lĩnh vực, gắn với phát huy tối ưu các nguồn lực trong nhân dân cho phát triển; nâng cao ý thức tôn trọng và thực hành pháp luật, gắn với đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; luôn phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...

Hai là, Thường xuyên quán triệt và thực hiện tốt quan điểm của Đảng về Phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa làm nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Trên cơ sở đó, phát huy cao độ các giá trị truyền thống tốt đẹp,

ra sức xây dựng nông thôn mới, chuẩn bị tốt những tiền đề vững chắc nhằm đưa địa phương phát triển nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba là, Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh là nhân tố hàng đầu quyết định thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trong đó, công tác cán bộ và công tác xây dựng Đảng là then chốt. Vì vậy, phải không ngừng giáo dục nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ, cũng như đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên từ xã đến thôn, xóm; kiên định mục tiêu lý tưởng, nghiêm túc thực hành phê bình và tự phê bình, giữ gìn đoàn kết; quan tâm sử dụng và phát huy tối ưu năng lực đội ngũ cán bộ đương chức, đảm bảo vận dụng và triển khai thực hiện có hiệu quả cao chủ trương, chính sách của cấp trên vào điều kiện cụ thể trên địa bàn; chú trọng thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận.

Những bài học trên là kết quả tổng kết kinh nghiệm thực tiễn ở Đức Phú trong suốt thời gian qua, có ý nghĩa toàn diện và sâu sắc đối với công cuộc phát triển ở địa phương sau này.

Nhìn lại Đức Phú kể từ khi hình thành và phát triển, trong mối quan hệ “thiên thời – địa lợi – nhân hòa” đã qua 35 năm. Khoảng thời gian ấy tuy không

dài, nhưng nhân dân Đức Phú đã từ mọi miền Tổ quốc về đây lập nghiệp, xây dựng nên quê hương xứ sở. Tuy Đức Phú vẫn còn là một xã nghèo nhưng có thể khẳng định rằng, đây là vùng đất đã đi lên từ 3 không: không người, không cơ sở kinh tế - kỹ thuật và không nền tảng chính trị - xã hội; 3 có: Có môi trường tự nhiên, có chủ trương chính sách của Đảng - Nhà nước và có người dân di cư đến. Như vậy, một vùng đất mới từ “không” đến “có”, từ có ít đến có nhiều và đang có tất cả. Điều đó chỉ diễn ra trong vòng 35 năm. Chủ nhân là những người nông dân, ngư dân, thợ thủ công, công nhân, giáo viên, thầy thuốc, người làm nghề tự do, v.v... thuộc nhiều thành phần dân tộc, tôn giáo từ nhiều vùng miền của Tổ quốc đã quy tụ về đây. Họ đến từ các tỉnh, thành thuộc cả ba miền Bắc - Trung - Nam, như: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Thuận, Long An. Trong đó có 3 cộng đồng dân cư chủ yếu đến từ Phú Quý, Phan Thiết, Bình Thuận; Mộc Hóa, Long An, nguyên quán Quảng Nam; Ngư Hóa, Quảng Trạch, Quảng Bình... Họ đã biến những lối mòn nhỏ bé, cây cối um tùm, âm u, không một bóng người trở thành những trục lộ cái quan, trải nhựa thông tHóang, người xe qua lại sớm khuya, điện giăng sáng tỏ. Biến những gốc cây, ụ mối nơi thâm sơn cùng cốc mọc lên những mái nhà san sát, ấm áp tình làng nghĩa xóm, người

thương đi về. Biển đất hoang thành nương rẫy, biển
bàu nước thành ruộng đồng; đánh thức môi trường tự
nhiên thuần túy, để lập nên trường học, trụ sở làm
việc, trạm xá, bưu điện, nhà văn hóa, cơ sở thờ tự tâm
linh, v.v... Từ những người nông dân chân lấm tay bùn
hay những người thợ thủ công nhỏ bé xưa kia, nay
đang xuất hiện ngày càng nhiều những nông dân sản
xuất lớn, làm kinh tế trang trại, những công nhân kỹ
thuật lành nghề, trí thức, chủ cửa hàng, chủ xưởng,
nhà doanh nghiệp, v.v...Đức Phú được như ngày nay là
có những con người đầy tinh thần tự lực, tự cường;
đoàn kết lao động, sáng tạo, không ngừng tự đổi mới
để vượt lên chính mình, vượt lên hoàn cảnh; với tinh
thần, một lòng theo Đảng, quyết tâm xây dựng quê
hương mới. Đó còn nhờ có chủ trương đường lối đúng
đắn của Đảng và Nhà nước, cùng sự quan tâm giúp
đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến
huyện và các xã bạn, tạo thành xu thế thiên thời – địa
lợi – nhân hòa trong suốt quá trình hình thành và phát
triển của Đức Phú.

Lịch sử Đức Phú 35 năm qua, chúng ta không chỉ
nhận thức được quá khứ hình thành và phát triển sinh
động, mà còn mở ra ánh sáng của hiện tại và tương lai
trước một tất yếu phát triển./.

PHỤ LỤC

I. CÁC ĐỒNG CHÍ TRONG BAN CHẤP HÀNH CHI, ĐẢNG BỘ XÃ TỪ NĂM 1983 - 2010

BAN CHẤP HÀNH CHI BỘ LÂM THỜI (1983 - 1985)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Thanh Sâm	1932	Bí thư	
2	Nguyễn Văn Hoa	1942	Phó Bí thư	
3	Trần Đức Thuận	1953	Phó Chủ tịch UBND xã	
4	Nguyễn Minh Hương	1950	Trưởng Công an xã	
5	Trần Văn Dụng	1940	Chủ nhiệm HTX KTM Ngư Hóa	

BAN CHẤP HÀNH CHI BỘ KHÓA I (1985 - 1987)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hoa	1942	Bí thư	
2	Nguyễn Minh Hương	1950	Phó Bí thư	
3	Trần Đức Thuận	1953	Phó Chủ tịch UBND	
4	Nguyễn Chí Thúc	1955	Kiểm tra Đảng	
5	Nguyễn Văn Hóa	1949	Phó Chủ tịch UBND, Trưởng CA	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA I (1987 – 1988)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Thanh Sâm	1932	Bí thư	
1	Nguyễn Văn Hoa	1942	Bí thư	Tái cử
2	Nguyễn Minh Hướng	1950	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Trần Đức Thuận	1953	Bí thư Chi bộ 1	Tái cử
4	Nguyễn Chí Thúc	1955	Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp I	Tái cử
5	Nguyễn Văn Bút	1960	UVTV, Phó Chủ tịch UBND xã	
6	Lê Văn Châu	1949	Bí thư Chi bộ 2, Chủ tịch UBND xã	
7	Trần Đức Sỹ	1953	Bí thư xã Đoàn	
8	Nguyễn Văn Hóa	1949	Trưởng Công an	
9	Mai Xuân Quảng	1959	Xã đội trưởng	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA II (1988 – 1991)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hướng	1950	Bí thư	Tái cử
2	Trần Đức Thuận	1953	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Lê Văn Châu	1949	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã	Tái cử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
4	Nguyễn Văn Hóa	1949	Chủ tịch UBMTTQVN xã	Tái cử
5	Nguyễn Văn Bút	1960	Phó Chủ tịch UBND xã	Tái cử
6	Mai Xuân Quảng	1959	Trưởng Công an	Tái cử
7	Nguyễn Thanh Bình	1954	Xã đội trưởng	
8	Trần Hồng Sơn	1961	Bí thư xã Đoàn	
9	Mai Xuân Hậu	1950	Phụ trách HTX Nông nghiệp I	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA III (1991 – 1993)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hương	1950	Bí thư	Tái cử
2	Trần Đức Thuận	1953	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Nguyễn Thanh Bình	1954	Xã đội trưởng	Tái cử
4	Lê Văn Châu	1949	Bí thư Chi bộ 2	Tái cử
5	Nguyễn Chí Thúc	1955	UVTV, Chủ tịch UBND xã	
6	Hồ Thanh Sâm	1932	Chủ tịch UBMTTQVN xã	
7	Nguyễn Văn Được	1948	Phó Chủ tịch UBND xã	
8	Mai Xuân Á	1954	Trưởng Công an	
9	Nguyễn Hồng Đậu	1952		

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA IV (1993 – 1995)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hường	1950	Bí thư	Tái cử
2	Trần Đức Thuận	1953	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Nguyễn Chí Thúc	1955	UVTV, Chủ tịch UBND xã	Tái cử
4	Hồ Thanh Sâm	1932	Chủ tịch UBMTTQVN xã	Tái cử
5	Mai Xuân Á	1954	Trưởng Công an	Tái cử
6	Nguyễn Thanh Bình	1954	Xã đội trưởng	Tái cử
7	Lê Văn Châu	1949	Trưởng thôn 2	Tái cử
8	Nguyễn Văn Hoa	1942	Trưởng thôn 1	
9	Nguyễn Văn Hà		Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA V (1995 – 2000)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hường	1950	Bí thư	Tái cử
2	Nguyễn Chí Thúc	1955	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã	Tái cử
3	Trần Đức Thuận	1953	Ủy viên Thường vụ	Tái cử
4	Lê Văn Châu	1949	Chủ tịch UBMTTTVN xã	Tái cử
5	Nguyễn Văn Hà	1953	Phó Chủ tịch HĐND	Tái cử

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
6	Trần Quang Vinh	1959	Xã đội trưởng	
7	Nguyễn Văn Bút	1960	Bí thư Chi bộ 1	
8	Nguyễn Văn Được	1948	Phó Chủ tịch UBND	
9	Trần Xuân Lập	1968	Bí thư Xã Đoàn	
10	Trần Quốc Hội	1945	Bí thư Chi bộ trường THCS	
11	Trần Hữu Trung	1960	Trưởng Công an	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA VI (2000 – 2005)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Hưởng	1950	Bí thư	Tái cử
2	Trần Đức Thuận	1958	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Nguyễn Chí Thúc	1955	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã	Tái cử
4	Lê Văn Châu	1949	Chủ tịch UBMTTQVN xã	Tái cử
5	Nguyễn Văn Hà	1953	Phó Chủ tịch HĐND	Tái cử
6	Trần Hữu Trung	1960	Trưởng Công an	Tái cử
7	Trần Quang Vinh	1959	Xã đội trưởng	Tái cử
8	Nguyễn Văn Bút	1960	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	Tái cử
9	Hồ Thanh Tuyển	1971	Bí thư xã Đoàn	
10	Nguyễn Thị Hoài Lan	1954	Phó Hiệu trưởng THCS	
11	Châu Ngọc Hương	1950	Chủ nhiệm HTX Nông nghiệp II	

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHÓA VII (2005 – 2010)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Quang Vinh	1959	Bí thư	Tái cử
2	Trần Đức Thuận	1953	Phó Bí thư Thường trực	Tái cử
3	Hồ Thanh Tuyển	1971	UVTV, Chủ tịch UBND	Tái cử
4	Nguyễn Chí Thúc	1955	Chủ tịch HĐND	Tái cử
5	Nguyễn Văn Hòa	1976	Xã đội trưởng	
6	Lê Văn Thiết	1973	Trưởng Công an	
7	Trần Bá Ngà	1975	Bí thư Chi bộ 1	
8	Mai Văn Lâm	1977	Phó Chủ tịch UBMTTQVN xã	
9	Phạm Văn Chín	1965	Bí thư Chi bộ 5	
10	Trần Hữu Trung	1960	Phó Chủ tịch HĐND	
11	Mai Duy Đức	1971	Bí thư Xã Đoàn	

III. CÁC ĐỒNG CHÍ ĐẢNG VIÊN KHI THÀNH LẬP CHI BỘ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào Đảng	Năm chính thức	Hiện nay
01	Nguyễn Thị Hồng Bé	1957	1981	1982	TP.HCM
02	Nguyễn Thanh Bình	1954	1974	1974	
03	Nguyễn Văn Bút	1960	1980	1982	Tuyên giáo Đảng ủy
04	Nguyễn Huy Cận	1954	1979	1980	Qua đời
05	Chu Văn Công	1943	1962	1963	
06	Vũ Thanh Cường	1939	1963	1964	
07	Nguyễn Văn Dịu	1925	1955	1956	Qua đời
08	Trần Văn Dụng	1940	1962	1964	
09	Nguyễn Thị Diệu	1955	1980	1982	TP.HCM
10	Mai Xuân Hậu	1950	1976	1977	
11	Nguyễn Văn Hoa	1942	1967	1968	
12	Nguyễn Văn Hóa	1949	1971	1972	CT Hội Người cao tuổi
13	Trần Thị Hoàn	1950	1972	1973	
14	Trần Minh Hoàng	1920	1959	1960	Nghỉ hưu
15	Nguyễn Minh Hương	1950	1971	1972	Nghỉ hưu
16	Trần Quốc Khanh	1952	1976	1978	
17	Trần Thị Lan	1962	1983	1985	Giáo viên Tiểu học 1
18	Nguyễn Thị Hoài Lan	1954	1983	1985	Nghỉ hưu
19	Nguyễn Thị Lán	1937	1955	1956	
20	Trần Quang Luận	1937	1964	1964	Thương binh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Năm vào Đảng	Năm chính thức	Hiện nay
21	Trần Thị Hồng Phú	1946	1964	1965	Thương binh
22	Hà Văn Phúc	1917	1950	1951	Qua đời
23	Trần Bá Quế	1946	1966	1967	
24	Trần Tứ Quý	1932	1966	1968	Qua đời
25	Hồ Thanh Sâm	1932	1959	1960	Qua đời
26	Trần Bá Sơn	1962	1983	1985	
27	Mai Xuân Sơn	1960	1983	1985	
28	Trần Đức Sỹ	1953	1975	1976	
29	Nguyễn Văn Thanh	1923	1960	1960	Nghỉ hưu
30	Nguyễn Thị Trung Thọ	1955	1983	1985	Nghỉ hưu
31	Hồ Văn Thục	1946	1967	1968	Thương binh
32	Trần Đức Thuận	1953	1975	1976	Nghỉ hưu
33	Nguyễn Chí Thức	1955	1979	1981	Nghỉ hưu
34	Mai Trọng Tiến	1937	1962	1963	Qua đời
35	Mai Xuân Toàn	1932	1967	1969	
36	Trần Xuân Trí	1943	1961	1962	Bệnh binh
37	Trần Hữu Trung	1960	1983	1985	Phó Bí thư Đảng ủy
38	Nguyễn Văn Tuy	1936	1961	1962	
39	Trần Văn Vạn	1944	1971	1972	
40	Mai Xuân Vịnh	1920	1949	1950	Qua đời
41	Nguyễn Văn Xin	1942	1967	1968	Qua đời
42	Mai Thị Xứng	1953	1972	1973	Nghỉ hưu

IV. CÁC ĐỒNG CHÍ ĐƯỢC NHẬN HUY HIỆU ĐẢNG

STT	Họ và tên	Năm sinh	Vào Đảng	Năm nhận	Huy hiệu	Ghi chú
01	Nguyễn Minh Hộ	1927	1949	2008	60 năm	
01	Trần Minh Hoàng	1926	1959	2009	50 năm	
02	Nguyễn Văn Thanh	1923	1960	2009	50 năm	
04	Nguyễn Thị Lán	1927	1955	2009	50 năm	
05	Trần Quang Luận	1937	1963	2004	40 năm	
06	Trần Bá Quế	1940	1966	2007	40 năm	
07	Lê Văn Dọ	1936	1965	2006	40 năm	
08	Chu Văn Công	1943	1962	2004	40 năm	
09	Nguyễn Văn Tuy	1936	1961	2001	40 năm	
10	Trần Văn Dũng	1940	1962	2009	40 năm	
11	Hồ Văn Thục	1946	1967	2009	40 năm	
12	Vũ Thanh Cường	1939	1963	2004	40 năm	
13	Trần Xuân Trí	1943	1961	2001	40 năm	
14	Nguyễn Văn Hoa	1942	1967	2007	40 năm	
15	Mai Xuân Toàn	1932	1967	2009	40 năm	
16	K'Gậy	1932	1967	2007	40 năm	
17	Trần Thị Hồng Phú	1946	1964	2004	40 năm	
18	Hồ Thanh Sâm	1932	1959	2004	40 năm	
19	Mai Xuân Vịnh	1920	1949	2001	40 năm	
20	Nguyễn Văn Thắng	1927	1949	2001	40 năm	Truy tặng
21	Nguyễn Văn Xin	1942	1967	2007	40 năm	
22	Trần Văn Dinh	1930	1957	2007	30 năm	Truy tặng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Vào Đảng	Năm nhận	Huy hiệu	Ghi chú
23	Nguyễn Minh Hương	1950	1971	2007	30 năm	
24	Mai Thị Xứng	1953	1972	2007	30 năm	
25	Trần Văn Phúc	1950	1971	2007	30 năm	
26	Trần Văn Thuận	1953	1975	2007	30 năm	
27	Trần Đức Sỹ	1953	1975	2007	30 năm	
28	Nguyễn Hồng Đậu	1953	1974	2007	30 năm	
29	Vũ Đào Tiên	1953	1978	2009	30 năm	
30	Trần Hữu Đán	1952	1973	2007	30 năm	
31	Trần Đình Lự	1944	1972	2007	30 năm	
32	Mai Xuân Á	1954	1979	2010	30 năm	
33	Bùi Văn Sinh	1954	1975	2007	30 năm	
34	Trần Văn Vạn	1944	1971	2007	30 năm	
35	Trần Quốc Khanh	1952	1976	2008	30 năm	
36	Trần Đắc Đán	1958	1979	2010	30 năm	
37	Trần Trọng Quỳnh	1950	1972	2007	30 năm	
38	Nguyễn Thanh Bình	1954	1974	2007	30 năm	
39	Mai Xuân Hậu	1950	1976	2007	30 năm	
40	Trần Thị Hoàn	1952	1972	2007	30 năm	
41	Nguyễn Văn Hóa	1949	1971	2007	30 năm	
42	K'Sáu	1954	1974	2007	30 năm	
43	Trần Quốc Hội	1945	1973	2007	30 năm	Truy tặng
44	K'Thị Thoại	1934	1973	2007	30 năm	
45	Lê Thị Luyện	1934	1967	2007	30 năm	Truy tặng
46	Hà Văn Phúc	1917	1950	2007	30 năm	Truy tặng
47	Nguyễn Văn Dịu	1925	1955	2007	30 năm	Truy tặng

V. DANH SÁCH LIỆT SĨ Ở ĐỊA PHƯƠNG

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Năm tham gia CM	Năm hy sinh	Ghi chú
01	Nguyễn Hồng Ân	1959	Quảng Bình	1978	1981	A trưởng - D5 - E157
02	Hà Văn Ất	1945	Quảng Bình	1964	1971	H2 - BP - C61 - Đ582
03	Nguyễn Hữu Chất	1946	Quảng Bình	1969	1970	H2 - Vệ binh Khu 4
04	Trần Ngọc Châu	1948	Quảng Bình	1966	1969	H3 - A trưởng
05	Lê Do	1953	Quảng Nam	1964	1970	A trưởng HD Đại Lộc
06	Lê Văn Duệ	1960	Hà Tĩnh	1978	1978	Chiến sỹ
07	Diệp Văn Đản	1948	Quảng Nam	1967	1969	Du kích Duy Vinh
08	Trần Khắc Đồng	1949	Quảng Bình	1968	1968	Chiến sỹ
09	Vũ Đình Giáo	1957	Quảng Nam	1976	1977	Du kích Vĩnh Hưng
10	Phạm Tấn Hải	1930	Quảng Nam	1952	1970	UV Ban GTVT
11	Trần Văn Hiếu	1942	Quảng Bình	1961	1968	Y tá Quân y

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Năm tham gia CM	Năm hy sinh	Ghi chú
12	Lê Đức Hóa	1952	Quảng Bình	1971	1974	H2 - C50 - K13 - Đ22b
13	Trần Khắc Hồ	1920	Quảng Bình	1952	1953	Dân công hỏa tuyến
14	Huỳnh Công Hợi	1900	Quảng Nam	1947	1949	Du kích Duy Thành
15	Mai Xuân Huân	1943	Quảng Bình	1964	1966	Chiến sỹ - F324
16	Nguyễn Phi Hùng	1957	Quảng Nam	1975	1976	Đội trưởng Du kích
17	Nguyễn Văn Hường	1954	Long An	1968	1973	H3 - B trưởng
18	Trần Bá Khuơu	1918	Quảng Bình	1945	1948	Dân công
19	Phạm Kiến	1928	Quảng Nam	1948	1970	Chiến sỹ giao liên
20	Ngô Đại Kỳ	1966	Bình Thuận	1985	1988	H2 - E94 - F307
21	Lê Thị Bích Liên	1956	Quảng Nam	1975	1976	Du kích Mộc Hóa
22	Trần Khắc Liêu	1957	Quảng Bình	1976	1977	A trưởng
23	Phạm Ngọc Loan	1940	Quảng Bình	1965	1968	H3

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Năm tham gia CM	Năm hy sinh	Ghi chú
24	Trần Quang Lộc	1941	Quảng Bình	1963	1970	A trưởng Đ126 Hải quân
25	Trần Khắc Lương	1946	Quảng Bình	1966	1967	A trưởng Tỉnh đội QB
26	Lê Thị Mai	1950	Quảng Nam	1965	1969	Huyện đội phó (?)
27	Nguyễn Mười	1942	Quảng Nam	1965	1968	B trưởng
28	Trương Nhĩ	1927	Quảng Nam	1954	1970	Dân công
29	Nguyễn Nông	1925	Quảng Bình	1948	1952	A trưởng
30	Nguyễn Phẩm	1941	Quảng Bình	1962	1967	H2 - Y tá - E29
31	Trần Văn Phước	1944	Quảng Bình	1963	1970	H3
32	Nguyễn Tám	1932	Quảng Nam	1965	1971	Xã đội phó Duy Tân
33	Thái Văn Tám	1967	Quảng Nam	1985	1985	Chiến sỹ
34	Nguyễn Anh Tâm	1967	Quảng Nam	1988	1989	Chiến sỹ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Năm tham gia CM	Năm hy sinh	Ghi chú
35	Phạm Thành	1959	Bình Thuận	1982	1984	H1 – MT579 – QK5
36	Nguyễn Việt Thơ	1925	Quảng Nam	1945	1957	Cơ sở cách mạng
37	Trần Thuận	1957	Quảng Nam	1975	1976	Du kích Thái Trị
38	Nguyễn Phước Thuận	1937	Quảng Nam	1964	1969	Thôn đội trưởng
39	Lê Thứ	1925	Quảng Nam	1952	1968	Du kích vùng Đại Cường
40	Lê Văn Thừa	1919	Quảng Trị	1942	1947	Du kích Hải Xuân
41	Lê Văn Toàn	1950	Quảng Nam	1968	1969	B trưởng
42	Trần Quang Trung	1922	Quảng Bình	1945	1954	Chiến sỹ
43	Nguyễn Văn Tuy	1938	Quảng Bình	1959	1968	B trưởng
44	Trần Đình Viêng	1930	Quảng Bình	1948	1952	H3 – A trưởng
45	Võ Xuyên	1957	Quảng Nam	1975	1977	Du kích Thái Trị

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
Chương I: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI	5
1.1. Thiên nhiên	
1.2. Con người	
Chương II: TẠO DỰNG MỘT VÙNG ĐẤT MỚI (1975 – 1981)	15
2.1. Hình thành các điểm kinh tế mới	
2.2. Tình hình đời sống và sản xuất của nhân dân những năm đầu lập nghiệp	
2.3. Quyết tâm bám trụ và cải tạo vùng đất mới	
Chương III:	
THÀNH LẬP XÃ ĐỨC PHÚ ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG (1981 - 1986)	28
3.1. Một đơn vị hành chính mới ở cơ sở và bước đầu xây dựng hệ thống chính trị	
3.2. Thành lập các tập đoàn sản xuất và phát triển kinh tế	
3.3. Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu và từng bước phát triển văn hóa – xã hội trên địa bàn	

3.4. Đón nhận đồng bào Ngư Hóa

3.5. Thành lập Chi bộ Đảng ở Đức Phú

3.6. Đức Phú những năm đầu tái lập huyện Tánh
Linh (1983 – 1986)

Chương IV: ĐỨC PHÚ NHỮNG NĂM ĐẦU 56
ĐỔI MỚI (1986 – 1990)

4.1. Đức Phú dưới ánh sáng đường lối đổi mới
của Đảng

4.2. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội

4.3. Từng bước kiện toàn và đổi mới hoạt động
của hệ thống chính trị

Chương V: ĐỨC PHÚ VỮNG BƯỚC TRÊN 73
ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1991 – 2000)

5.1. Sát nhập Tà Pửa vào Đức Phú

5.2. Kết quả triển khai thực hiện, cụ thể hóa
Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội
10 năm (1991 – 2000) ở Đức Phú

5.3. Không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả
hoạt động của hệ thống chính trị

Chương VI: ĐỨC PHÚ 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI (2001 – 2010) 111

6.1. Xây dựng Đảng là then chốt

6.2. Phát triển kinh tế là trọng tâm, đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội

6.3. Phát triển văn hóa làm nền tảng tinh thần xã hội, gắn với phát triển sự nghiệp giáo dục và y tế, củng cố và xây dựng trật tự xã hội tiến bộ

Chương: KẾT LUẬN 138

1. Đức Phú 35 năm hình thành và phát triển

2. Những truyền thống quý báu ở địa phương

3. Một số bài học kinh nghiệm

4. Thay lời kết luận

PHỤ LỤC 151

1. Danh sách Ban Chấp hành Chi/Đảng bộ xã từ 1983 – 2010

2. Danh sách đảng viên khi thành lập chi bộ

3. Danh sách đảng viên được tặng Huy hiệu Đảng

4. Danh sách liệt sỹ

**ĐỨC PHÚ 35 NĂM HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN (1975 - 2010)**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**Ban Thường vụ Đảng ủy xã
Trần Quang Vinh - Bí thư Đảng ủy xã**

Biên soạn:

Nguyễn Văn Quý

Biên tập:

**Ban Chỉ đạo biên soạn
Lịch sử Truyền thống xã**

Trình bày bì, sửa bản in:

**Nguyễn Văn Bút
Nguyễn Minh Hương**

In tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận.
Số lượng 300 cuốn. Khổ 13 x 19cm. Giấy phép xuất bản
số 35/GP-STTTT. Do sở Thông tin và Truyền thông
Bình Thuận cấp ngày 13/6/2011. In xong và nộp lưu
chiếu tháng 6/2011.

